

**BỘ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ**  
**VIỆN THỎ NHƯỠNG NÔNG HOÁ - SỞ KH & CN TỈNH HÀ GIANG**  
\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN**

**"XÂY DỰNG MÔ HÌNH CANH TÁC  
BỀN VỮNG TRÊN ĐẤT ĐỐC TẠI XÃ BẢN PÉO  
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ TỈNH HÀ GIANG"  
(2001-2002)**

*Thuộc chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng KHCN  
và phát triển kinh tế - Xã hội nông thôn và miền núi*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN: UBND TỈNH HÀ GIANG**  
**CƠ QUAN CHỦ TRÌ: SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ TỈNH HÀ GIANG**  
**CƠ QUAN CHUYỂN GIAO KHCN: VIỆN THỎ NHƯỠNG NÔNG HOÁ**

**HÀ NỘI THÁNG 12 NĂM 2002**

Số 129/QĐ-BKHCMNT

Hà Nội ngày 11 tháng 8 năm 2000

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Về việc phê duyệt các dự án đợt I năm 2000 thuộc chương trình  
"Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển  
kinh tế- xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002"*

**BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

- Căn cứ Nghị định 22-CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về  
nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi  
trường;

- Căn cứ quyết định số 132/1998/QĐ-Ttg ngày 21 tháng 07 năm 1998 của  
Thủ tướng Chính Phủ về việc giao nhiệm vụ xây dựng mô hình ứng dụng KHCMN  
phục vụ phát triển kinh tế- xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002;

- Căn cứ Quyết định số 354/QĐ-BKHCMNT ngày 13/4/2000  
của Bộ trưởng Bộ KHCMNT phê duyệt danh mục Dự án đợt I năm 2000 thuộc  
chương trình "Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục  
vụ phát triển kinh tế- xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002";

Theo đề nghị của các ông/bà: Phó Ban thường trực Ban chỉ đạo Chương  
trình, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Quản lý KHCMN Nông nghiệp.

**QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1: Phê duyệt 42 Dự án trong danh mục Dự án đợt I năm 2000 thuộc  
Chương trình "Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục  
vụ phát triển kinh tế- xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002"  
gồm 35 Dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ (Phụ lục 1) và 7  
Dự án Xây dựng phòng nuôi cấy mô thực vật (Phụ lục 2).

Tổng kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách Sự nghiệp Khoa học Trung  
ương là 22.570 triệu đồng ( hai mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi triệu  
đồng) .

- Thu hồi kinh phí từ các dự án về ngân sách sự nghiệp khoa học  
Trung ương là 1.546 triệu đồng ( một nghìn năm trăm bốn mươi sáu triệu  
đồng )

- Thời gian thực hiện, kinh phí hỗ trợ và thu hồi của từng Dự án trong danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Ủy quyền cho Vụ trưởng Vụ Kế hoạch ký hợp đồng với các Giám đốc Sở KH-CN-MT chủ trì thực hiện Dự án.

Điều 3: Các ông/bà Phó ban thường trực Ban chỉ đạo Chương trình, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Quản lý KH-CN Nông nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị cơ liên quan thuộc Bộ KH-CN-MT và Giám đốc các Sở KH-CN-MT Tỉnh/Thành phố có Dự án trong danh mục kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**BỘ TRƯỞNG**  
**BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

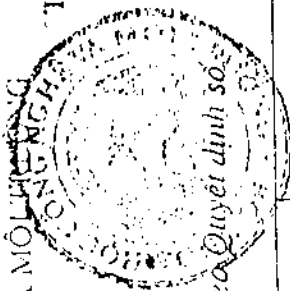
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các ủy viên BCD chương trình
- Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Vụ KH.



Chu Tuấn Nha

HỘI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
VÀ MÔI TRƯỜNG



TRÍCH DANH MỤC DỰ ÁN XÂY DỰNG MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KHCN (ĐỢT 1 NĂM 2000)  
thuộc Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển  
kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002.

IQD-BKHCNMT ngày 11 tháng 8 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)

(Kèm theo Quyết định số 10/2000/QĐ-BKHCNMT)

| Số TT | Tỉnh/Thành phố | Tên Dự án                                                                                                        | Mục tiêu                                                                                                                                                         | Nội dung chủ yếu (tên các mô hình)                                    | Quy mô Địa bàn                                             | Thời gian thực hiện |          | Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách SNKH TƯ (Triệu đồng) | Kinh phí thu hồi về ngân sách SNKH TƯ (Triệu đồng) | Cơ quan chuyên gia công nghệ                                                                     |
|-------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------|----------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       |                |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                  |                                                                       |                                                            | Bắt đầu             | Kết thúc |                                                   |                                                    |                                                                                                  |
| (1)   | (2)            | (3)                                                                                                              | (4)                                                                                                                                                              | (5)                                                                   | (6)                                                        | (7)                 | (8)      | (9)                                               | (10)                                               | (11)                                                                                             |
| 1     | Ninh Bình      | Xây dựng mô hình ứng dụng kỹ thuật tiến bộ phải triển khai tế - xã hội các xã Yên Đổng và Yên thành huyện Yên Mô | - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa từ 2,8-4 tấn/vụ, đồng thời tạo được mô hình lúa-cà, góp phần sử dụng có hiệu quả đất 1 vụ lúa.<br>- Xây dựng mô hình nước sạch | 1. Mô hình thâm canh lúa<br>2. Mô hình lúa cá<br>3. mô hình nước sạch | - 48 ha<br>- 5 ha<br>- Cung cấp cho 920 người có nước sạch | 8/2000              | 8/2002   | 750                                               | 0                                                  | - Viện Nông hoá thổ nhưỡng Bộ NN - PTNT<br>- TT Công nghệ cao thuộc viện vật liệu TTKHTN và CNQG |

Đính kèm

|   |          |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                      |                                                                                                          |        |        |     |   |                                                         |
|---|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|-----|---|---------------------------------------------------------|
| 3 | Hà Giang | Xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc tại xã Xuân Minh, huyện Hoàng Xu Phì                                                                                            | Xây dựng mô hình trình diễn về ứng dụng kỹ thuật tiên bộ trong sản xuất nông lâm nghiệp trên đất dốc góp phần tăng năng suất cây trồng, chống xói mòn, bảo vệ và duy trì độ phì của đất để canh tác lâu bền  | - Mô hình thâm canh cây lương thực<br><br>- Mô hình phát triển lâm nghiệp bền vững<br>- Mô hình phát triển chăn nuôi | - 9 ha lúa + 8 ha đậu tương với 90 hộ tham gia<br>- 20 ha rừng khoanh nuôi<br>- 1200 gà vịt chuyên trứng | 8/2000 | 8/2002 | 450 | 0 | Viện Nông hoá thổ nhưỡng<br>Bộ NN-PTNT                  |
| 4 | Hà Giang | Ứng dụng vật liệu Polime Compozit để hứng, chứa nước ăn cho đồng bào Mông, xã Lũng Cú, huyện Đổng Văn                                                                           | Lựa chọn được phương án thiết kế chế tạo mái hứng và bể chứa thích hợp để tích nước trong mùa mưa. Góp phần giải quyết khó khăn điều kiện đảm bảo vệ sinh phòng bệnh cho một xã khan hiếm nước trong mùa khô | - Xây dựng hệ thống mái hứng và bể chứa cho các hộ gia đình                                                          | 70 mái hứng diện tích 8 m <sup>2</sup> /mái và 70 bể chứa dung tích 4 m <sup>3</sup> /bể                 | 8/2000 | 8/2002 | 500 | 0 | Trung tâm Nghiên cứu vật liệu Polime, ĐHQG Khoa, Hà Nội |
| 5 | Lạng Sơn | Ứng dụng kỹ thuật tiên bộ xây dựng mô hình chuyên dịch cơ cấu cây trồng trên đất một vụ lúa kết hợp chăn nuôi góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại xã Gia Cát huyện Cao Lộc | Chọn được giống cây trồng, vật nuôi thích hợp để thâm canh tăng năng suất cây trồng trên đất 1 vụ và tăng thu nhập cho nông dân                                                                              | 1. Lúa mùa - khoai tây đông - ngô xuân<br>2. Lúa mùa - khoai tây đông - dưa xuân<br>3. Chăn nuôi gà lương phượng     | - 17 ha<br><br>- 17 ha<br><br>- Chăn nuôi 1.500 con gà                                                   | 8/2000 | 8/2002 | 500 | 0 | ĐH Nông nghiệp I<br>Bộ GD-ĐT                            |

2



( V/v đề nghị một số thay đổi  
Dự án KHCN năm 2000 )

-----oOo-----

Hà giang, ngày 7 tháng 11 năm 2000.

Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình NTMN

CUZCUB

212 CH

*J. Rank*

Ernst Fuchs

Hà giang, ngày 30 tháng 10 năm 2000

## TỜ TRÌNH

( Đề nghị một số thay đổi để thực hiện dự án KHCN  
thuộc chương trình PTNTMN năm 2000 )

*Kính gửi:*

Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường  
Thường trực Ban chỉ đạo chương trình PTNTMN  
UBND tỉnh Hà giang.

Năm 2000, được sự quan tâm của Bộ KHCNMT, tỉnh Hà giang được phê duyệt và triển khai 2 dự án thuộc Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội nông thôn, miền núi giai đoạn 1998 - 2002. Đó là:

1. Dự án : Xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc tại xã Xuân minh, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà giang. Tổng kinh phí 450 Triệu đồng.
2. Dự án : Ứng dụng công nghệ Vật liệu Polyme, Compuzit làm mái hứng và bể chứa nước sinh hoạt cho đồng bào xã Lũng cú, huyện Đồng văn, tỉnh Hà giang. Tổng kinh phí 500 Triệu đồng.

Đến nay, hai dự án đã hoàn thiện các thủ tục và bước đầu đi vào tổ chức triển khai thực hiện. Song tại địa phương, thời gian qua phát sinh một số tình hình thực tế, cụ thể như sau:

1. Về công tác tổ chức: Do điều động của cấp trên, đồng chí Phạm Đình Tuý chuyển công tác, nhận nhiệm vụ mới - Đồng chí Bùi Thị Nhung được điều động làm Giám đốc sở Khoa học, công nghệ và môi trường tỉnh Hà giang từ ngày 01/10/2000 - *Do đó để đảm bảo thủ tục theo yêu cầu của Chương trình đã đặt ra, sở KHCNMT Hà giang đề nghị thay đổi chủ nhiệm dự án của hai dự án trên nay là đồng chí Bùi Thị Nhung - Giám đốc sở.*
2. Về địa điểm của dự án Xuân minh: Đến nay, tại địa bàn xã Xuân minh đã có dự án đầu tư phát triển tổng thể của Bộ NN&PTNT, để tránh trùng lặp sở KHCNMT Hà giang đã làm việc cụ thể với UBND huyện Hoàng Su Phì, Viện thổ nhưỡng nông hoá và cùng thống nhất đề nghị : *Đối với dự án vẫn giữ nguyên các mục tiêu, nội dung và quy mô thực hiện, đề nghị cho chuyển đổi địa điểm sang xã Bản pèo thuộc huyện Hoàng Su Phì để thực hiện.*



3. Về nội dung dự án Compuzit tại Lũng cú: Tháng 9/2000, tỉnh Hà giang có chủ trương hỗ trợ đồng bào 4 huyện vùng cao phía bắc mỗi hộ 1,5 - 3 triệu đồng để lợp mái nhà bằng Phiproximăng và mỗi hộ 1 triệu đồng để xây dựng bể chứa nước ăn tại gia đình, chương trình này đến nay đang thực hiện có hiệu quả tốt. Để có thể lồng ghép nhiệm vụ khoa học với chương trình kinh tế trên, sở KH-CN-MT Hà giang đã làm việc với Trung tâm nghiên cứu vật liệu Polyme và thống nhất đề nghị thay đổi một số điểm của nội dung dự án, cụ thể như sau:

- Dự án chế tạo 20 bể chứa nước và 20 mái hứng theo thiết kế đã được duyệt thay cho 70 bộ mái hứng và 70 bể.
- Chế tạo thêm phần mái hứng có khung lắp sẵn và tấm lợp rời. Nghiên cứu chế tạo phần lớp phủ Proximăng chống độc hại, hỗ trợ lồng ghép với chương trình hỗ trợ mái lợp của tỉnh.
- Chế tạo gạch di hình để sản xuất và hỗ trợ 50 bể chứa nước ăn cho phù hợp với điều kiện trình độ và kinh tế của đồng bào vùng cao.

Phần kinh phí để chế tạo hai mục trên lấy từ kinh phí của việc chế tạo 50 bộ bể nước và 50 mái hứng của dự án đã được duyệt ban đầu.

Tổng kinh phí của dự án Compuzit không thay đổi.

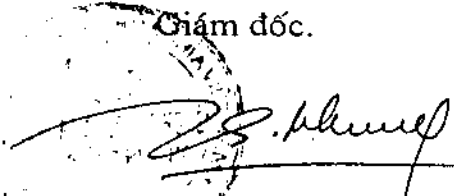
Với tình hình thực tiễn phát sinh như vậy, sở khoa học, công nghệ và môi trường Hà giang kính đề nghị Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường - Cơ quan thường trực chương trình phát triển kinh tế xã hội NTMN và UBND tỉnh Hà giang xem xét và phê duyệt một số đề xuất trên để các dự án triển khai được thuận lợi tăng thêm hiệu quả, lồng ghép tốt với các Chương trình phát triển kinh tế của địa phương.

Nơi nhận:

- Bộ KH-CN & MT ( B/cáo )
- Như kg ( Xem xét phê duyệt )
- Trung tâm Polyme HN ( Ph hợp )
- Ban Tuyên giáo TU ( B/cáo )
- Lưu ban GD, phòng QLKH.

SỞ KH-CN & MÔI TRƯỜNG HÀ GIANG

Giám đốc.

  
Bùi Thị Nhung.

UBND HUYỆN  
HOÀNG SU PHÌ

Số 2225/ CV-UB

(V/V chuyển địa điểm  
thực hiện dự án)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

-----\*----- 7b

Hoàng Su Phì, ngày 9 tháng 10 năm 2000

Kính gửi: Ban giám đốc sở Khoa học công nghệ & Môi trường.

Trong năm 2000 được sự quan tâm giúp đỡ của bộ KH&CN&MT, sở KH&CN&MT Hà Giang cho đầu tư thực hiện mô hình dự án canh tác bền vững trên đất dốc tại địa bàn huyện Hoàng Su Phì. Trong quá trình triển khai huyện đã chọn xã Xuân Minh làm địa bàn thực hiện dự án. Nay do mục đích yêu cầu của dự án và theo thỏa thuận của Sở KH&CN & MT, Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Su Phì đề nghị Sở KH&CN & MT Hà Giang cho chuyển địa bàn thực hiện dự án từ xã Xuân Minh sang thực hiện tại xã Bản Páo huyện Hoàng Su Phì để phát huy được hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án.

UBND huyện Hoàng Su Phì mong nhận được sự giúp đỡ của sở KH&CN&MT giúp cho huyện sớm được thực hiện dự án.

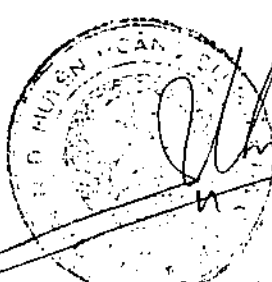
Nhà nhận

- Ban K&G (đề nghị)
- TT HU - UBND (b/c)
- CT - các PCT
- LM VT

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KI.Chủ tịch

P. chủ tịch



TRIỆU TÀI VINH

Hà giang, ngày 10 tháng 3 năm 2001.

**QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH HÀ GIANG**

( V/v thành lập Tổ công tác triển khai dự án  
Ứng dụng KHCN phát triển NTMN tỉnh Hà giang )

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND ( Sửa đổi ) ban hành ngày 21 tháng 6 năm 1994.

- Căn cứ vào Quyết định số 1075/QĐ-KH, ngày 14/8/1997, của Bộ trưởng Bộ KHCNMT về việc ban hành Quy chế tổ chức và chỉ đạo thực hiện Chương trình cấp Bộ: *Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển KTXH nông thôn, miền núi*. Quyết định 1429/QĐ-BKHCNMT, ngày 11/8/2000 của Bộ KHCNMT về phê duyệt và cho triển khai dự án NTMN tại tỉnh Hà giang.

Theo đề nghị của Giám đốc sở KHCNMT Hà giang - Chủ nhiệm dự án KHCN phát triển KTXH tại xã Bản péo, huyện Hoàng Su phì tỉnh Hà giang - Gọi tắt là Dự án Bản péo. Tại tờ trình số 51/TT-KCM, ngày 26/02/2001.

**QUYẾT ĐỊNH.**

**Điều 1:** Thành lập Tổ công tác dự án Bản péo, gồm những Ông, Bà có tên sau :  
( Danh sách ở phụ lục kèm theo Quyết định ) Kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2001 cho đến khi kết thúc, tổng kết dự án.

**Điều 2:** Tổ công tác dự án có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung và tiến độ dự án đã được Bộ KHCNMT phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Có báo cáo định kì với Bộ KHCNMT và UBND tỉnh trong quá trình triển khai dự án. Được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3:** Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc sở KHCNMT, Giám đốc sở Tài chính vật giá; Sở kế hoạch và đầu tư; Sở NN&PTNT; UBND Huyện Hoàng Su Phì; UBND xã Bản péo; Các đơn vị có liên quan và các Ông ( Bà ) có tên tại điều 1 chiếu quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày kí.

**Nơi nhận:**

- Bộ KHCN & MT ( B/cáo )
- T.Tr HĐND tỉnh ( B/cáo )
- Như điều 3 ( Thiện )
- Lưu VP, CVTH.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**



K. T. T. T. T.  
PHÓ CHỦ TỊCH

*Thuan*

*Hoàng Su Phì*



## DANH SÁCH

Tổ công tác dự án: Xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc  
tại xã Xuân minh, huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà giang  
Gọi tắt là: Dự án Bản péo.

( Theo Quyết định số 77/QĐUB/KCM2001, ngày 20 Tháng 5 năm 2001  
của UBND tỉnh Hà giang )

| Số<br>TT | Họ và tên           | Đơn vị công tác                                  | Chức danh<br>Tổ công tác<br>dự án |
|----------|---------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 1        | Ks. Bùi thị Nhung   | Giám đốc sở KHCNMT, chủ<br>nhiệm dự án           | Chủ nhiệm                         |
| 2        | Ts. Bùi Huy Hiền    | Viện trưởng Viện Nông hoá<br>thổ nhưỡng.         | P.Chủ nhiệm                       |
| 3        | Ks. Triệu Tài Vinh  | P.Chủ tịch UBND huyện<br>Hoàng Su Phì            | Thành viên                        |
| 4        | Ts. Nguyễn Văn Súc  | Tr.phòng sinh học đất - Viện<br>TNNH             | Thành viên                        |
| 5        | Ks. Phạm Minh Giang | Tr.phòng Quản lí khoa học,<br>sở KHCNMT Hà giang | Thư kí dự án                      |
| 6        | Cn. Trần Thu Hà     | Kế toán sở KHCNMT                                | Thành viên                        |
| 7        | Ks. Đỗ Tấn Sơn      | Tr. Phòng NN&PTNT huyện<br>Hoàng Su Phì          | Thành viên                        |
| 8        | Ks. Hoàng Hải Lý    | Trạm trưởng khuyến nông,<br>huyện Hoàng Su Phì   | Thành viên                        |
| 9        | Giàng Seo Vư        | Chủ tịch UBND xã Bản péo                         | Thành viên                        |

Số: 01 /HĐ-DANTMN

Hà Giang, ngày 21 tháng 2 năm 2001

### **HỢP ĐỒNG**

**THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
CÁC MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KHCN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
NÔNG THÔN MIỀN NÚI**

- Căn cứ quyết định số 1429/QĐ-BKHCMNT ngày 11 tháng 8 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường về việc phê duyệt Dự án thuộc Chương trình nông thôn, miền núi của tỉnh Hà Giang.
- Căn cứ hợp đồng chung số 03-2000/HĐ-DANTMN, ngày 15 tháng 8 năm 2000 giữa Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Sở KHCN và Môi trường tỉnh Hà Giang về việc thực hiện Dự án: **Xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc tại xã Xuân Minh, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.**
- Căn cứ văn bản số 3596/BKHCMNT-KII, ngày 29/11/2000 của Bộ khoa học Công nghệ và Môi trường về việc nhất trí cho thay đổi địa điểm dự án từ xã Xuân Minh sang thực hiện tại xã Bản Páo, huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang.

**Chúng tôi gồm:**

1. **BÊN GIAO (BÊN A):** Sở khoa học công nghệ và môi trường  
Tỉnh Hà Giang là cơ quan chủ trì dự án

Đại diện là Ông (Bà): **Bùi Thị Nhung**

Chức vụ: Giám đốc - Chủ nhiệm dự án

Địa chỉ: Phường Nguyễn Trãi, Thị xã Hà Giang

Điện thoại : 019.866.192

Số tài khoản : 301.02.00.00105

Tại ngân hàng: Chi cục kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang

2. **BÊN NHẬN (BÊN B):** Viện thổ nhưỡng nông hoá  
Cơ quan chuyển giao công nghệ

Đại diện là Ông (Bà): **Bùi Huy Hiền**

Chức vụ : Viện trưởng.

+ Địa chỉ : Xã Đông Ngạc- huyện Từ Liêm- Hà Nội  
+ Điện thoại : (04).8362380  
+ Số tài khoản : 431101000251  
+ Tại ngân hàng:Ngân hàng NN & PTNT Từ Liêm-Hà Nội

\* Người chủ trì ,thực hiện công trình:

1. Ông : ..Bùi Huy Hiền  
Chức Vụ:.....Viện trưởng.....

2. Ông : Nguyễn Văn Sức  
Chức Vụ:.....Phó trưởng phòng Nghiên cứu Độ Phì nhiều Đất

*Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:*

## I. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

**Điều 1:** Bên B cam kết thực hiện nội dung: Dự án xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc, tại xã bản Páo, Huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang. Theo các nội dung trong phụ lục 1,2 và 3 và thuyết minh dự án. Các phụ lục trên là bộ phận của Hợp đồng.

**Điều 2:** Thời gian thực hiện hợp đồng là 24 tháng, từ tháng 8/2000 đến 8/2002.

**Điều 3:** Bên A sẽ đánh giá và nghiệm thu sản phẩm khoa học-công nghệ theo các yêu cầu, chỉ tiêu nêu trong các phụ lục 1,2 và 3.

## II. TÀI CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

**Điều 4:** Kinh Phí để thực hiện công trình là: 435 triệu đồng  
( Bằng chữ. Bốn trăm ba năm triệu đồng chẵn) trong đó:  
-Giá trị hợp đồng: 420 triệu đồng  
- Kinh phí kiểm tra đánh giá và nghiệm thu là: 15 triệu đồng

**Điều 5:** Bên B được cấp số kinh phí ghi ở Điều 4 theo tiến độ sau:

| Đợt cấp | Số tiền ( triệu đồng) | Thời gian cấp |
|---------|-----------------------|---------------|
| 1       | 220                   | Quý 4/2000    |
| 2       | 115                   | Quý 2/2001    |
| 3       | 100                   | Quý 3/2001    |

Trước mỗi đợt chuyển kinh phí tiếp theo, bên A sẽ tiến hành xem xét và khẳng định kết quả đạt được theo tiến độ thực hiện nêu trong phụ lục 1. Nếu bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, bên A có thể kiến nghị thay

đối việc cấp kinh phí, hoặc tạm ngừng cấp kinh phí để tìm biện pháp xử lý cần thiết.

**Điều 6.** Bên B có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng 1 lần cho bên A về quá trình thực hiện và sử dụng tài chính của công trình, báo cáo quyết toán số kinh phí đã nhận được theo chế độ hiện hành trước khi nhận được kinh phí của đợt tiếp theo.

**Điều 7:** Bên B có trách nhiệm nộp cho bên A khoản kinh phí thu hồi là: 0 triệu đồng ( bằng 0 % giá trị hợp đồng) theo tiến độ sau:

| Đợt | Số tiền<br>( triệu đồng) | Thời gian cấp<br>( Ngày, tháng, năm) |
|-----|--------------------------|--------------------------------------|
| 1   | Không                    |                                      |
| 2   | Không                    |                                      |
| 3   | Không                    |                                      |

Nếu nộp chậm so với tiến độ này thì khoản thu hồi sẽ được tính thêm lãi suất tích kiệm cao nhất theo quy định hiện hành, nhưng không được nộp chậm quá 03 tháng.

### III. TRÌNH TỰ GIAO NHẬN SẢN PHẨM

**Điều 8:** Khi hoàn thành công trình, bên B phải chuyển cho bên A những tài liệu nêu trong Phụ lục 3 và chuẩn bị đầy đủ các mẫu sản phẩm nêu trong Phụ lục 1 để đánh giá và nghiệm thu.

**Điều 9:** Trong thời gian 10 ngày sau khi bên B đã thực hiện xong nội dung nêu trong Điều 8 và quyết toán kinh phí, bên A sẽ tiến hành nghiệm thu công trình.

**Điều 10:** Bên B được hưởng quyền tác giả và các quyền lợi khác theo chế độ hiện hành gắn với chế độ quyền tác giả.

Mọi việc chuyển giao thực hiện nội dung dự án cho bên thứ 3 phải được sự thoả thuận của cả 2 bên .

### IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

**Điều 11:** Trong quá trình thực hiện, nếu bên nào nhận thấy cần đình chỉ thực hiện Hợp đồng vì bất cứ lý do gì thì phải thông báo cho bên kia biết trước 10 ngày để xem xét, giải quyết, xác định trách nhiệm của các bên và lập biên bản xử lý.

Việc xác định trách nhiệm của các bên và lập biên bản xử lý cũng phải thực hiện đầy đủ trong trường hợp nội dung thực hiện không đạt kết quả khi đánh giá, nghiệm thu.

**Điều 12:** Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm về vật chất theo Pháp luật hiện hành.

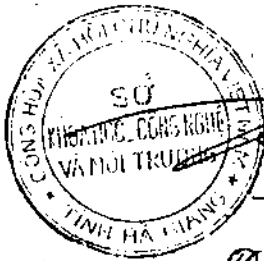
Nếu có các yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung hợp đồng, hai bên phải kịp thời thỏa thuận bằng văn bản và được kèm theo vào phần phụ lục của hợp đồng này.

**Điều 13:** Mọi tranh chấp về hợp đồng cần được giải quyết trước qua đàm phán trực tiếp, nếu không sẽ được giải quyết tại Tòa án kinh tế cấp tương ứng theo Luật pháp hiện hành.

**Điều 14:** Hợp đồng này có giá trị từ ngày ký. Hợp đồng sẽ được thanh lý sau khi các nội dung nêu tại Điều 7 và Điều 9 được thực hiện đầy đủ. Lập thành 6 bản, mỗi bên giữ 3 bản thực hiện.

**BÊN A**

SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ  
MÔI TRƯỜNG



GIÁM ĐỐC

*Bùi Thị Nhung*

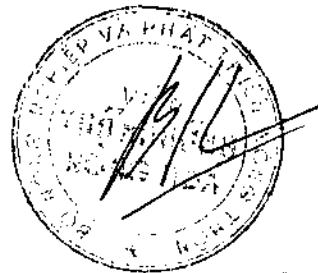
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

*B. Nhung*

*Bùi Thị Nhung*

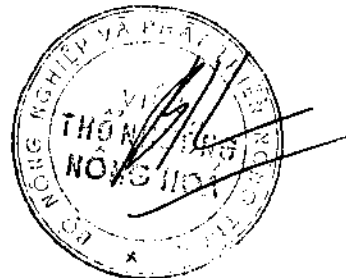
**BÊN B**

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHUYỂN GIAO  
CÔNG NGHỆ



VIỆN TRƯỞNG

T.S. BUI HUY HIEN  
CHỦ TRÌ CÔNG TRÌNH





**BỘ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ**  
**VIỆN THỎ NHƯỜNG NÔNG HOÁ - SỞ KH & CN TỈNH HÀ GIANG**  
\*\*\*\*\*

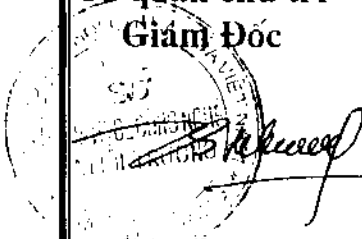
**BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN**

**"XÂY DỰNG MÔ HÌNH CANH TÁC  
BỀN VỮNG TRÊN ĐẤT ĐỐC TẠI XÃ BẢN PÉO  
HUYỆN HOÀNG SỬ PHÌ TỈNH HÀ GIANG"  
(2001-2002)**

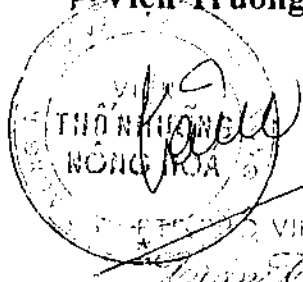
*Thuộc chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng KHCN  
và phát triển kinh tế - Xã hội nông thôn và miền núi*

|                                                           |                                               |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| <b>CƠ QUAN CHỦ QUẢN</b>                                   | <b>: UBND TỈNH HÀ GIANG</b>                   |
| <b>CƠ QUAN CHỦ TRÌ</b>                                    | <b>: SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ TỈNH HÀ GIANG</b> |
| <b>CHỦ NHIỆM DỰ ÁN</b>                                    | <b>: KS. BÙI THỊ NHUNG</b>                    |
| <b>CƠ QUAN CHUYỂN GIAO KHCN: VIỆN THỎ NHƯỜNG NÔNG HOÁ</b> |                                               |

**Cơ quan chủ trì**  
**Giám Đốc**

  
**Bùi Thị Nhung**

**Cơ quan chuyển giao KHCN**  
**P. Viện Trưởng**

  
**Viện Trưởng**  
*Trần Thị Cẩm*

## DANH SÁCH THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN

| Stt | Họ tên               | Mức độ tham gia    | Cơ quan                                          |
|-----|----------------------|--------------------|--------------------------------------------------|
| 1   | TS. Nguyễn Văn Súc   | Chủ trì công trình | Viện Thổ nhưỡng<br>Nông hoá                      |
| 2   | TS. Bùi Huy Hiền     | Cố vấn Dự án       | Viện Thổ nhưỡng<br>Nông hoá                      |
| 3   | GS.TS.Thái Phiên     | Cố vấn Dự án       | Viện Thổ nhưỡng<br>Nông hoá                      |
| 4   | KS.Đàm thế Chiến     | Thực hiện          | Trạm NC Cải tạo đất Bạc<br>màu Bắc Giang         |
| 5   | CN. Nguyễn Viết Hiệp | Thực hiện          | Viện Thổ nhưỡng<br>Nông hoá                      |
| 6   | TS. Nguyễn Hồng Vỹ   | Tham gia           | Trung Tâm Nghiên cứu vẹt<br>Đại Xuyên            |
| 7   | Nguyễn Đình Thông    | Thực hiện          | Trạm khuyến nông huyện<br>Hoàng Su Phì, Hà Giang |
| 8   | Dương Văn Nhà        | Tham gia           | Bí Thư xã Bản Páo                                |
| 9   | Ma Mí Sinh           | Tham gia           | Chủ Tịch xã Bản Páo                              |
| 10  | Giàng Seo Vư         | Tham gia           | xã Bản Páo                                       |
| 11  | Cháng Văn Chấn       | Tham gia           | xã Bản Páo                                       |
| 12  | Hoàng Thế Quyền      | Tham gia           | xã Bản Páo                                       |
| 13  | Trương Văn Thanh     | Tham gia           | xã Bản Páo                                       |

### Các cơ quan Phối hợp

- Sở KH-CN Tỉnh Hà Giang, Phối hợp chỉ đạo
- UBND Huyện Hoàng Su Phì, Phối hợp chỉ đạo
- Trạm NC Cải tạo đất Bạc màu Bắc Giang - Viện TNNH Phối hợp triển khai
- Phòng NN & PTNT huyện Hoàng Su Phì, Hà Giang Phối hợp triển khai
- Trạm khuyến nông huyện Hoàng Su Phì, Hà Giang Phối hợp triển khai
- Trạm giống cây lâm nghiệp, lâm trường Hoàng Su Phì, Hà Giang
- Trung Tâm Nghiên cứu vẹt Đại Xuyên cung cấp con giống

# MỤC LỤC

|                                                                    |                |
|--------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>MỞ ĐẦU</b>                                                      | <b>Trang 5</b> |
| <b>1. GIỚI THIỆU NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ DỰ ÁN</b>                      | <b>6</b>       |
| 1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội vùng dự án:                 | 6              |
| 1.1.1. Điều kiện tự nhiên                                          | 6              |
| 1.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội                                    | 7              |
| <b>2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG DỰ ÁN:</b>                                | <b>8</b>       |
| 2.1. Mục tiêu dự án:                                               | 8              |
| 2.2. Nội dung dự án:                                               | 9              |
| 2.2.1. Mô hình phát triển cây lương thực                           | 9              |
| 2.2.2. Xây dựng mô hình canh tác bền vững                          | 9              |
| 2.2.3. Mô hình hỗ trợ phát triển cây lâm nghiệp và cây công nghiệp | 9              |
| 2.2.4. Mô hình hỗ trợ phát triển chăn nuôi                         | 10             |
| 2.2.5. Huấn luyện đào tạo tuyên truyền                             | 10             |
| 2.3. Tổ chức thực hiện Dự án                                       | 10             |
| 2.4. Quá trình thực hiện Dự án và những vấn đề phát sinh           | 11             |
| 2.5. Vấn đề phối hợp chỉ đạo lồng ghép các dự án đề tài chuyên môn | 12             |
| <b>3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN :</b>                                      | <b>12</b>      |
| 3.1. Mô hình cây lương thực                                        | 12             |
| 3.2. Mô hình canh tác bền vững                                     | 14             |
| 3.3. Mô hình hỗ trợ phát triển cây lâm nghiệp và cây công nghiệp   | 15             |
| 3.4. Mô hình hỗ trợ phát triển chăn nuôi                           | 15             |
| 3.5. Mô hình đào tạo kỹ thuật viên, huấn luyện thuật               | 17             |
| 3.6. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Dự án                     | 18             |
| <b>4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ:</b>                                     | <b>25</b>      |
| <b>5. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM</b>                                | <b>26</b>      |
| <b>PHỤ LỤC</b>                                                     | <b>27</b>      |

## MỞ ĐẦU

Hà Giang là một tỉnh miền núi dân tộc có 90% là đồng bào các dân tộc thiểu số, toàn tỉnh có 9 huyện và một thị xã tỉnh lỵ thì có đến 4 huyện (có 117/184 xã) đặc biệt khó khăn, do địa hình chia cắt mạnh, sông suối nhiều nên tỉnh được hình thành 3 vùng rõ rệt: Vùng núi đá, vùng núi đất và vùng thấp. Kinh tế - xã hội phát triển ở mỗi vùng trong những năm gần đây có nhiều khởi sắc góp phần tích cực trong việc thúc đẩy tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong tỉnh, làm thay đổi giảm số hộ đói nghèo từ 46% (năm 1996) đến nay xuống trên 10% tuy nhiên đời sống của nhân dân vẫn ở mức thấp, bình quân/người chỉ đạt trên dưới 100 USD □. Hà Giang vẫn nằm trong danh sách những tỉnh miền núi nghèo khó nhất trong cả nước. Vì vậy Hà Giang luôn luôn cần có sự hỗ trợ và giúp đỡ của Nhà nước, các bộ ngành ở trung ương, của KHCN...

Xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi là vấn đề bức xúc của toàn xã hội đang được Đảng, nhà nước ta quan tâm giải quyết. Vì vậy Nhà nước đã giành riêng một *chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng KHCN và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi*. Dự án "*Xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc tại xã Bản Páo huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang*" (2001-2002) là một trong những dự án thuộc chương trình trên.

Theo công văn đề nghị của UBND tỉnh Hà Giang số 56/CV-UB ngày 7/01/2000 về việc đề nghị hỗ trợ dự án KHCN năm 2000. Ngày 11/8/2000 Bộ trưởng Bộ KHCN & MT (nay là Bộ KHCN) đã phê duyệt dự án "*Xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc tại xã Bản Páo huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang*" và giao cho UBND là cơ quan chủ quản Dự án, Sở KHCN tỉnh là cơ quan chủ trì, Cơ quan chủ trì công trình (Cơ quan chuyển giao KHCN) Viện Thổ nhưỡng Nông hoá (theo hợp đồng số ngày năm 2001). Dự án đã được triển khai thực hiện từ tháng 1 năm 2001 đến 31 tháng 12 năm 2002 (24 tháng).

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Khoa học Công nghệ, của UBND Tỉnh và Sở KHCN Hà Giang, UBND huyện Hoàng Su Phì và sự hưởng ứng, tham gia nhiệt tình của lãnh đạo địa phương cùng toàn thể đồng bào các dân tộc xã Bản Páo Dự án đã hoàn thành đúng thời hạn và có kết quả.

*Ban chủ nhiệm Dự án, Cơ quan chuyển giao KHCN xin chân thành cảm ơn sự chỉ đạo, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi có hiệu quả của các cơ quan Trung ương, Bộ Khoa học & Công nghệ, UBND Tỉnh và các Sở của Tỉnh Hà Giang, UBND huyện Hoàng Su Phì, Lãnh đạo xã, các đoàn thể và đồng bào các dân tộc xã Bản Páo.*

## 1. GIỚI THIỆU NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ DỰ ÁN:

*Dự án: "Xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc tại xã Bản Páo huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang" gọi tắt là dự án Bản Páo.* Dự án được thực hiện ở huyện Hoàng Su Phì thuộc vùng núi đất của tỉnh Hà Giang.

Xây dựng trên cơ sở đề nghị của địa phương chuyển vị trí thực hiện Dự án từ xã Xuân Minh về xã Bản Páo. Do sự thay đổi địa điểm thực hiện dự án nên khi tiến hành triển khai Dự án đã gặp phải những khó khăn như:

- + Phải tiến hành khảo sát viết lại toàn bộ các nội dung của Dự án cho phù hợp với tình hình cụ thể ở địa điểm mới, với trình độ tiếp nhận của nhân dân địa phương và trình các cơ quan cấp trên.

- + Các thủ tục hành chính liên quan đến Dự án được tiến hành một cách rất khẩn trương, tuy nhiên cũng phải đến trung tuần tháng 2/2001 các thủ tục cơ bản mới được hoàn tất.

Huyện Hoàng Su Phì có tổng diện tích tự nhiên là 79.955 ha, trong đó tổng diện tích đất là 78.588 ha, núi đá là 986 ha và sông suối là 381 ha. Đất thuộc 3 nhóm đất chính: Nhóm I: Nhóm đất xám (ACRISOLS 77.045 ha) trong đó chủ yếu: Đất xám điển hình (*Haplic Acrisols*) là 9.962 ha, đất xám feralit (*Feralic Acrisols*) 31.988 ha, đất xám mùn trên núi (*Humic Acrisols*) 34.737 ha. Nhóm II: nhóm đất mùn alit trên núi cao 1.316 ha. Nhóm thứ III: Nhóm đất Phù sa 227 ha. Địa hình phức tạp bị chia cắt mạnh bởi núi cao và sông suối nên đất đai có độ dốc cao (20-35°). Nhiệt độ trung bình 20-21°, tổng lượng mưa trên 1600 ml/năm, số ngày mưa trên 140 (gần 5 tháng/năm), tập trung vào tháng 7&8 (21-22 ngày mưa/tháng), số ngày mưa đá 3-4 ngày/năm. Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển nông nghiệp và kinh tế xã hội của huyện Hoàng Su Phì trong đó có xã Bản Páo, nơi Dự án được thực thi.

### 1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế và xã hội vùng dự án:

#### 1.1.1. Điều kiện tự nhiên:

Xã Bản Páo nằm ở phía Đông - Nam huyện Hoàng Su Phì, cách huyện lỵ khoảng 25 km, tỉnh lỵ khoảng 100 km, đường vào xã đi lại khó khăn do đường thường xuyên bị sạt lở.

Đặc điểm chính thổ nhưỡng: Nền đá mẹ tạo đất chủ yếu là đá Phylit, gralit, sa phiến thạch và phiến thạch Mica. Hầu hết đất thuộc nhóm feralit có thành phần cơ giới trung bình đến thịt nhẹ, tầng đất mỏng do bị xói mòn rửa trôi, đất chua nghèo dinh dưỡng (pH 3,8 — 4,2; OM%: 1,5 - 2,7; N%: 0,201 - 0,28; P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> %: 0,065 - 0,111; K<sub>2</sub>O%: 0,28 - 0,58). Nguyên nhân chủ yếu do canh tác không đúng kỹ thuật, không có biện pháp canh tác chống xói mòn, canh tác chủ yếu trên ruộng bậc thang truyền thống.

Tổng diện tích đất tự nhiên: 1.238 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 266,5 ha (đất lúa 86,5 ha; đất chè 53 ha, cây trồng khác).
- Đất lâm nghiệp: 448,16 ha; Rừng tự nhiên 172,1 ha; Rừng trồng 276 ha.
- Đất đồi núi chưa sử dụng: 496,43 ha.
- Đất chuyên dùng: 19,07 ha, Đất ở: 8,56 ha.

### **1.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội**

*Sản xuất nông nghiệp:*

- Năng suất lúa bình quân 36 - 38 tạ/ha.
- Năng suất ngô bình quân 20 - 22 tạ/ha.
- Thu nhập bình quân lương thực /người/năm: 300 kg.
- Tổng đàn trâu: 600 con trong đó cày kéo là 358 con
- Tổng đàn lợn: 740 con; Ngựa 135 con; Dê: 560 con. Gia cầm: 4560 con.

*Giáo dục y tế:*

- Tổng số trường cấp I: 1 trường chính và 3 phân trường, trong đó trường điểm được Dự án 135 đầu tư 1 nhà 2 tầng kiên cố, tuy nhiên cơ sở vật chất còn rất nghèo nàn, nhất là trang thiết bị học tập.
- Tổng số em trong độ tuổi đến trường được đi học và biết chữ 95%
- Có một trạm xá, Y tá, Y sỹ: 2 người, với 4 giường bệnh, các thiết bị y tế thiếu thốn
- Số thuốc cấp phát bình quân 2000d/người/năm.

*Dân số:*

Tổng dân số: 193 hộ với 1233 khẩu, nữ 623, trong đó lao động chính 411.

- Dân số chia theo dân tộc: Toàn xã có 3 dân tộc: Hmông, Dao, Tày, trong đó:
  - + Dân tộc Hmông: 100 hộ với 681 khẩu chiếm 55,3%.
  - + Dân tộc Dao: 88 hộ với 527 khẩu chiếm 42,7%.
  - + Dân tộc Tày: 5 hộ với 25 khẩu chiếm 2%.

Xã Bản Páo có 4 thôn bản: Bản Páo, Nậm Dịch, Thành Công và Kết Thành

*Cơ sở hạ tầng:*

- Cơ sở vật chất nghèo nàn, trụ sở UBND Xã cho đến nay vẫn làm việc tạm ở nhà cấp 4.
- Về giao thông nông thôn: xã có 5 km đường đất ô tô có thể đi đến trung tâm UBND xã nhưng rất khó khăn, đường dân sinh giữa các bản đang được khảo sát

và khai phá .

- Trình độ cán bộ xã: rất thấp hầu hết chưa hết cấp một, còn khó khăn khi dùng tiếng phổ thông.

### **Đánh giá chung:**

- Xã Bản Páo là một trong số 25 xã nghèo (toàn huyện có 27 xã) của huyện Hoàng Su Phì thuộc diện hỗ trợ chương trình 135, hoạt động chính là sản xuất nông lâm nghiệp, cơ sở hạ tầng rất thấp, do tập quán phương thức canh tác lạc hậu nên cơ hội tiếp nhận ứng dụng các TBKT cũng như khả năng đầu tư khai thác tiềm năng đất đai chưa được quan tâm, do đó đời sống của nhân dân vẫn còn nhiều thiếu thốn, hàng năm vẫn còn có hộ đói. *Là một trong những điểm nóng về di dân tự do của huyện trước đây.*
- Đảng Bộ và nhân dân địa phương nhiệt tình, cần cù lao động tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng & Nhà nước, khao khát được áp dụng các TBKT vào phục vụ phát triển kinh tế hộ gia đình và cộng đồng. Bước đầu đã biết tiếp cận với KHKT bằng việc sử dụng một số giống mới như lúa lai.
- Với những khó khăn và những thuận lợi trên việc xây dựng mô hình chuyển giao TBKT phù hợp vào Bản Páo nhằm phát huy các tiềm năng tại chỗ là việc làm hết sức cần thiết góp phần thiết thực giúp đỡ đồng bào vùng sâu, vùng xa vùng đồng bào các dân tộc ứng dụng KHCN để phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, không những góp phần an ninh lương thực mà quan trọng hơn nữa xoá đi những điểm nóng về di cư tự do, bảo đảm an ninh quốc phòng vùng biên giới. Đồng thời cũng là trách nhiệm to lớn của cán bộ KHKT, các ngành, các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương

## **2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG DỰ ÁN:**

### **2.1. Mục tiêu dự án:**

- Xây dựng một số mô hình về ứng dụng KHCN trong sản xuất nông lâm nghiệp mang tính bền vững trên đất dốc, nhằm phát huy có hiệu quả tiềm năng đất đai của địa phương góp phần tăng năng suất cây trồng vật nuôi, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế hộ gia đình và cải thiện đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân tộc nông thôn miền núi, nâng cao trình độ dân trí, biết tự tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế hộ.
- Thông qua các mô hình ứng dụng KHCN, đào tạo một đội ngũ kỹ thuật viên nhân dân tại chỗ, có đủ khả năng tiếp nhận và nhân rộng các kết quả mô hình ra vùng lân cận. Đề xuất các giải pháp KHCN, đầu tư hợp lý cho phát triển kinh tế hộ gia đình nông thôn miền núi của tỉnh trên quan điểm phát triển bền vững. \*

- Từ các kết quả thu được, làm cơ sở góp phần đề xuất với nhà nước xây dựng một số cơ chế chính sách phù hợp trong việc chuyển giao KHCN phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi đặc biệt là vùng sâu, vùng xa.

## **2.2. Nội dung dự án:**

### **Xây dựng các mô hình:**

#### **2.2.1. Mô hình phát triển cây lương thực:**

- Hình thành mô hình thâm canh cây lương thực tăng năng suất lúa trong điều kiện tự nhiên hiện có của vùng dự án. Phân đầu đưa năng suất lúa lên 4,0 tấn/ha
- Đưa cây màu (đậu tương) vào cơ cấu cây trồng góp phần tăng thêm 1 vụ trên đất trồng 1 vụ lúa (1 vụ màu + 1 vụ lúa), tăng thu nhập /đơn vị diện tích, bảo vệ và nâng cao độ phì nhiêu của đất. Phân đầu đưa tăng thu nhập trên 1 ha canh tác từ 7 - 9 triệu đồng.

#### **• Mô hình tăng vụ trên đất trồng 1 vụ lúa: Đậu tương xuân - Lúa mùa.**

Quy mô: 8ha (4ha đậu tương xuân + 4ha lúa mùa).

#### **• Mô hình thâm canh tăng năng suất lúa vụ mùa.**

Quy mô: 9ha.

#### **\* Giải pháp kỹ thuật:**

- Đưa giống lúa, đậu tương có phẩm chất tốt vào cơ cấu giống (các giống lúa lai San ưu 63; Đậu tương DT90, DT 99, AK 06...) thay thế các giống cũ ở địa phương.

- Áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến (bón phân hợp lý, phòng trừ sâu bệnh, sử dụng các loại phân phun lá...)

- Tập huấn kỹ thuật (chú ý kỹ thuật bản địa)

#### **2.2.2. Xây dựng mô hình canh tác bền vững :R-N-L**

**( Rừng (rừng trồng bổ sung) - Nuông (ngô xuân+Đậu tương hè thu) - Lúa (đậu tương xuân +Thâm canh lúa mùa)).**

- Đầu tư ổn định sản xuất lương thực, bảo vệ độ phì nhiêu của đất, phát triển vốn rừng góp phần bảo vệ môi trường.
- Tăng thêm 1 vụ màu (đậu tương xuân) trên ruộng bậc thang trồng 1 vụ lúa và đất dốc trồng 1 vụ ngô trước đây (trồng thêm vụ đậu tương hè thu).
- Đưa các cây phân xanh, chống xói mòn (cốt khí, cỏ Vetiver) trồng giữa các băng.

- Quy mô: 9ha (2ha ngô xuân hè + 2ha đậu tương hè; 2ha đậu tương xuân + 2ha lúa mùa; 01 ha rừng).

#### **2.2.3. Mô hình hỗ trợ phát triển cây lâm nghiệp và cây công nghiệp**

- Hỗ trợ mô hình áp dụng TBKT cho hộ gia đình nhằm khai thác đi đôi với



trồng rừng bổ sung, duy trì phát triển vốn rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, sử dụng có hiệu quả đất nông lâm nghiệp, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.

Quy mô: 20 ha

- Hỗ trợ Kỹ thuật chăm sóc phát triển cây chè Shan tạo sản phẩm hàng hoá cho vùng.

Quy mô : 4 ha

#### **2.2.4 . Mô hình Hỗ trợ phát triển chăn nuôi.**

- Hỗ trợ mô hình phát triển chăn nuôi theo quy mô hộ gia đình, tạo nguồn vitamin tại chỗ, tiến tới có sản phẩm hàng hoá, đưa vào các giống vịt, gà chuyên trứng nhằm tăng nguồn thu cho các hộ gia đình.
- Đào tạo màng lưới thú y viên cho thôn bản, có đủ năng lực tham gia phòng chống dịch bệnh tại địa phương.
- Hạn chế, tiến tới ngăn chặn dịch bệnh cho gia súc vùng dự án thông qua việc tổ chức tiêm phòng dịch hàng năm.

#### **Giải pháp kỹ thuật:**

- Hỗ trợ trang thiết bị thú y phòng dịch cho đàn gia súc gia cầm tại vùng dự án.
- Hỗ trợ con giống: Vịt chuyên trứng, gà giống nuôi thả vườn cho các hộ.
- Hỗ trợ phát triển nuôi ong mật, tăng thu nhập cho nhân dân vùng dự án.
- Hỗ trợ có giống phát triển nguồn thức ăn cho đại gia súc vùng dự án.

#### **2.2.5. Huấn luyện đào tạo tuyên truyền:**

- Đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên cho địa phương, biết áp dụng và chuyển giao TBKT trong điều kiện KTXH ở địa phương.

**Chỉ tiêu thực hiện:** Lúa 15 ha. Đậu tương 8 ha. Ngô 2 ha. 10.000 cây giống lâm nghiệp. Vịt ,gà giống 1.200 con. Ong giống 40 đàn.

### **2.3. Tổ chức thực hiện Dự án**

Sau khi dự án được phê duyệt, Sở KHCN tỉnh Hà Giang là cơ quan chủ trì dự án, đã khẩn trương ký kết hợp đồng số 01/HĐ-DATMN ngày 21/02/2001 với cơ quan được lựa chọn chuyển giao KHCN là Viện Thổ nhưỡng Nông hoá.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ra quyết định số 709/QĐUB/KCM2001 về việc thành lập tổ công tác triển khai Dự án gồm các thành viên của các cơ quan ở địa phương và cơ quan chuyển giao KHCN có liên quan tới Dự án .

- Cơ quan chuyển giao KHCN tiến hành giao nhiệm vụ cho cán bộ có năng lực chuyên môn tổ chức nhóm công tác thực hiện các nội dung của Dự án. Với sự phối hợp chặt chẽ các phòng chức năng của huyện: Phòng khuyến nông huyện Hoàng Su Phì và cán bộ chủ chốt xã Bản Páo. Phương châm hoạt động: Cán bộ Dự án phải thường xuyên có mặt tại địa phương để theo dõi, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ của Dự án, cũng như tiếp nhận những ý kiến đóng góp và nguyện vọng của đồng bào các dân tộc trong vùng dự án .

- Thành lập các nhóm khuyến nông thôn bản, trên cơ sở tìm hiểu vai trò của các tổ chức xã hội chủ yếu đóng góp lực lượng sản xuất chính ở địa phương sẽ là

đội ngũ nòng cốt cho hoạt động khuyến nông và là lực lượng chính tham gia các mô hình của dự án như: Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội thanh niên.

- Các mô hình được tổ chức thực hiện ở tất cả các thôn bản, trên cơ sở chọn các hộ tự nguyện sẽ được tham gia trước.

- Mặc dù xã Bản Páo còn gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất nhưng UBND Xã đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ công tác có điều kiện hoạt động đã dành một phòng làm văn phòng Dự án, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân qua lại trao đổi, tiếp nhận thông tin KHKT với cán bộ chỉ đạo thực hiện dự án.

## **2.4. Quá trình thực hiện Dự án và những vấn đề phát sinh.**

Dự án được thực hiện trong 2 năm (2001-2003) (24 tháng). Do có sự thay đổi vị trí thực hiện Dự án từ xã Xuân Minh về xã Bản Páo, nên ngay khi bắt đầu triển khai dự án (2/2001) một đoàn công tác phối hợp gồm chủ nhiệm dự án-Giám đốc sở KH-CN tỉnh Hà Giang, Văn phòng Dự án, Phòng nông nghiệp, Phòng khuyến nông huyện Hoàng Su Phì làm việc cụ thể tại xã Bản Páo để thống nhất với địa phương những giống cây, con...và tính phù hợp của từng mô hình, cũng như các yếu tố kỹ thuật bản địa cần được quan tâm, trên cơ sở đó điều chỉnh tính hợp lý những TBKT trong khi triển khai. Đặc biệt là luôn chú trọng tính phù hợp của mô hình với trình độ tiếp thu của nhân dân địa phương, những mô hình nào chưa hợp lý đề nghị chủ nhiệm dự án cho phép điều chỉnh ngay (Ví dụ mô hình cây ngô đông đã được thay bằng cây đậu tương xuân, mô hình lúa nương được thay bằng cây ngô xuân hè). Vì vậy các mô hình triển khai được hoàn thiện và phù hợp với đề nghị của địa phương, nhưng vẫn luôn luôn đảm bảo theo đúng với nhiệm vụ của Bộ KH-CN giao cho Dự án.

Do thời gian thực hiện Dự án Bản Páo không nhiều nên các nội dung của dự án đã được triển khai rất khẩn trương theo đúng tiến độ và đã hoàn thành kế hoạch, các mục tiêu của dự án đã đạt được những kết quả nhất định. Để có được những kết quả, dự án đã phải giải quyết rất nhiều khó khăn trong khi thực hiện cũng như phát huy những thuận lợi góp phần triển khai tốt các nội dung của dự án.

### **A. Những khó khăn gặp phải khi thực hiện dự án:**

- Vị trí lựa chọn để xây dựng các mô hình mang tính tập trung thuận lợi cho việc tham quan, tập huấn là rất khó khăn: Vì thôn bản ở xa UBND xã, chưa có đường dân sinh đi đến thôn bản, canh tác trên đất dốc, ruộng bậc thang nên diện tích hẹp. Vì vậy mô hình được triển khai đan xen ở nhiều địa điểm khác nhau trên địa bàn xã.

- Do trình độ dân trí thấp, đã nhiều năm được bao cấp cho nên khi được tham gia vào thực hiện các mô hình một số bà con tỏ ra lo lắng không muốn tham gia vì sợ phải trả tiền giống cây, con, vật tư phân bón... ngược lại có một số bà con khi tham gia làm mô hình lại đòi hỏi phải được tính vào công công ích đóng góp cho xã, mặc dù mọi thành quả của mô hình gia đình được hưởng hoàn toàn

Vấn đề này văn phòng dự án, lãnh đạo xã đã phải giải thích cho bà con và cuối cùng các gia đình tham gia mô hình cũng đã hiểu và tham gia rất nhiệt tình.

- Trong thời gian thực hiện Dự án lãnh đạo địa phương có những thay đổi vị trí lãnh đạo (chủ tịch) cho nên ít nhiều cũng có ảnh hưởng tới một số công việc triển khai của dự án.

- Ảnh hưởng gây cản trở lớn nhất cho việc thực hiện nội dung dự án trong thời gian qua là: Việc thi công con đường từ Cổng trời vào UBND xã (khoảng 5-6 km) luôn luôn dở dang, gây cản trở cho giao thông mà còn gây thiệt hại vật chất cho dự án trong việc vận chuyển vật tư con giống, phân bón (tỉ lệ chết của con giống tăng, chi phí vận chuyển phân bón tăng....).

### **B. Thuận lợi :**

- Chính quyền địa phương rất nhiệt tình ủng hộ, lãnh đạo huyện Hoàng Su Phì và các ban ngành có liên quan tới dự án luôn luôn quan tâm và đóng góp nhiều ý kiến góp phần chỉ đạo thực hiện các nội dung của dự án sát với tâm tư nguyện vọng của đồng bào vùng dự án.

- Sự chỉ đạo phối hợp chặt chẽ, sát sao và rất có trách nhiệm của lãnh đạo sở KHCN&MT tỉnh Hà Giang, Viện Thổ nhưỡng Nông hoá, đặc biệt là sự quan tâm của lãnh đạo huyện Hoàng Su Phì và các phòng ban chức năng ở địa phương. Cùng với sự cố gắng vượt bậc của cán bộ thực hiện, tham gia Dự án, của cán bộ và nhân dân xã Bản Páo mà các nội dung của dự án đã được triển khai theo đúng tiến độ kế hoạch và đã hoàn thành, đạt được những kết quả mong đợi.

### **2.5. Vấn đề phối hợp chỉ đạo lồng ghép các dự án đề tài chuyên môn.**

- Tranh thủ sự giúp đỡ của các chuyên gia có năng lực chuyên môn của từng vấn đề, giải quyết từng công đoạn kĩ thuật cụ thể, tránh sự phối hợp hình thức chung chung không hiệu quả.

- Dự án rất quan tâm đến việc phối hợp các chương trình đề tài, các nguồn vốn khác của địa phương và Trung ương nhằm có sự kết hợp chặt chẽ và phát huy hiệu quả của mô hình từ các nguồn vốn khác nhau: Dự án đã kết hợp được với chương trình VICANSOL để góp phần mở rộng một số mô hình có hiệu quả ; Với đề tài ứng dụng một số giải pháp KHCN phát triển cây chè Shan góp phần bảo vệ môi trường vùng đất dốc (đề tài cấp nhà nước).

## **3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN :**

### **3.1. Mô hình cây lương thực:**

Tổng diện tích tự nhiên của xã Bản Páo là 1.238 ha trong đó đất nông nghiệp là 265,78 ha chỉ có 86,5ha đất trồng lúa trên ruộng bậc thang làm 1 vụ /năm, năng suất đạt trên 30 tạ/ha. Những thông số này cho thấy nếu không có các giải pháp thích hợp giúp cho Bản Páo phát triển kinh tế thì không thể bảo đảm được an toàn lương thực của địa phương, một trong những giải pháp đó chính là việc áp dụng KIKT trong việc thâm canh tăng vụ, ứng dụng giống mới cùng kĩ thuật bón phân trên cơ sở tạo lập các mô hình mẫu để mọi người dân có thể học tập và làm theo

,có như vậy vấn đề an ninh lương thực mới nhanh chóng phát triển và bền vững.

### **+ Mô hình thâm canh tăng vụ (Đậu tương xuân + lúa mùa .B. 2,3 Phụ lục)**

#### **Vụ xuân 2001:**

Mô hình đã triển khai được 2ha đậu tương xuân bằng giống TBKT AK06 với 34 hộ tham gia, đây là lần đầu tiên nhân dân xã Bản Páo trồng đậu tương xuân trên đất trồng vụ lúa mùa do đó thiếu tự tin, ngần ngại sợ lỡ vụ lúa mùa. Văn phòng dự án cùng các đồng chí lãnh đạo địa phương đã phải vận động, giải thích nhiều lần cho đồng bào và cuối cùng đã thực hiện theo đúng kế hoạch.

Thời vụ gieo từ 25/2/2001, kết thúc 3/3 /2001. Thu xong ngày 3/6/2001. Năng suất thực thu 15 tạ/ha (trung bình trên 50 kg/sào bắc bộ , đại trà của dân là 10 tạ/ha), tăng 5 tạ/ha tăng thu nhập (giá thị trường 5.000đ/kg đậu tương). Mặt khác sau vụ đậu tương xuân trồng lúa mùa thời vụ không bị ảnh hưởng, năng suất lúa tăng hơn so với những ruộng cấy độc canh 1 vụ lúa là trên 4 tạ thóc/ha (năng suất lúa thực thu trung bình ở ruộng trồng lúa độc canh là 59,7 tạ /ha, ở ruộng sau vụ đậu tương xuân là 64 tạ/ha).

Tổng giá trị thu nhập /ha/năm của mô hình đạt được trên 15 triệu đồng /ha/năm, mô hình này có ý nghĩa rất lớn đối với một vùng sâu, vùng xa như xã Bản Páo.

Kết quả cho thấy trồng một vụ đậu tương xuân trên đất trồng một vụ lúa là hiện thực ở Bản Páo, có hiệu quả tăng thu nhập /đơn vị diện tích, không ảnh hưởng tới thời vụ lúa mùa.

#### **Vụ xuân 2002**

Dự án đã tiến hành triển khai mang tính chất mở rộng các mô hình tạo cơ hội cho nhiều hộ được tham gia, lấy mô hình làm hạt nhân trình diễn đào tạo, tập huấn bên cạnh đó mở rộng mô hình bằng việc cấp một phần giống hoặc vật tư để cho nhiều hộ có điều kiện cùng tham gia. Đặc biệt là được sự quan tâm phối hợp của lãnh đạo huyện mà sản phẩm của một số mô hình đã được thu mua và nhân ra diện rộng như các giống đậu tương có năng suất cao: DT99, AK06 đã được thu mua và bán theo giá chỉ đạo cho bà con trong xã Bản Páo để nhân ra diện rộng, có giống cung cấp cho vùng. Chính vì vậy mà diện tích đậu tương xuân trên đất trồng một vụ lúa đã tăng trên 6 lần (13,5 ha năm 2002) so với năm năm 2001( có 2 ha).

Dự án đầu tư trồng 2 ha đậu tương giống DT 90 là giống có tiềm năng năng suất cao ( từ 1,8 - 3,0 tấn / ha). Năng suất thực thu của mô hình đạt 18,6 tạ/ha tăng 8,7 tạ/ha so với gieo trồng theo tập quán canh tác cũ (chỉ đạt 9,9 tạ/ha) tương đương 4.350.000đ (giá đậu tương 5.000đ/kg), sau khi trừ chi phí người dân sẽ thu được lãi là 3.597.000đ/ha.

Qua hai vụ đậu tương xuân có thể khẳng định ở Bản Páo gieo trồng thêm một vụ đậu tương xuân trên đất trồng một vụ lúa là hiện thực. Đồng thời đây là một giải pháp tăng vụ, tăng năng suất, tăng thu nhập /ha canh tác, góp phần giảm đi cái nghèo, cái đói ở vùng cao. Mặt khác còn có tác dụng cải tạo đất, nâng cao tính bền vững của hệ sinh thái nông nghiệp.

Năm 2002 có khoảng 15% diện tích được trồng 2 vụ (năm 2001 là 2%) , trong khi đó khả năng tăng vụ bằng vụ đậu tương xuân trên đất độc canh lúa (cả xã có khoảng 86 ha) có thể lên tới trên 60% diện tích, trong những năm tiếp theo việc tăng vụ ở Bản Páo chắc chắn sẽ được mở rộng, góp phần làm giàu cho địa phương.

#### **+ Mô hình thâm canh lúa vụ mùa ( B.4,5 .Phụ lục):**

- Do địa hình ở xã Bản Páo phức tạp cho nên hình thành nhiều khu vực (thung lũng ) tạo nên sự khác nhau hay không đồng nhất về đặc tính thời tiết theo thời gian, vì thế mà dẫn đến lịch thời vụ cây trồng cũng không tập trung, ảnh hưởng đến việc ứng dụng các giống mới có năng suất cao.

- Dự án đã chuẩn bị rất kỹ các khâu kỹ thuật về giống ,phân bón các loại , thuốc bảo vệ thực vật, tài liệu tập huấn và tổ chức tập huấn kỹ thuật thường xuyên cho các hộ tham gia mô hình. Chỉ đạo từ khâu làm mạ đến các khâu cấy và chăm sóc lúa....

##### **Năm 2001**

- Dự án đã đầu tư, triển khai mô hình với qui mô diện tích là: **11 ha** bằng giống Shan ưu 63 (bao gồm trong tất cả các mô hình có lúa ), có **42** hộ tham gia thực hiện mô hình. Do lúa được đầu tư , chăm sóc theo kỹ thuật cho nên đã phát triển tốt hơn nhiều so với giống địa phương. Kết quả thu hoạch cho thấy năng suất lúa trong mô hình đạt: 60 - 82 tạ/ha (ngoài mô hình, canh tác tự do của dân 34 tạ /ha) tăng 26-48 tạ/ha. Như vậy sản lượng tăng trong mô hình là 28,1-52,8 tấn

##### **Năm 2002:**

- Dự án tạo điều kiện cho tất cả các hộ đều được tham gia mô hình với quy mô thực hiện 9 ha (bao gồm trong tất cả các mô hình có lúa ) có 177 hộ tham gia, giống đầu tư Shan ưu 63, năng xuất đạt 68,3 - 84,6,tạ /ha.

Trong 2 năm thực hiện mô hình cho thấy người dân ở vùng dự án đã tự tin và biết ứng dụng giống mới cùng với việc ứng dụng kỹ thuật sử dụng phân bón một cách hợp lý, có hiệu quả ,năng suất trung bình của lúa đạt 64 - 83,3 tạ/ha.

#### **3.2. Mô hình canh tác bền vững (B.6,7,8,9. Phụ lục ) : Rừng (Rừng) - Nương (Ngô xuân hè + Đậu tương hè thu) - Lúa (Đậu tương xuân + lúa mùa).**

### **Rừng:**

- Việc xây dựng mô hình rất có ý nghĩa đối với những vùng canh tác trên đất dốc vì tạo được sự khai thác đi đôi với bảo vệ đất. Dự án đã tiến hành hướng dẫn kỹ thuật làm giàu vốn rừng, thiết kế khoanh nuôi rừng đầu nguồn trong mô hình là 1 ha, và phân chia các lô đất dốc bằng những băng cỏ chống xói mòn và băng cốt khí. Trên cơ sở đó tăng vụ đậu tương hè thu trên đất trước đây chỉ trồng một vụ ngô xuân hè sau đó bỏ hoang, như vậy do việc tăng vụ đậu tương hè thu mà diện tích đất được che phủ liên tục từ tháng 4 đến tháng 10 (Vụ ngô xuân hè - đậu tương hè thu) góp phần đáng kể trong việc chống xói mòn bảo vệ đất.
- Đã triển khai trồng **10.000** khóm cỏ Vétiver chống xói mòn và gieo băng cốt khí.

### **Nương :**

#### Ngô xuân hè:

- Trước khi trồng đậu tương hè thu mô hình được trồng 2ha ngô xuân hè bằng giống CP-DK999 là giống năng suất cao với 31 tham gia mô hình kết quả cho thấy năng suất ngô trong mô hình là 52,6 tạ/ha vượt so với các hộ không tham gia mô hình là 21,5 tạ/ha (năng suất ngoài mô hình 31,1 tạ/ha). Như vậy mục tiêu của mô hình đã đạt được đó là nâng cao năng suất cây ngô so với trước đây nhằm tăng sản lượng hàng năm.

#### Đậu tương hè thu :

- Đậu tương hè thu được trồng trong mô hình là giống ngắn ngày DT99, với diện tích 4ha (không tập trung) cùng phân bón cấp cho 81 hộ nông dân tham gia mô hình. Năng suất đậu tương đạt trên 10 tạ/ha ( của dân 5 tạ/ha).
- Vụ hè thu 2002 đầu tư trồng 2ha đậu tương (Trong đó 1 ha chỉ hỗ trợ giống hoặc phân bón còn lại người dân phải đóng góp) bằng giống DT 90 có thời gian sinh trưởng dài ngày hơn DT99 như vậy sẽ có lợi hơn trong việc che phủ cho đất (toàn xã trồng được 13,8 ha). Năng suất đậu tương trong mô hình đạt 12-13 tạ/ha.

**Lúa** (Đậu tương xuân + lúa mùa kết quả tương tự như mô hình tăng vụ trình bày ở phần trên)

Dự án đã trang bị 11 bình xịt và một số cơ thuốc bảo vệ thực vật với mục tiêu dùng để phòng trừ dịch hại khi rất cần thiết.

### **3.3. Mô hình hỗ trợ phát triển cây lâm nghiệp và cây công nghiệp (B.10. Phụ lục):**

+ *Khoanh nuôi rừng tự nhiên*: 20 ha. Dự án hỗ trợ kỹ thuật trong thiết kế khoanh nuôi rừng tự nhiên, cung cấp giống trồng dặm, song do đặc thù của địa phương có độ ẩm cao nên việc thực hiện trồng dặm đã được tiến hành vào thời

điểm phù hợp cho hiệu quả cao (tháng 12 năm trước - tháng 1 năm sau). Dự án đã cung cấp 13.000 cây sa mộc giống, do chỉ đạo kỹ thuật trồng và chăm sóc đúng thời điểm nên đã tăng tỉ lệ cây sống đạt trên 90%. Hiện tại đang phát triển tốt.

+ *Hỗ trợ phát triển cây chè Shan 4 ha* : Diện tích cây chè Shan ở Bản Páo là 52 tập trung nhiều ở dọc đường đi vào Hoàng Su Phì và ở vùng cao, hầu như chưa được chăm sóc, ít được chăm bón theo kỹ thuật vì vậy năng suất rất thấp. Song hiện tại ở Bản Páo cây chè Shan lại là cây có khả năng cho thu nhập thường xuyên và giá trị cao hơn những cây trồng khác. Đồng thời nếu cây chè Shan được phát triển tốt thì nó còn có khả năng góp phần tăng độ che phủ đất, bên cạnh đó các biện pháp công trình và sinh học được áp dụng thì mô hình phát triển cây chè Shan ở Bản Páo sẽ là mô hình phát triển bền vững, đem lại hiệu quả trước mắt về kinh tế và hiệu quả lâu dài về môi trường, vì thế mà dự án đã quan tâm tới việc hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, tạo mô hình, đưa các cây trồng xen phủ đất như trồng băng cốt khí, cỏ chống xói mòn vetiver, bón phân hữu cơ vi sinh. Vì vậy năng suất chè tươi đạt 1122 kg/ha (năng suất ngoài mô hình là 658 kg/ha)

#### **3.4. Mô hình hỗ trợ phát triển chăn nuôi (Bảng 11, 12 Phụ lục):**

Dự án đã thực hiện :

- *Hỗ trợ thiết bị thú y và tổ chức tiêm phòng dịch cho gia súc gia cầm*

+ Cung cấp 01 tủ thuốc thú y cho trung tâm xã và 04 tủ thuốc thú y cho 4 thôn bản với đầy đủ trang thiết bị và một lượng thuốc thú y cơ bản nhất, có khả năng tham gia tốt vào mạng lưới chống phòng dịch bệnh cũng như dập dịch tại địa phương. Tủ thuốc đã phát huy được hiệu quả như thường xuyên cấp phát thuốc để chữa và phòng một số bệnh ở vịt.

+ Đã triển khai tiêm chủng phòng dịch cho toàn bộ đàn gia súc và một số gia cầm vùng dự án. (500 trâu bò, 200 lợn) có 146 hộ tham gia mô hình phòng dịch. Đây là lần tiêm phòng mang tính quy mô và triệt để nhất ở địa phương, kết quả của việc tiêm phòng dịch là bảo đảm không xảy ra dịch bệnh tại địa phương, tạo niềm tin cho bà con vùng dự án, như vậy việc tiêm phòng dịch cho gia súc sẽ thuận lợi hơn trong những năm tiếp theo.

- *Hỗ trợ vật tư, con giống.*

+ Đã cấp 1240 con vịt, gà giống 5 tuần tuổi (740 con vịt giống chuyên trứng khaki campbell và 500 gà giống Lương Phượng) cho 86 hộ tham gia mô hình cùng với máng ăn, thức ăn và thuốc phòng dịch bệnh ban đầu. Cấp đợt 1 vào 12/5/2001. Cho đến nay đàn vịt đã ổn định, thích nghi dần với điều kiện địa phương, tháng 9/2001 vịt đã bắt đầu đẻ trứng. Cấp đợt 2 vào đầu tháng 4/2002.

Việc chăn nuôi con giống đối với đồng bào vùng cao gặp không ít khó khăn do tập quán thả thả tự nhiên không theo kỹ thuật. Vì vậy mô hình cũng đem đến cho người dân nhiều khái niệm mới trong chăn nuôi, như muốn cho gia cầm mau

lớn cần phải thường xuyên chăm sóc cho ăn, khẩu niệm đa dạng vật nuôi trong gia đình. Hiệu quả kinh tế của mô hình cũng chưa thật sự to lớn như mong đợi, song những chuyển biến về ý thức thì thật đáng quan tâm như vấn đề tiêm phòng dịch cho gia súc, gia cầm.

- + Hỗ trợ cỏ giống cho chăn nuôi: Dự án đã cung cấp 1000 kg cỏ giống Stiria và TD580 để nhân giống cho toàn vùng, cỏ phát triển tốt có khả năng thích nghi.

- + Hướng dẫn kỹ thuật nhân giống nuôi ong địa phương cho các gia đình tham gia mô hình trên quan điểm hướng dẫn một cách chu đáo các hộ tham gia và chỉ khi nào các hộ đó thật sự tiếp thu được kỹ thuật, có khả năng nuôi chúng tôi mới cấp ong giống vì số ong giống có hạn (40 đàn). Dự án đã hướng dẫn kỹ thuật nhân giống (tách đàn) cho một số hộ tham gia mô hình, đã cấp 40 đàn ong giống và 01 thùng quay mật thủ công bằng inox cho địa phương, bước đầu đã phát huy được hiệu quả trong việc lấy mật ong, tăng số lần thu mật lên 2,5 lần, năng suất mật từ 2,4 lít lên 6 lít/thùng cầu/năm (tăng 2,5 lần), tăng thu nhập là: 120.333đ lên 304.166đ/thùng cầu/năm (B.11, Phụ lục).

### 3.5. Mô hình đào tạo kỹ thuật viên, huấn luyện thuật (B.15. Phụ lục):

Để đảm bảo cho việc thực hiện triển khai tốt các mô hình của dự án một cách thắng lợi, nhân nhanh các kết quả của dự án ra trong và ngoài vùng dự án, thì việc đào tạo kỹ thuật viên, hướng dẫn tập huấn kỹ thuật cho các hộ tham gia mô hình và người lao động là một mục tiêu quan trọng của Dự án. Từ những nội dung huấn luyện đào tạo của Dự án mà đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên, bà con nông dân được trang bị KT tự tin, chủ động áp dụng vào sản xuất, đồng thời họ cũng là những mô hình tốt để các hộ nông dân khác học tập, đó chính là nguồn lực chuyển giao KHCN rất quý mang tính bền vững ở những vùng sau Dự án.

- Dự án thường xuyên tổ chức các lớp huấn luyện kỹ thuật theo từng chuyên đề cụ thể, theo mùa vụ giống cây trồng, vật nuôi như: Tập huấn kỹ thuật trồng đậu tương xuân trên đất trồng một vụ lúa, tập huấn kỹ thuật thâm canh các giống lúa lai, kỹ thuật phòng dịch cho gia súc gia cầm, kỹ thuật canh tác trên đất dốc. Các nội dung tập huấn được tiến hành nhiều lần trước khi áp dụng vào sản xuất, được trao một cách cụ thể theo phương thức 2 chiều giữa đội ngũ kỹ thuật viên, bà con nông dân với cán bộ của dự án. Các kỹ thuật viên và bà con nông dân là người dân tộc nên Dự án đã tổ chức biên tập các tài liệu phổ biến KT cho thật phù hợp dễ hiểu với đồng bào dân tộc và phân phát tài liệu tập huấn cho các hộ tham gia mô hình. Đặc biệt phải lưu ý khi tổ chức tập huấn KT, cũng như trao đổi chuyển giao KT phải mang tính hoà đồng gợi mở những thắc mắc của người dân, đồng thời hướng dẫn người dân tìm câu trả lời những thắc mắc đó bằng những giải pháp cụ thể với những ngôn từ giản dị, dễ hiểu mà người dân có thể thực hiện được. Dự án đã tổ chức tập huấn kỹ thuật cho 712 số lượt hộ tham gia thực hiện các mô hình dự án, nhiều hộ đã thành công trong việc ứng dụng TBKT vào sản xuất nên đã thu được kết quả trong quá trình thực hiện như gia đình ông Giảng



Seo Dơ, Giàng Seo Lũng, Dương Văn Nhà, Chương Văn Thanh (Bảng 2. Phụ lục) trồng đậu tương đạt năng suất 20 tạ /ha |.

- Đào tạo đội ngũ khuyến nông: 15 cán bộ cho 4 thôn bản (trưởng thôn, khuyến nông, thú y thôn bản) và xã.

- Dự án thường xuyên tổ chức hội nghị tham quan cho từng mô hình, hàng năm đều sơ, tổng kết hoạt động dự án tại địa phương, tổ chức hội nghị đánh giá và nghiệm thu các kết quả thực hiện từng mô hình trong mỗi năm với địa phương thực thi dự án và cơ quan chủ trì dự án, trên cơ sở đó lắng nghe ý kiến của địa phương để rút kinh nghiệm hoàn thiện tốt hơn cho việc thực hiện các nội dung của dự án. Dự án đã tổ chức thành công các Hội nghị Tham quan mô hình với quy mô lớn vào tháng 6 và tháng 10/2001, tháng 6/2002, Hội nghị Tổng kết Nghiệm thu các mô hình Dự án 11/10/2002 tại xã Bản Páo đã được địa phương đánh giá cao các kết quả đạt được của Dự án. Kết quả hội nghị đã được cơ quan thông tin đại chúng ở địa phương (Đài truyền hình) và Trung ương (Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam) đưa tin.

- Những tài liệu kỹ thuật được cung cấp phổ biến trong vùng dự án:

Dự án đã đáp ứng đầy đủ các tài liệu có liên quan tới những mô hình xây dựng tại địa phương như:

- 1 Những điều nông dân miền núi cần biết.
- 2 Sử dụng đất tổng hợp và bền vững.
- 3 Công nghệ canh tác nông lâm kết hợp.
- 4 Giới thiệu một số giống chè mới và kỹ thuật trồng chè.
- 5 Hỏi đáp về chính sách và luật pháp lâm nghiệp.
- 6 Canh tác lâm nông nghiệp trên đất dốc.
- 7 Kỹ thuật nuôi vịt siêu trứng Khakicampbell.
- 8 Kỹ thuật thú y hỗ trợ phát triển chăn nuôi.
- 9 Kỹ thuật phòng chống bệnh lở mồm long móng.
- 10 Kỹ thuật phòng chống bệnh nhiệt thán.
- 11 Hướng dẫn sử dụng một số loại thuốc thường dùng trong tử thuốc thú y cơ sở.
- 12 Pháp lệnh thú y.
- 13 Hướng dẫn Kỹ thuật nuôi ong nội trong gia đình.
- 14 Các sản phẩm ong mật và tác dụng.
- 15 Hướng dẫn cách sử dụng phân hỗn hợp NPK
- 16 Kỹ thuật trồng đậu tương năng suất cao.
- 17 Kỹ thuật trồng lúa lai.
- 18 Một số mô hình sử dụng đất dốc.

### **3.6. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Dự án**

Với sự giúp đỡ và phối hợp chặt chẽ thường xuyên của Sở KH-CN tỉnh Hà Giang, cũng như UBND huyện Hoàng Su Phì và sự ủng hộ, tham gia nhiệt tình của lãnh đạo, đồng bào các dân tộc xã Bản Páo, sau 2 năm thực hiện các mô

hình của dự án đã được triển khai và hoàn thành đúng tiến độ về thời gian và chất lượng. Đã mang lại hiệu quả cụ thể cho vùng Dự án cả về hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

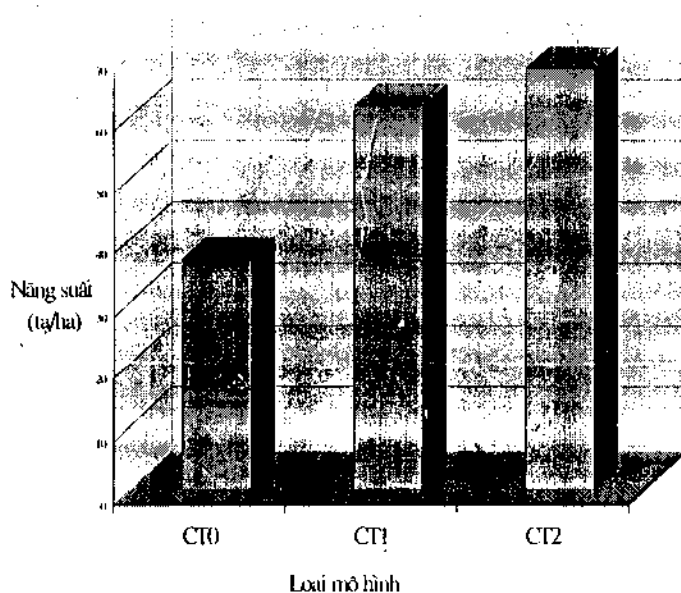
#### **A. Hiệu quả kinh tế của một số mô hình:**

Kết quả của các mô hình đã góp phần khẳng định trong điều kiện cụ thể ở xã Bản Páo bằng việc ứng dụng các TBKT và sự chỉ đạo của đội ngũ cán bộ kỹ thuật từ Trung ương đến địa phương có thể nâng cao năng suất cây trồng vật nuôi, tăng thu nhập đảm bảo được an ninh lương thực tại đại phương.

#### **Hiệu quả về năng suất cây trồng.**

\* **Cây lúa:** (so sánh: CT0 (giống lúa địa phương - Đối chứng), CT1 (giống Shanuu 63 độc canh — Mô hình thâm canh) và CT2 ( giống Shanuu 63 trồng trên đất sau vụ đậu tương xuân — Mô hình thâm canh tăng vụ) cho nhận xét:

**Biểu đồ B.1: Năng suất cây lúa**



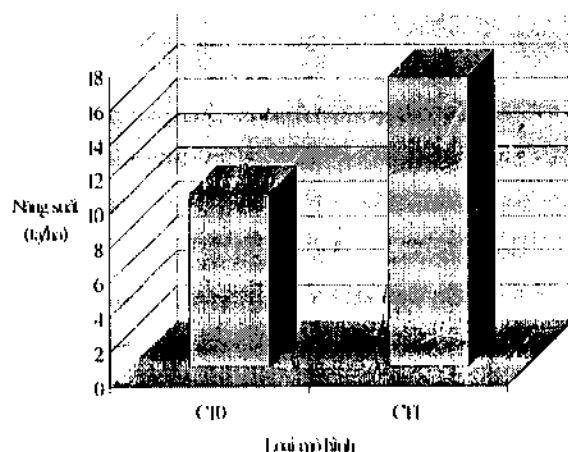
- Đầu tư giống mới cùng các kỹ thuật chăm bón đi kèm (CT1) thì năng suất lúa đạt 61,7 tạ/ha tăng so với đối chứng (CT0) là + 25 tạ/ha (hay + 68%).
- Đầu tư giống mới được trồng trên đất sau vụ đậu tương xuân (CT2 - Mô hình thâm canh tăng vụ) thì năng suất lúa đạt 67,9 tạ/ha tăng so với đối chứng (CT0) là + 31,5 tạ/ha (hay + 84,8%).
- Năng suất lúa tăng giữa mô hình trồng lúa trên đất sau trồng đậu

tương và đất không trồng đậu tương (*CT2* và *CT1*) là 6,1 tạ/ha (hay + 10%).

a. Đậu tương.

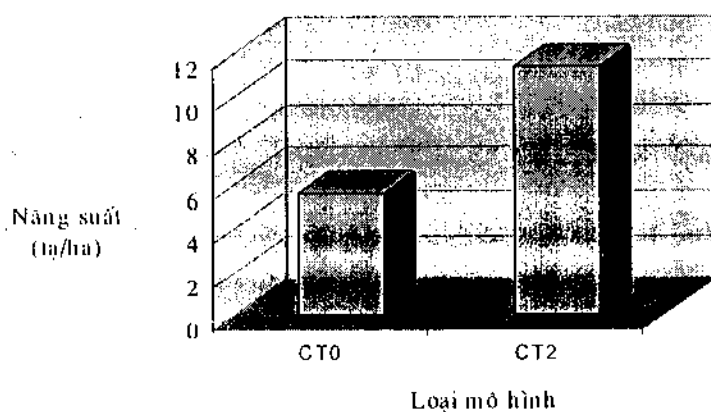
- *Đậu tương xuân* (Biểu đồ 2): Đầu tư giống mới và áp dụng kĩ thuật, năng suất đạt 16,8 tạ/ha, tăng + 6,8 tạ/ ha (hay + 68 %). so với đối chứng (*CT0* giống địa phương 10 tạ/ha).

**Biểu đồ 2: Năng suất cây đậu tương xuân.**



**Biểu đồ 3: Năng suất cây đậu tương hè thu.**

*Đậu tương hè thu*: Năng suất trong mô hình đạt 11,4 tạ/ha tăng + 5,8 tạ/ha so

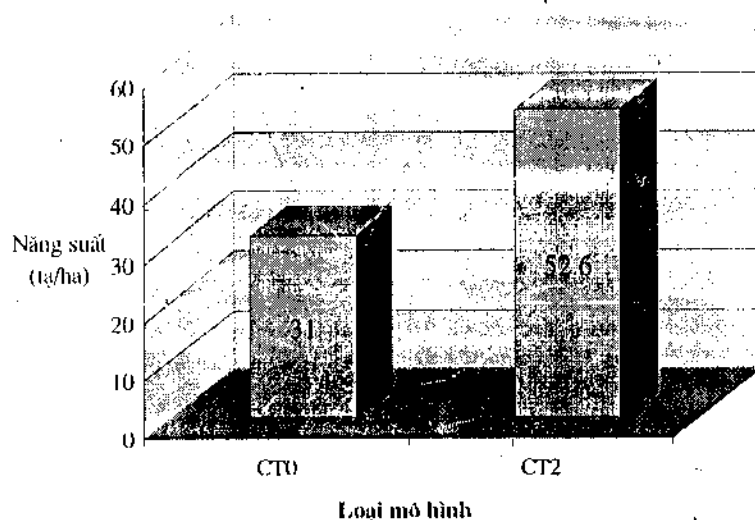


với đối chứng (hay +103,6%).

\*Ngô. (biểu đồ 4 ).

Việc thay thế giống ngô địa phương bằng giống ngô mới CP — DK 999 kết hợp với thâm canh tăng vụ (CT2) năng suất đạt 52,6 tạ/ha tăng so với đối chứng (CT0) là + 21,5 tạ/ha (hay + 69,13%).

**Biểu đồ 4: Năng suất ngô CP □ DK 999 và ngô địa phương.**



Nhận xét: năng suất của 3 loại cây trong mô hình Ngô, lúa và đậu tương đều tăng so với giống địa phương cho thấy việc đưa giống mới và kỹ thuật chăm sóc đã làm tăng đáng kể năng suất so với đối chứng.

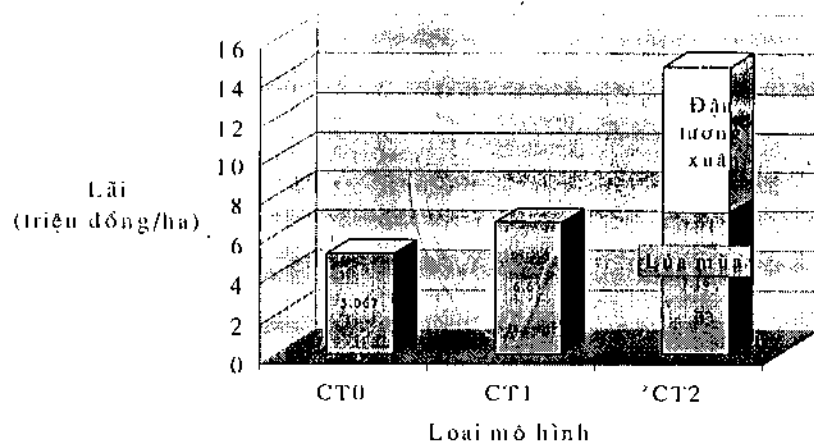
#### **Hiệu quả về kinh tế.**

Để đánh giá hiệu quả kinh tế của các cơ cấu, các mô hình chúng tôi dựa vào số lãi thực tế thu được sau khi đã trừ đi tất cả các chi phí.

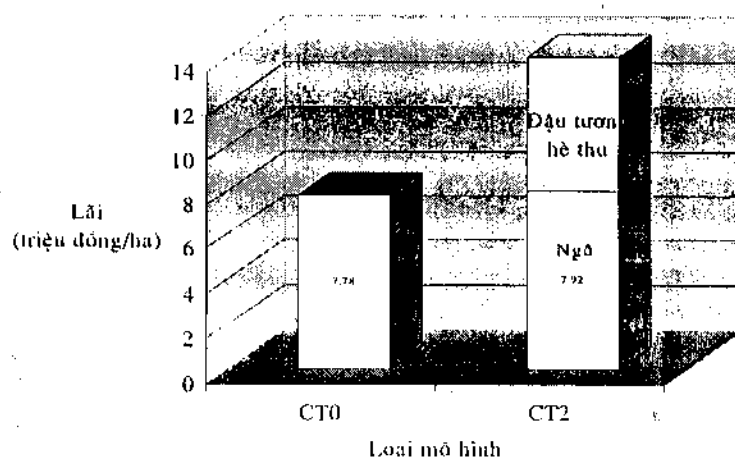
- **Cơ cấu 1: Đậu tương xuân || lúa mùa.**

Hiệu quả kinh tế của biện pháp thâm canh tăng vụ (CT2) đạt 14,6 triệu/ha/năm, tăng so với so đối chứng (CT0) là + 9,53 triệu/ha/năm (hay + 188%) và tăng so với biện pháp thâm canh không tăng vụ (CT1) là + 7,97 triệu/ha/năm (hay + 120%). Trong khi đó hiệu quả kinh tế của CT1 so với đối chứng chỉ là 1,56 triệu/ha/năm (hay + 30,8%).

**Biểu đồ 5: Hiệu quả kinh tế trong cơ cấu Đậu tương xuân - lúa mùa.**



**Biểu đồ 6: Hiệu quả kinh tế trong cơ cấu ngô xuân - Đậu tương hè thu**



**Cơ cấu 2: Ngô xuân - đậu tương hè thu.**

Với biện pháp thâm canh tăng vụ đã làm tăng hiệu quả kinh tế lên tới + 6,17 triệu/ha/năm (hay + 79,6%) so với đối chứng.

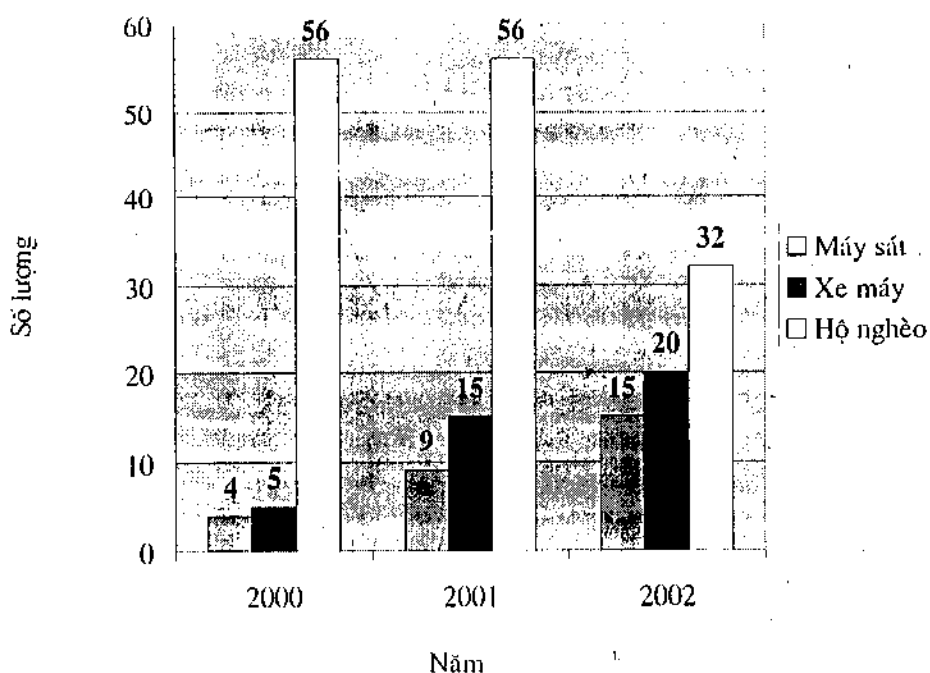
### B. Hiệu quả về năng suất vật nuôi

Hiệu quả nuôi ong theo kỹ thuật đã tăng số lần thu mật lên 2,5 lần, năng suất mật từ 2,4 lít lên 6 lít/thùng cầu/năm (tăng 2,5 lần), tăng thu nhập là 120.333đ lên 304.166đ/thùng cầu/năm. (B.11, Phụ lục). Mô hình nuôi vịt chuyên trứng sau khi trừ chi phí lãi mỗi con là 7.200 đ/tháng (B.12, Phụ lục)

### C. Hiệu quả xã hội

- Những hiệu quả của dự án đã tác động thật sự đến sự thay đổi về nhận thức, cách suy nghĩ, cách làm ăn của người dân vùng dự án, từ chỗ sản xuất theo tập quán cổ truyền lạc hậu kém hiệu quả đến nay đã biết tính toán và tiếp nhận các TBKT phù hợp ứng dụng trong phát triển nông lâm nghiệp để thâm canh tăng năng suất cây trồng vật nuôi, tạo sản phẩm hàng hoá cho thị trường.
- Sự thành công của các mô hình có sự tham gia của đồng bào các dân tộc vùng sâu vùng xa đã gây ấn tượng mạnh, tăng lòng tự tin vào nội lực của dân tộc mình, vào KHKT mà dân tộc nào cũng có khả năng tiếp nhận và ứng dụng, vào đường lối lãnh đạo của Đảng và nhà nước.
- Sự thành công của dự án đã góp phần thay đổi bộ mặt của địa phương, số lượng các vật dụng sinh hoạt trong gia đình cũng như phục vụ xã hội của thôn bản ngày một tăng, tỉ lệ hộ nghèo trong xã đã giảm mạnh từ 56 hộ (năm 2000) xuống 32 hộ (năm 2002) — giảm 42,9%. Số máy sát đã tăng theo số năm tiến hành dự án. Năm 2001 tăng 125% và năm 2002 tăng 275% so với trước khi tiến hành dự án (năm 2000). Số lượng xe máy cũng có sự gia tăng mạnh mẽ, năm 2001 tăng 200% và năm 2002 tăng 300% so với năm 2000 (là năm trước khi tiến hành dự án. Biểu đồ 7.).

**Biểu đồ 7: Một số chỉ tiêu kinh tế- xã hội xã Bản Páo.**



Những số liệu nêu trên cho thấy chỉ sau 2 năm tiến hành dự án đời sống kinh tế và xã hội của nhân dân xã Bản Páo đã được cải thiện đáng kể, không xảy ra hiện tượng di dân tự do như trước đây, điều đó chứng tỏ hiệu quả thực sự của dự án đã góp phần vào sự thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội vùng Dự án..

*Đặc biệt Sự thành công của Dự án đã được lãnh đạo huyện Hoàng Su Phì vận dụng và trở thành những nội dung trong các nghị quyết phát triển kinh tế của địa phương như Nghị quyết phát triển cây đậu tương, cây chè đây là nhân tố bảo đảm cho sự thành công trong việc nhân rộng và phát triển có hiệu quả các kết quả của Dự án.*

#### **Tài chính của dự án**

Tổng vốn đầu tư hỗ trợ cho dự án là 430 triệu (theo hợp đồng)

Dự án đã sử dụng trên cơ sở dự toán từng mục chi được duyệt, việc chi tiêu thực hiện đúng nguyên tắc tài chính hiện hành. Và đã hoàn thành việc quyết toán theo quy định của nhà nước.

#### 4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ:

- Tuy gặp rất nhiều khó khăn trong triển khai các nội dung của Dự án....Song nhờ có sự phối hợp chặt chẽ, nhiệt tình và rất có trách nhiệm giữa các cơ quan của tỉnh Hà Giang nhất là Sở KHCN cơ quan quản lý dự án, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa cơ quan chuyển giao công nghệ với lãnh đạo các cấp Huyện Hoàng Su Phì, xã Bản Páo và sự tham gia nhiệt tình của bà con nông dân vùng Dự án mà các nội dung của dự án đã được triển khai theo đúng tiến độ kế hoạch và đạt kết quả tốt được đồng bào các dân tộc và chính quyền địa phương hoan nghênh và đánh giá cao kết quả đạt được và khẳng định sự thành công của Dự án ở Bản Páo.

- Hiệu quả của một số mô hình đã thực sự đem lại sự phấn khởi, tự tin cho nhân dân địa phương vào khả năng tiếp nhận KHCN cũng như tác động tích cực đến nhận thức và sự tin tưởng vào KHKT, đường lối lãnh đạo của Đảng, nhà nước, đối với lãnh đạo và nhân dân xã Bản Páo. Được nhân dân các thôn bản tham gia, ủng hộ và nhiều gia đình đã làm theo dự án một cách nhiệt tình và tích cực, thu được kết quả cụ thể trong sản xuất.

- Các mô hình của dự án đã được triển khai một cách đồng bộ thể hiện tính phù hợp đối với trình độ tiếp nhận của đồng bào các dân tộc nên đạt kết quả tốt, bước đầu phát huy được hiệu quả nhất định trong vùng dự án. Nhiều mô hình đã được khẳng định tính hiệu quả và khả năng nhân rộng ra ngoài vùng Dự án,

- Một số kết quả của Dự án đã được nhân rộng, vận dụng và trở thành những chủ trương, nghị quyết trong phát triển kinh tế xã hội của huyện Hoàng Su Phì như nghị quyết phát triển cây đậu tương, cây chè... Điều đó thể hiện tính sát thực, hiệu quả và phù hợp các nội dung KHCN của dự án, thật sự có ý nghĩa cho vùng sâu vùng xa. Những thành công của dự án một lần nữa khẳng định vị trí của KHCN luôn luôn là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội, rút ngắn sự chênh lệch giữa vùng sâu vùng xa với miền xuôi, góp phần quan trọng trong công cuộc hiện đại hoá nông nghiệp Nông thôn.

#### Đề nghị:

- Đề nghị lãnh đạo huyện Hoàng Su Phì, tỉnh (Sở KHCN) nên có chính sách hỗ trợ để duy trì hoạt động chuyển giao KHCN một số thời gian hậu dự án như đầu tư vốn vay ưu đãi, lồng ghép các chương trình vào Bản Páo tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân xã Bản Páo phát huy các kết quả của Dự án. Mặt khác cũng nhân nhanh các kết quả của dự án ra các vùng có điều kiện tương tự.

- Đề nghị Nhà nước (Tỉnh, Trung Ương) tiếp tục đầu tư các dự án thuộc chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế — Xã hội nông thôn và miền núi vì chỉ có các dự án này tạo được cơ hội thuận lợi cho đồng bào vùng sâu, xa học tập và tiếp nhận KHCN.

- Về tài chính, kinh phí của dự án: Cần có sự sửa đổi cho phù hợp với cơ chế mới trong tình hình hiện nay. Hiện tại bộc lộ quá nhiều tính bất hợp lý trong dự toán, cần phải có những quy định cụ thể, rõ ràng về quyền lợi, nghĩa vụ của các



cơ quan quản lý, chuyển giao KHCN và cán bộ tham gia dự án có như vậy mới khai thác được tiềm năng, trách nhiệm của các cơ quan và những người tham gia.

## 5. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM :

- Những nội dung chuyển giao KHCN phải phù hợp với trình độ tiếp nhận của người dân vùng dự án.
- Những mục tiêu, nội dung của Dự án phải được làm rõ trước lãnh đạo và nhân dân địa phương trước khi thực thi dự án.
- Phải có sự quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn ở địa phương (bao gồm xã, các cơ quan chức năng ở huyện, tỉnh) và cơ quan chuyển giao KHCN. Cần mềm dẻo và kịp thời điều chỉnh những hạng mục của dự án cho thật phù hợp với địa phương sau một thời gian thực hiện Dự án
- Đội ngũ những người tham gia chuyển giao KHCN phải nhiệt tình, có năng lực chuyên môn, có tinh thần phục vụ nhân dân vùng sâu, vùng xa.
- Kết quả của Dự án phải trở thành những nghị quyết phát triển kinh tế —Xã hội của các cấp Ủy Đảng chính quyền ở địa phương thì khả năng nhân rộng của Dự án mới có thể thực hiện được.

### CƠ QUAN CHUYỂN GIAO KHCN VIỆN THỎ NHƯỜNG NÔNG HOÁ



PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
*Trần Tự Liêm*

## PHỤ LỤC

**BẢNG 1. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI XÃ BẢN PÉO**

| Loại hình sử dụng đất             | Diện tích(ha)   |
|-----------------------------------|-----------------|
| <b>Tổng diện tích tự nhiên</b>    | <b>1.238,00</b> |
| <b>I.Đất nông nghiệp</b>          | <b>265,78</b>   |
| 1.Đất trồng lúa                   | 86,50           |
| 2.Đất trồng màu                   | 5,00            |
| 3.Đất trồng chè                   | 53,00           |
| <b>II.Đất lâm nghiệp</b>          | <b>448,16</b>   |
| 1.Rừng tự nhiên                   | 172,10          |
| 2.Rừng trồng                      | 276,00          |
| <b>III.Đất chuyên dùng</b>        | <b>19,07</b>    |
| <b>IV.Đất ở</b>                   | <b>8,56</b>     |
| <b>V.Đất đồi núi chưa sử dụng</b> | <b>496,43</b>   |
| 1.Nông nghiệp                     | 180,37          |
| 2.Lâm nghiệp                      | 316,06          |

### B.3. NĂNG SUẤT ĐẬU TƯƠNG XUÂN GIỐNG ĐỊA PHƯƠNG

| Năm  | Họ và tên       | Năng suất (tạ/ha) |            |
|------|-----------------|-------------------|------------|
|      |                 | Thống kê          | Thực thu   |
| 2001 | Giàng Seo Măng  | 13                | 9,1        |
|      | Giàng Seo Phổng | 15                | 11,7       |
|      | Giàng Seo Chính | 12                | 9,2        |
|      | <b>Tb</b>       | <b>13,3</b>       | <b>10</b>  |
| 2002 | Hoang Văn Tiến  | 11                | 9,7        |
|      | Giàng Seo Dơ    | 15                | 11,1       |
|      | Giàng Seo Chính | 12                | 8,9        |
|      | <b>Tb</b>       | <b>12,7</b>       | <b>9,9</b> |

**B.5. NĂNG SUẤT LÚA ĐỊA PHƯƠNG TRONG 2 NĂM 2001 VÀ 2002.**

| NĂM  | HỌ VÀ TÊN       | Năng suất (tạ/ha) |          |
|------|-----------------|-------------------|----------|
|      |                 | Thống kê          | Thực thu |
| 2001 | Ma Seo Nhà      | 49,1              | 34,3     |
|      | Giàng Seo Chính | 45,2              | 30,5     |
|      | Hoàng Thế Quyền | 51,7              | 37,4     |
|      | Tb              | 48,7              | 34,1     |
| 2002 | Giàng Seo Phổng | 48                | 36,1     |
|      | Hoàng Văn Dũng  | 52                | 41,7     |
|      | Ma Seo Nhà      | 55                | 40,3     |
|      | Trung bình      | 51,7              | 39,4     |

**B.7. NĂNG SUẤT NGÔ ĐỊA PHƯƠNG TRONG NĂM 2002**

| NĂM  | HỌ VÀ TÊN      | Năng suất (tạ/ha) |          |
|------|----------------|-------------------|----------|
|      |                | Thống kê          | Thực thu |
| 2002 | Hoàng Văn Tiến | 39                | 34,9     |
|      | Giàng Seo Dơ   | 32                | 26,1     |
|      | Hoàng Văn Vinh | 37                | 32,3     |
|      | Tb             | 36                | 31,1     |

**B.9. NĂNG SUẤT ĐẬU TƯƠNG HÈ THU GIỐNG ĐỊA PHƯƠNG**

| Năm  | Họ và tên       | Năng suất (tạ/ha) |          |
|------|-----------------|-------------------|----------|
|      |                 | Thống kê          | Thực thu |
| 2001 | Giàng Seo Hồ    | 8,7               | 5,3      |
|      | Giàng Seo Cháy  | 8,3               | 4,5      |
|      | Cháng Seo Peo   | 7,7               | 4,5      |
|      | Tb              | 8,2               | 4,7      |
| 2002 | Hoàng Văn Tiến  | 8,7               | 7,8      |
|      | Giàng Seo Dơ    | 9,3               | 6,1      |
|      | Giàng Seo Chính | 7,3               | 5,6      |
|      | Tb              | 8,4               | 6,5      |

**B.6. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NGÔ XUÂN TRONG MÔ HÌNH CANH TÁC BỀN VỮNG NĂM  
2002 (GIỐNG CP – DK999)**

| Stt | Tên chủ hộ       | Chỉ tiêu theo dõi |                                  |                 |           |            |            |                   | Năng suất           |                     |
|-----|------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------|-----------|------------|------------|-------------------|---------------------|---------------------|
|     |                  | TG ST<br>(ngày)   | Mật độ<br>(cây /m <sup>2</sup> ) | Cao cây<br>(cm) | Bấp / cây | Hàng / bắp | Hạt / hàng | P./bắp<br>khô (g) | Thống kê<br>(tạ/ha) | Thực thu<br>(tạ/ha) |
| 1   | Dương Văn Nhà    | 135               | 6,0                              | 202,3           | 1         | 13,3       | 31,5       | 085               | 51                  | 48,9                |
| 2   | Chương Văn Thanh | 132               | 5,7                              | 214,2           | 1         | 14,6       | 36,4       | 110               | 63                  | 59,8                |
| 3   | Chánh Seo Hâu    | 137               | 5,0                              | 210,3           | 1         | 15,3       | 32,7       | 108               | 54                  | 50,9                |
| 4   | Hâu Seo Trang    | 130               | 4,1                              | 209,1           | 1         | 14,6       | 25,9       | 125               | 52                  | 49,5                |
| 5   | Giăng Seo Chấy   | 132               | 5,7                              | 207,7           | 1         | 14,0       | 39,6       | 094               | 54                  | 47,8                |
| 6   | Ly Seo Hồ        | 133               | 5,3                              | 204,5           | 1         | 12,2       | 34,1       | 107               | 57                  | 54,8                |
| 7   | Đặng Tu Páo      | 131               | 5,3                              | 212,6           | 1         | 14,0       | 30,7       | 111               | 59                  | 52,5                |
| 8   | Đặng Tu Anh      | 134               | 6,3                              | 215,3           | 1         | 14,6       | 28,7       | 087               | 55                  | 57,0                |
| 9   | Phản Kim Sinh    | 134               | 5,7                              | 210,6           | 1         | 13,3       | 26,8       | 098               | 56                  | 54,2                |
| 10  | Đặng Kim Chương  | 136               | 6,0                              | 211,1           | 1         | 13,3       | 27,7       | 090               | 54                  | 50,0                |
|     | Tb               | 133,4             | 5,5                              | 208,8           | 1         | 13,96      | 31,4       | 101               | 55,5                | 52,6                |

**B.10. NĂNG SUẤT MÔ HÌNH  
THÂM CANH CÂY CHÈ SHAN**

Đơn vị: Kg chè tươi/năm.

| Stt                 | Họ và tên       | Thôn       | Năng suất chè xanh                                 |                                                  |
|---------------------|-----------------|------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                     |                 |            | Trước khi thực hiện mô hình<br>(T6/2000 - T6/2001) | Sau khi thực hiện mô hình<br>(T6/2001 - T6/2002) |
| 1                   | Đặng Văn Chấn   | Thành Công | 835                                                | 1339                                             |
| 2                   | Đặng Văn Quý    | Thành Công | 422                                                | 694                                              |
| 3                   | Đặng Văn Dao    | Thành Công | 457                                                | 825                                              |
| 4                   | Phản Kim Chương | Thành Công | 305                                                | 678                                              |
| 5                   | Chánh Seo Pao   | Bản Páo    | 251                                                | 417                                              |
| 6                   | Chánh Seo Sính  | Bản Páo    | 128                                                | 204                                              |
| 7                   | Chánh Seo Vảng  | Bản Páo    | 237                                                | 334                                              |
| Tổng cộng (kg/4ha). |                 |            | 2635                                               | 4491                                             |

**B.8. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CẤU THÀNH NĂNG SUẤT  
ĐẬU TƯƠNG HÈ THU TRONG MÔ HÌNH CANH TÁC BỀN VỮNG  
(Năm 2001 giống DT99, 2002 giống DT90)**

| Năm  | Stt | Tên chủ hộ       | Chỉ tiêu theo dõi  |                                        |                    |             |                     |                              | Năng suất              |                        |
|------|-----|------------------|--------------------|----------------------------------------|--------------------|-------------|---------------------|------------------------------|------------------------|------------------------|
|      |     |                  | TG<br>ST<br>(ngày) | Mật<br>độ<br>(cây/<br>m <sup>2</sup> ) | Cao<br>cây<br>(cm) | Quả/<br>cây | Quả<br>chắc/<br>cây | P <sub>1000</sub><br>hạt (g) | Thống<br>kê<br>(tạ/ha) | Thực<br>thu<br>(tạ/ha) |
| 2001 | 1   | Hoàng Văn Tiến   | 83                 | 67,3                                   | 25,2               | 9,0         | 8,4                 | 172,3                        | 11                     | 10,5                   |
|      | 2   | Giàng Seo Chinh  | 79                 | 70,0                                   | 21,5               | 8,8         | 8,7                 | 170,4                        | 12                     | 9,4                    |
|      | 3   | Hoàng Thế Quyền  | 78                 | 58,3                                   | 26,3               | 9,9         | 9,8                 | 174,5                        | 9                      | 10,0                   |
|      | 4   | Cháng Văn Thanh  | 81                 | 73,3                                   | 22,0               | 9,3         | 9,2                 | 176,6                        | 16                     | 13,0                   |
|      | 5   | Chi đoàn Bản Páo | 82                 | 67,0                                   | 21,1               | 9,7         | 9,2                 | 178,5                        | 15                     | 11,9                   |
|      | 6   | Dương Văn Nhà    | 84                 | 59,7                                   | 24,5               | 9,1         | 9,0                 | 180,7                        | 16                     | 9,7                    |
|      | 7   | Giàng Seo Hồ     | 82                 | 64,0                                   | 20,8               | 8,8         | 8,7                 | 184,2                        | 10                     | 9,4                    |
|      | 8   | Giàng Seo Mãng   | 85                 | 51,3                                   | 21,4               | 10,7        | 10,4                | 177,8                        | 12                     | 8,6                    |
|      | 9   | Cháng Khái Diu   | 79                 | 56,3                                   | 22,7               | 9,2         | 8,7                 | 185,9                        | 11                     | 9,4                    |
|      | 10  | Hầu Seo Đình     | 80                 | 63,7                                   | 23,6               | 9,0         | 8,8                 | 176,5                        | 12                     | 10,2                   |
|      |     | <b>Tb</b>        | <b>81,3</b>        | <b>63,0</b>                            | <b>22,9</b>        | <b>9,35</b> | <b>9,09</b>         | <b>177,7</b>                 | <b>12,4</b>            | <b>10,2</b>            |
| 2002 | 1   | Dương Văn Nhà    | 87                 | 43,3                                   | 37,7               | 20,5        | 19,4                | 181,6                        | 16,0                   | 15,3                   |
|      | 2   | Chương Văn Thanh | 87                 | 39,3                                   | 32,4               | 25,6        | 24,3                | 183,0                        | 15,3                   | 13,9                   |
|      | 3   | Hầu Seo Tinh     | 84                 | 37,3                                   | 31,3               | 18,9        | 17,5                | 182,3                        | 14,0                   | 13,3                   |
|      | 4   | Hoàng Thế Quyền  | 85                 | 42,0                                   | 33,3               | 15,4        | 14,7                | 169,6                        | 12,0                   | 11,2                   |
|      | 5   | Hoàng Văn Tiến   | 80                 | 35,3                                   | 29,9               | 17,4        | 16,6                | 179,0                        | 12,3                   | 10,6                   |
|      | 6   | Hoàng Văn Sinh   | 81                 | 40,1                                   | 35,5               | 19,9        | 18,4                | 187,3                        | 14,3                   | 12,8                   |
|      | 7   | Giàng Seo Hồ     | 79                 | 36,0                                   | 32,9               | 22,9        | 21,1                | 178,6                        | 13,3                   | 12,5                   |
|      | 8   | Giàng Seo Phổng  | 83                 | 38,7                                   | 25,5               | 17,7        | 16,2                | 184,6                        | 12,3                   | 11,2                   |
|      | 9   | Giàng Seo Lùng   | 88                 | 44,3                                   | 30,7               | 23,5        | 21,7                | 188,3                        | 15,7                   | 13,9                   |
|      | 10  | Giàng Seo Dầu    | 81                 | 46,7                                   | 34,8               | 21,7        | 20,5                | 183,0                        | 14,7                   | 11,2                   |
|      |     | <b>Tb</b>        | <b>83,5</b>        | <b>40,3</b>                            | <b>33,4</b>        | <b>20,4</b> | <b>19,1</b>         | <b>181,7</b>                 | <b>13,9</b>            | <b>12,6</b>            |

### B.11.HIỆU QUẢ KINH TẾ MÔ HÌNH NUÔI ONG MẬT

| Phương thức nuôi                                                                                                                                    | Họ và tên         | Số thùng | Số lần thu mật/năm | Năng suất mật (lít/năm) | Thành tiền (đ/năm) | Đ/thùng / năm  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------|--------------------|-------------------------|--------------------|----------------|
| Nuôi ong trong thùng cầu                                                                                                                            | Hoàng Thế Quyền   | 4        | 5                  | 24                      | 1.200.000          | 300.000        |
|                                                                                                                                                     | Hoàng Văn Giảng   | 4        | 5                  | 24                      | 1.200.000          | 300.000        |
|                                                                                                                                                     | Hoàng Văn Tiến    | 4        | 5                  | 25                      | 1.250.000          | 312.500        |
|                                                                                                                                                     | <b>Trung bình</b> | <b>1</b> | <b>5</b>           | <b>6,0</b>              |                    | <b>304.166</b> |
| Nuôi ong trong đồ (địa phương)                                                                                                                      | Ma Seo Nhà        | 5        | 2                  | 12                      | 600.000            | 120.000        |
|                                                                                                                                                     | Hoàng Văn Ngọc    | 8        | 2                  | 20                      | 1.000.000          | 125.000        |
|                                                                                                                                                     | Đặng Văn Chấn     | 3        | 2                  | 7                       | 350.000            | 116.000        |
|                                                                                                                                                     | <b>Trung bình</b> | <b>1</b> | <b>2</b>           | <b>2,4</b>              |                    | <b>120.333</b> |
| Hiệu quả nuôi ong theo kỹ thuật đã tăng số lần thu mật lên 2,5 lần ,năng suất mật từ 2,4lít lên 6 lít/thùng cầu/năm(tăng 2,5 lần),tăng thu nhập là: |                   |          |                    |                         |                    | 183.833        |

### B.12.HIỆU QUẢ KINH TẾ MÔ HÌNH NUÔI VIT CHUYÊN TRỨNG KHAKICAMPBELL

| Tên họ           | Số vit cái/ đàn | Đầu tư thức ăn (kg thóc) | Thành tiền (đ) | Số trứng thu trong tháng (quả) | Thành tiền (đ) | Lãi (đ/tháng) | Trung bình (đ/con/tháng) |
|------------------|-----------------|--------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|---------------|--------------------------|
| Dương Văn Nhà    | 7/7             | 45                       | 58500          | 91                             | 91000          | 32500         | 4650                     |
| Lý Ngọc Thanh    | 4/5             | 30                       | 39000          | 68                             | 68000          | 29000         | 5800                     |
| Chánh Văn Trấn   | 5/5             | 30                       | 39000          | 82                             | 82000          | 43000         | 8600                     |
| Lý Tu Vương      | 5/6             | 45                       | 58500          | 88                             | 88000          | 29500         | 4900                     |
| Hoàng Văn Sinh   | 8/8             | 60                       | 78000          | 132                            | 132000         | 54000         | 6750                     |
| Phản Văn Sinh    | 5/5             | 45                       | 58500          | 80                             | 80000          | 51500         | 10300                    |
| Phản Văn Hôn     | 6/6             | 45                       | 58500          | 132                            | 132000         | 83500         | 13900                    |
| Trương Văn Thanh | 4/5             | 30                       | 39000          | 67                             | 67000          | 28000         | 5600                     |
| Hoàng Văn Cảo    | 6/6             | 45                       | 58500          | 93                             | 93000          | 34500         | 5750                     |
| Đặng Tu Trấn     | 3/3             | 30                       | 39000          | 57                             | 57000          | 18000         | 6000                     |
| <b>Tổng số</b>   | <b>52/55</b>    | <b>405</b>               | <b>526.500</b> | <b>890</b>                     | <b>890.000</b> | <b>403500</b> | <b>72000</b>             |
| <b>Tb</b>        | <b>5,2/5,5</b>  | <b>40,5</b>              | <b>52.650</b>  | <b>89</b>                      | <b>89.000</b>  | <b>40.350</b> | <b>7.200</b>             |

**B 14. HIỆU QUẢ KINH TẾ**  
**TRONG MÔ HÌNH CANH TÁC BỀN VỮNG**  
**CƠ CẤU: NGÔ XUÂN - ĐẬU TƯƠNG HÈ THU NĂM 2002**

| Loại hình                           | Tên hộ           | Năng suất (kg/1000 m <sup>2</sup> ) |                  | Tổng thu (nghìn đồng) | Lãi (nghìn đồng) | % lãi      |
|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------|------------------|-----------------------|------------------|------------|
|                                     |                  | Ngô                                 | Đậu tương hè thu |                       |                  |            |
| Ngô địa phương độc canh             | Hoàng Văn Tiến   | 389                                 |                  | 0778,0                | 0768,0           |            |
|                                     | Giàng Seo Dơ     | 431                                 |                  | 0862,0                | 0852,0           |            |
|                                     | Hoàng Văn Vinh   | 361                                 |                  | 0722,0                | 0712,0           |            |
|                                     | <b>Tb</b>        | <b>394</b>                          |                  | <b>0788,0</b>         | <b>0778,0</b>    | <b>100</b> |
| Mô hình Ngô xuân - Đậu tương hè thu | Dương Văn Nhà    | 489                                 | 153              | 1743,0                | 1457,1           |            |
|                                     | Trương Văn Thanh | 598                                 | 139              | 1891,0                | 1605,1           |            |
|                                     | Cháng Seo Hâu    | 509                                 | 133              | 1683,0                | 1397,1           |            |
|                                     | Lì Seo Hồ        | 548                                 | 112              | 1656,0                | 1370,1           |            |
|                                     | Hâu Seo Chang    | 495                                 | 106              | 1520,0                | 1234,1           |            |
|                                     | Giàng Seo Chấy   | 478                                 | 128              | 1596,0                | 1310,1           |            |
|                                     | Đặng Tu Páo      | 528                                 | 125              | 1681,0                | 1395,1           |            |
|                                     | Đặng Tu Anh      | 570                                 | 112              | 1700,0                | 1414,1           |            |
|                                     | Phản Kim Sinh    | 542                                 | 139              | 1779,0                | 1493,1           |            |
|                                     | Đặng Kim Trương  | 500                                 | 112              | 1560,0                | 1274,1           |            |
|                                     | <b>Tb</b>        | <b>525,7</b>                        | <b>125,9</b>     | <b>1680,9</b>         | <b>1395,0</b>    | <b>179</b> |

**Ghi chú:**

- Giá ngô thương phẩm 2000 đồng/kg, đậu tương thương phẩm bằng đậu tương giống 5000 đồng /kg;
- Ngô giống địa phương: 2.000 d /kg
- Ngô giống mô hình: 10.000 d /kg.

**B.2. MỘT SỐ CHỈ TIÊU NĂNG SUẤT ĐẬU TƯƠNG XUÂN TRONG MÔ HÌNH  
(NĂM 2001 GIỐNG AKO6 VÀ 2002 GIỐNG DT90)**

| Năm               | Stt | Tên chủ hộ        | Chỉ tiêu theo dõi |                                        |                    |                    |                     | Năng suất                    |                     |
|-------------------|-----|-------------------|-------------------|----------------------------------------|--------------------|--------------------|---------------------|------------------------------|---------------------|
|                   |     |                   | TG ST<br>(ngày)   | Mật<br>độ<br>(cây/<br>m <sup>2</sup> ) | Cao<br>cây<br>(cm) | Tổng số<br>quả/cây | Quả<br>chắc<br>/cây | P <sub>1000</sub> hạt<br>(g) | Thực thu<br>(tạ/ha) |
| 2001              | 1   | Giàng Seo Phồng   | 95                | 42,6                                   | 31,2               | 19,8               | 18,1                | 168,0                        | 16                  |
|                   | 2   | Giàng Seo Dơ      | 97                | 45,3                                   | 28,7               | 27,5               | 25,9                | 169,6                        | 19                  |
|                   | 3   | Giàng Seo Lùng    | 96                | 48,0                                   | 39,6               | 23,4               | 20,7                | 172,3                        | 18                  |
|                   | 4   | Dương Văn Nhà     | 96                | 43,6                                   | 34,2               | 29,2               | 28,4                | 154,6                        | 16                  |
|                   | 5   | Chương Văn        | 96                | 44,3                                   | 27,2               | 21,8               | 20,4                | 159,6                        | 15                  |
|                   | 6   | Thanh.            | 98                | 39,6                                   | 26,8               | 23,6               | 21,8                | 157,3                        | 17                  |
|                   | 7   | Giàng Seo Hồ      | 94                | 49,3                                   | 29,5               | 29,1               | 26,7                | 181,3                        | 15                  |
|                   | 8   | Hầu Seo Tinh      | 99                | 44,6                                   | 34,8               | 31,4               | 28,8                | 175,0                        | 19                  |
|                   | 9   | Cháng Seo Diu     | 98                | 48,0                                   | 38,2               | 24,6               | 23,1                | 171,3                        | 16                  |
|                   | 10  | Cháng Seo Páo     | 96                | 38,6                                   | 35,7               | 27,8               | 26,4                | 160,6                        | 19                  |
| <b>Trung bình</b> |     |                   | <b>96,5</b>       | <b>44,4</b>                            | <b>32,6</b>        | <b>25,8</b>        | <b>24,0</b>         | <b>166,9</b>                 | <b>17,0</b>         |
| 2002              | 1   | Giàng Seo Phồng   | 105               | 38,0                                   | 28,1               | 21,7               | 20,1                | 153,3                        | 24                  |
|                   | 2   | Giàng Seo Dơ      | 97                | 39,0                                   | 39,0               | 20,0               | 18,7                | 158,0                        | 28                  |
|                   | 3   | Giàng Seo Lùng    | 98                | 35,7                                   | 31,0               | 29,9               | 28,1                | 159,6                        | 26                  |
|                   | 4   | Dương Văn Nhà     | 101               | 35,3                                   | 47,6               | 21,5               | 20,7                | 157,3                        | 25                  |
|                   | 5   | Chương văn thanh. | 101               | 39,0                                   | 42,4               | 30,4               | 28,9                | 162,6                        | 24                  |
|                   | 6   | Giàng Seo Hồ      | 104               | 43,7                                   | 33,0               | 22,3               | 21,7                | 160,3                        | 19                  |
|                   | 7   | Hầu Seo Tinh      | 98                | 37,3                                   | 34,9               | 27,3               | 26,5                | 164,6                        | 25                  |
|                   | 8   | Cháng Seo Diu     | 96                | 40,7                                   | 31,8               | 21,2               | 20,3                | 167,6                        | 21                  |
|                   | 9   | Cháng Seo Páo     | 96                | 37,0                                   | 35,8               | 22,1               | 21,1                | 158,3                        | 20                  |
|                   | 10  | Đặng Kim Sinh     | 100               | 34,3                                   | 38,9               | 20,6               | 19,5                | 161,6                        | 17                  |
| <b>Trung bình</b> |     |                   | <b>99,6</b>       | <b>38,0</b>                            | <b>36,3</b>        | <b>23,7</b>        | <b>22,6</b>         | <b>160,2</b>                 | <b>22,9</b>         |
|                   |     |                   |                   |                                        |                    |                    |                     |                              | <b>18,6</b>         |



**B 13. HIỆU QUẢ KINH TẾ TRONG MÔ HÌNH CANH TÁC BỀN VỮNG**  
**CƠ CẤU: ĐÀU TƯƠNG XUÂN – LÚA MÙA**

| Loại hình                                           | Tên hộ           | 2001                                   |            |                                |                        | 2002     |                                        |            |                                |                        |          |
|-----------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------|------------|--------------------------------|------------------------|----------|----------------------------------------|------------|--------------------------------|------------------------|----------|
|                                                     |                  | Năng suất<br>(kg/1000 m <sup>2</sup> ) |            | Tổng<br>thu<br>(nghìn<br>đồng) | Lãi<br>(nghìn<br>đồng) | %<br>lãi | Năng suất<br>(kg/1000 m <sup>2</sup> ) |            | Tổng<br>thu<br>(nghìn<br>đồng) | Lãi<br>(nghìn<br>đồng) | %<br>lãi |
|                                                     |                  | Đậu<br>tương<br>xuân                   | Lúa<br>mùa |                                |                        |          | Đậu<br>tương<br>xuân                   | Lúa<br>mùa |                                |                        |          |
| Lúa địa<br>phương<br>độc canh                       | Ma Seo Nhà       |                                        | 343        | 0445,9                         | 0435,9                 |          |                                        | 361        | 0541,5                         | 0531,5                 |          |
|                                                     | Giàng Seo Chinh  |                                        | 305        | 0396,5                         | 0386,5                 |          |                                        | 417        | 0625,5                         | 0615,5                 |          |
|                                                     | Hoàng Thế Quyền  |                                        | 374        | 0486,2                         | 0476,2                 |          |                                        | 403        | 0604,5                         | 0594,5                 |          |
|                                                     | Tb               |                                        | 341        | 0443,3                         | 0432,9                 | 100      |                                        | 394        | 0590,5                         | 0580,5                 | 100      |
| Lúa mô<br>hình (độc<br>canh)                        | Ma Seo Nhà       |                                        | 831        | 1080,3                         | 0861,3                 |          |                                        | 681        | 1021,5                         | 0763,8                 |          |
|                                                     | Giàng Seo Dơ     |                                        | 529        | 0687,7                         | 0468,7                 |          |                                        | 709        | 1063,5                         | 0805,8                 |          |
|                                                     | Hoàng Văn Tiến   |                                        | 582        | 0786,6                         | 0567,6                 |          |                                        | 584        | 0876,0                         | 0618,3                 |          |
|                                                     | Hoàng Văn Vinh   |                                        | 609        | 0791,7                         | 0572,7                 |          |                                        | 639        | 0958,5                         | 0700,8                 |          |
|                                                     | Trương Văn Thanh |                                        | 675        | 0877,5                         | 0658,5                 |          |                                        | 695        | 1042,5                         | 0784,8                 |          |
|                                                     | Hoàng Thế Quyền  |                                        | 554        | 0720,2                         | 0501,2                 |          |                                        | 834        | 1251,0                         | 0993,3                 |          |
|                                                     | Dương Văn Sinh   |                                        | 637        | 0828,1                         | 0609,1                 |          |                                        | 751        | 1126,5                         | 0868,8                 |          |
|                                                     | Dương Văn Nhà    |                                        | 609        | 0791,7                         | 0572,7                 |          |                                        | 612        | 0918,0                         | 0660,3                 |          |
|                                                     | Giàng Seo Phóng  |                                        | 443        | 0575,9                         | 0356,9                 |          |                                        | 723        | 1084,5                         | 0826,8                 |          |
|                                                     | Giàng Seo Hồ     |                                        | 499        | 0648,7                         | 0429,7                 |          |                                        | 598        | 0897,0                         | 0639,3                 |          |
|                                                     | Tb               |                                        | 597        | 0775,8                         | 0559,8                 | 130      |                                        | 683        | 1023,9                         | 0766,2                 | 132      |
| Mô hình<br>lúa mùa<br>trên đất<br>đậu tương<br>xuân | Ma Seo Nhà       | 155                                    | 859        | 1891,7                         | 1585,0                 |          | 217                                    | 737        | 2190,5                         | 1827,5                 |          |
|                                                     | Giàng Seo Dơ     | 160                                    | 637        | 1628,1                         | 1321,4                 |          | 204                                    | 723        | 2104,5                         | 1741,5                 |          |
|                                                     | Hoàng Văn Tiến   | 143                                    | 665        | 1579,5                         | 1272,8                 |          | 226                                    | 612        | 2048,0                         | 1685,0                 |          |
|                                                     | Hoàng Văn Vinh   | 140                                    | 637        | 1528,1                         | 1221,4                 |          | 224                                    | 709        | 2183,5                         | 1820,5                 |          |
|                                                     | Trương Văn Thanh | 167                                    | 720        | 1771,0                         | 1464,3                 |          | 204                                    | 667        | 2020,5                         | 1657,5                 |          |
|                                                     | Hoàng Thế Quyền  | 158                                    | 554        | 1510,5                         | 1203,8                 |          | 144                                    | 862        | 2013,0                         | 1650,0                 |          |
|                                                     | Dương Văn Sinh   | 145                                    | 609        | 1516,7                         | 1212,0                 |          | 209                                    | 737        | 2150,5                         | 1787,5                 |          |
|                                                     | Dương Văn Nhà    | 147                                    | 693        | 1635,9                         | 1329,2                 |          | 153                                    | 667        | 1765,5                         | 1402,5                 |          |
|                                                     | Giàng Seo Phóng  | 154                                    | 526        | 1453,8                         | 1147,1                 |          | 142                                    | 778        | 1877,0                         | 1514,0                 |          |
|                                                     | Giàng Seo Hồ     | 131                                    | 497        | 1301,1                         | 0994,4                 |          | 137                                    | 695        | 1727,5                         | 1364,5                 |          |
|                                                     | Tb               | 150                                    | 639        | 1581,6                         | 1274,9                 | 295      | 186                                    | 719        | 2008,0                         | 1645,1                 | 283      |

**Ghi chú:****Đầu tư cho năm 2001**

- Giá lúa thương phẩm 1300 đồng/kg,
- Đậu tương thương phẩm bằng đậu tương giống = 5000 đồng /kg;
- Đầu tư cho 1000 m<sup>2</sup>
- Lúa địa phương: 2.000đ/kg
- Lúa mô hình: Shan Ưu 63 : 20.000đ/kg
- Ure : 2.600đ/kg
- Lân Văn Điển: 1.050 đ/kg
- Kali :2.500 đ/kg.

**Đầu tư cho năm 2002**

- Giá lúa thương phẩm 1500 đồng/kg, đậu tương thương phẩm bằng đậu tương giống = 5000 đồng /kg;

**B.15. SỐ LƯỢT HỘ THAM GIA CÁC MÔ HÌNH  
ĐUẨN BẢN PÉO HUYỆN HOÀNG SU PHÌ TỈNH HÀ GIANG**

| Stt                             | Mô hình                          | Số lượt hộ tham gia |            |             |
|---------------------------------|----------------------------------|---------------------|------------|-------------|
|                                 |                                  | 2001                | 2002       | 2001 + 2002 |
| 1                               | Đậu tương xuân                   | 34                  | 39         | 73          |
| 2                               | Đậu tương hè thu                 | 82                  | 39         | 121         |
| 3                               | Lúa mùa                          | 42                  | 177        | 219         |
| 4                               | Ngô xuân                         |                     | 31         | 31          |
| 5                               | Hỗ trợ phát triển nuôi vịt và gà | 46                  | 45         | 91          |
| 6                               | Chè                              | 10                  |            | 10          |
| 7                               | Nuôi ong                         | 4                   | 6          | 10          |
| 8                               | Thủy y                           |                     | 146        | 146         |
| 9                               | Rừng                             | 11                  |            | 11          |
| <b>Tổng số lượt hộ tham gia</b> |                                  | <b>219</b>          | <b>483</b> | <b>712</b>  |

B.4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CẤU THÀNH NĂNG SUẤT LÚA MÙA TRONG MÔ HÌNH ( 2001 VÀ 2002)

| Năm  | S          | Tên chủ hộ       | Chỉ tiêu theo dõi |                                      |                 |                     |                   |                              | Năng suất           |                     |
|------|------------|------------------|-------------------|--------------------------------------|-----------------|---------------------|-------------------|------------------------------|---------------------|---------------------|
|      |            |                  | TGST<br>(ngày)    | mật độ<br>(khóm<br>/m <sup>2</sup> ) | cao cây<br>(cm) | số<br>bông/<br>khóm | hạt chắc/<br>bông | P <sub>1000</sub><br>hạt (g) | thống kê<br>(tạ/ha) | thực thu<br>(tạ/ha) |
| 2001 | 1          | Ma Seo Nhà       | 147               | 43,3                                 | 117,2           | 8,3                 | 219,8             | 25,3                         | 111                 | 83,1                |
|      | 2          | Giàng Seo Dơ     | 148               | 46,0                                 | 106,0           | 8,0                 | 157,4             | 26,3                         | 75                  | 52,9                |
|      | 3          | Hoàng Văn Tiến   | 139               | 52,7                                 | 114,3           | 7,8                 | 190,2             | 25,6                         | 80                  | 58,2                |
|      | 4          | Hoàng Văn Vinh   | 135               | 42,3                                 | 112,8           | 7,3                 | 199,7             | 24,6                         | 73                  | 60,9                |
|      | 5          | Trương Văn Thanh | 137               | 24,7                                 | 110,1           | 9,2                 | 230,4             | 26,0                         | 88                  | 67,5                |
|      | 6          | Hoàng Thế Quyền  | 141               | 46,3                                 | 116,6           | 6,1                 | 175,0             | 27,3                         | 75                  | 55,4                |
|      | 7          | Hầu Seo Đình     | 138               | 39,7                                 | 103,9           | 6,3                 | 186,5             | 25,3                         | 98                  | 63,7                |
|      | 8          | Dương Văn Nhà    | 148               | 47,0                                 | 111,7           | 9,6                 | 155,9             | 25,6                         | 85                  | 60,9                |
|      | 9          | Giàng Seo Phóng  | 144               | 22,3                                 | 109,5           | 8,1                 | 196,4             | 26,0                         | 65                  | 44,3                |
|      | 10         | Giàng Seo Hồ     | 145               | 53,0                                 | 114,2           | 8,9                 | 183,7             | 26,6                         | 75                  | 49,9                |
| 2002 |            | Tb               | 142,2             | 41,7                                 | 111,1           | 7,9                 | 189,5             | 25,9                         | 82,5                | 59,7                |
|      | 1          | Hầu Seo Đình     | 142               | 43,0                                 | 98,3            | 8,7                 | 189,1             | 25,8                         | 83                  | 68,1                |
|      | 2          | Hầu Seo Tinh     | 147               | 44,0                                 | 96,7            | 8,4                 | 204,3             | 26,9                         | 87                  | 70,9                |
|      | 3          | Giàng Seo Phóng  | 141               | 42,3                                 | 89,5            | 8,5                 | 168,4             | 27,1                         | 75                  | 58,4                |
|      | 4          | Hoàng Thế Quyền  | 139               | 50,3                                 | 91,9            | 6,5                 | 205,0             | 26,5                         | 81                  | 63,9                |
|      | 5          | Hoàng Văn Sinh   | 145               | 42,7                                 | 110,4           | 7,7                 | 184,7             | 26,7                         | 87                  | 69,5                |
|      | 6          | Giàng Seo Mãng   | 148               | 47,0                                 | 113,7           | 8,6                 | 216,3             | 26,6                         | 113                 | 83,4                |
|      | 7          | Giàng Seo Dầu    | 141               | 40,3                                 | 106,0           | 8,0                 | 199,1             | 27,0                         | 93                  | 75,1                |
|      | 8          | Chương Văn Thanh | 138               | 44,3                                 | 105,5           | 7,6                 | 208,5             | 26,8                         | 77                  | 61,2                |
|      | 9          | Giàng Seo Hồ     | 137               | 45,0                                 | 99,1            | 7,1                 | 196,5             | 26,2                         | 78                  | 72,3                |
|      | 10         | Dương Văn Nhà    | 143               | 43,7                                 | 100,4           | 7,4                 | 179,2             | 26,5                         | 72                  | 59,8                |
|      | Trung bình | 142,1            | 44,3              | 101,2                                | 7,9             | 195,1               | 26,6              | 84,6                         | 68,3                |                     |

**QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH HÀ GIANG**

(V/v thành lập các hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh 02 dự án-  
Thuộc chương trình phát triển KTXH nông thôn miền núi 1998-2002)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND (Sửa đổi) ban hành Ngày 21/6/1994.

Căn cứ nghị định 35/HĐBT ngày 28 tháng 1 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ( Nay là chính phủ ) về đổi mới công tác quản lý và hoạt động KHCN.

Căn cứ quyết định Số 1429/UB-BKHCMNT ngày 11/8/2000 của Bộ KH&MT về việc phê duyệt dự án đợt I/2000 thuộc chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển KT-XH nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002" trong đó tỉnh Hà giang thực hiện 02 dự án:

- "xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc tại xã Bản pèo huyện Hoàng Su Phì".

- "ứng dụng vật liệu Cpmpozít để hứng, chứa nước ăn cho đồng bào Mông xã Lũng cú- Huyện Đồng văn".

Xét tờ trình số: 338 /TT-KCM Ngày 14 Tháng 10 Năm 2002 Sở Khoa học, công nghệ và môi trường Hà giang về việc nghiệm thu dự án .

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1 :** Nay thành lập các hội đồng nghiệm thu cấp Tỉnh 02 dự án KHCN (thuộc chương trình phát triển KTXH nông thôn miền núi giai đoạn 1998-2002). Tên dự án và Các thành viên trong từng Hội đồng nghiệm thu có phụ lục kèm theo quyết định này.

**Điều 2 :** Các Hội đồng nghiệm thu có nhiệm vụ kiểm tra, xác minh, đánh giá toàn bộ nội dung kết quả của đề tài trên cơ sở khoa học và báo cáo kết quả nghiệm thu đề tài trình UBND Tỉnh. Hội đồng tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3 :** Chánh văn phòng HĐND, UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học, công nghệ và môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan và các Ông , Bà có tên tại điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

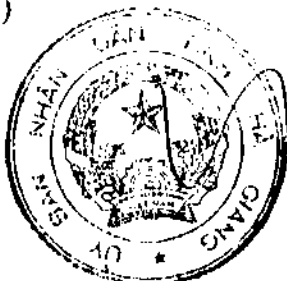
Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận :**

- TTtr Tỉnh Ủy (B/C)
- TTtr HĐND Tỉnh (Tưởng)
- CT, PCT UBND Tỉnh (B/C)
- Như điều III (T/H)
- Lưu VT, Cv : KHCN

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

**K/T CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Hoàng Đình Châm*



## DANH SÁCH

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CẤP TỈNH NGHIỆM THU DỰ ÁN :

*Xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc tại xã Bản Páo  
huyện Hoàng Su Phì”.*

*(Kèm theo Quyết định số 1777/QĐ-UB Ngày 17. Tháng 10. Năm 2002  
của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Giang)*

|                         |                                |                   |
|-------------------------|--------------------------------|-------------------|
| 1. KS. Nguyễn Đức Vinh  | PGĐ Sở NN & PT NT              | Chủ tịch hội đồng |
| 2. KS. Nguyễn Hữu Chí   | Chủ tịch UBND Huyện HSP        | Ủy viên           |
| 3. KS. Nguyễn Viết Lợi  | PGĐ Sở KH & ĐT Tỉnh            | Ủy viên           |
| 4. CN Lê Thị Xiết       | PGĐ Sở TC - VG Tỉnh            | Ủy viên           |
| 5. KS. Bàn Thị Vi       | Chi cục trưởng chi cục PTLN    | Ủy viên           |
| 6. KS. Hoàng Quang Ninh | Chi cục trưởng chi cục Thú y   | Ủy viên           |
| 7. KS. Nguyễn Minh Tiến | CV UBND Tỉnh                   | Ủy viên           |
| 8. KS. La Trường Giang  | PGĐ Trung tâm Khuyến nông tỉnh | Ủy viên           |
| 9. KS. Tô Đức Hiện      | CV. Phòng QLKH- Sở KH-CN-MT    | Ủy viên thư ký    |

\* Ngoài các thành viên trên Chủ tịch hội đồng nghiệm thu sẽ mời thêm một số đồng chí là chuyên gia tham dự hội nghị nghiệm thu ./.

**BIÊN BẢN**  
**NGHIỆM THU CẤP TỈNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN NTMN**

1. Tên dự án: "Xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc tại  
Xã Xuân Minh - Huyện Hoàng Su Phì - Tỉnh Hà Giang".

2. Cơ quan chủ trì thực hiện dự án: Sở Khoa học- CN & MT Hà Giang

Hợp đồng thực hiện số: 03.../HĐ-ĐA-NTMN Ngày 15/8/2002 giữa Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường với đơn vị thực hiện dự án.

3. Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh số: 2787/QĐ-UB Ngày 17/10/2002 của UBND tỉnh Hà Giang

4. Thời gian: Hồi 8 giờ 00 ngày 17 tháng 02 năm 2003.

5. Địa điểm nghiệm thu: Tại Văn phòng Sở khoa học, công nghệ và môi trường.

6. Hội đồng gồm có: 09 thành viên (Danh sách kèm theo quyết định)

a. Số thành viên có mặt: 07

b. Số thành viên vắng mặt: 02 (Họ và tên)

- Nguyễn Minh Tiến Đơn vị công tác: CV UBND Tỉnh

- Sơn Thị Vi Đơn vị công tác: CV NN & PTNT

- Đơn vị công tác:

7. Khách mời tham dự: (Họ và tên)

- Bùi Thị Nhung Đơn vị công tác: Giám đốc Sở KH-CN-MT

- Hoàng Sơn Cui Đơn vị công tác: Phó BA Sở KH-CN

- Đinh Minh Trung Đơn vị công tác: Phó BA Sở KH-CN

- Phan Minh Giang Đơn vị công tác: Tr. fong ALK

- BS Thái Phi Đơn vị công tác: Viện Thổ nhưỡng - Nông hóa

- TS Nguyễn Văn Bui Đơn vị công tác: Viện TN Nng hóa

8. Người trình bày báo cáo tổng kết đề tài, dự án:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Bui

- Học vị: Tiến Sĩ Chức vụ: Tr. fong S. h. đ. t. Cơ quan công tác:

- Viện Thổ nhưỡng - Nông hóa

9. Đánh giá kết quả thực hiện đề tài (dự án):

a/ Mức độ đạt được mục tiêu KHCN:

Dự án đã thảo luận, đồng thuận 3 mục tiêu chính:

- XD mặt hồ trữ nước KHCN khu SX nông nghiệp vùng biển vùng đất bồi đắp - làm thềm tích trữ nước tưới xấp xỉ chia xã Bình Páo.
- Đào tạo huấn luyện đội ngũ kỹ thuật viên, có khả năng tiếp nhận và nâng cấp kết quả ra vùng sản xuất.

- Góp phần đi xuất các giải pháp chuyển giao công nghệ đến phát triển kinh tế vùng cao nhất các bên vùng.

b) Mức độ thực hiện các nội dung, quy mô đề ra của dự án

- \* Nội dung: - Dự án đã tiến hành khai thác 5 mô hình: Phấn triển công nghệ tưới; Xây dựng hệ thống các tài sản vùng; Hỗ trợ phát triển công nghệ nông nghiệp & công nghệ; Nâng cấp cầu đường; Hỗ trợ kỹ thuật; Đào tạo, chuyển giao.
- Các nội dung thực hiện khai thác đúng tiến độ và yêu cầu đặt ra.

- \* Quy mô: - Dự án đã tiến hành khai thác và vớt quy mô đất 100 ha (Năng lực kỹ thuật; Năng lực kỹ thuật vùng biển; Kỹ thuật công nghệ; Năng lực các tài sản vùng).

c) Phương pháp tổ chức, quản lý chỉ đạo thực hiện dự án

- Dự án đã được tiến hành thực hiện có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan TW, các cơ quan cấp tỉnh và địa phương là sự quan tâm sát sao của UBND huyện, UBND xã Bình Páo.
- Dự án luôn bám sát tiến độ thực hiện (luôn có các báo cáo, báo cáo).
- Dự án đã lồng ghép tốt với các chương trình phát triển khai thác vùng, huyện.

d) Hiệu quả trực tiếp thu được từ các mô hình

- \* Tăng thu nhập: - Sản xuất nông nghiệp đạt 15 tỷ/ha (tăng 5 tỷ/ha trước).
- Năng suất lúa đạt 64 tạ/ha (tăng 5 tạ/ha trước).
- Sản phẩm nông nghiệp đạt 18 tỷ/ha (tăng 8,7 tỷ/ha trước).
- Giá trị sản phẩm đạt 60 - 82 tỷ/ha (tăng 22 - 50 tỷ/ha trước).
- \* Các tài sản vùng: - Sản phẩm nông nghiệp đạt 18 tỷ/ha (tăng 8,7 tỷ/ha trước).
- Giá trị sản phẩm đạt 60 - 82 tỷ/ha (tăng 22 - 50 tỷ/ha trước).
- \* Năng lực kỹ thuật: - Sản phẩm nông nghiệp đạt 15 tỷ/ha (tăng 5 tỷ/ha trước).
- Năng suất lúa đạt 64 tạ/ha (tăng 5 tạ/ha trước).
- Sản phẩm nông nghiệp đạt 18 tỷ/ha (tăng 8,7 tỷ/ha trước).
- Giá trị sản phẩm đạt 60 - 82 tỷ/ha (tăng 22 - 50 tỷ/ha trước).

el Hiệu quả kinh tế xã hội và khả năng nhân rộng của mô hình sau khi dự án kết thúc

- Dự án được May mắn lớn (kết quả) được làm tại thôn bản, làm hết các mô hình đều đã được nhân rộng ngay trong dự án.
- Hiện nay các mô hình các mô hình đã được làm ở thôn bản. Sau khi dự án kết thúc vẫn còn là một số xã làm làm. - Hiện đã có nghị quyết đi phát triển các mô hình ra toàn huyện.

## 8. Kết quả bỏ phiếu:

- Số phiếu phát ra: 14...
- Số phiếu thu vào: 14...
- Số phiếu hợp lệ: 14...
- Số phiếu đánh giá đạt loại xuất sắc: 04.....
- Số phiếu đánh giá đạt loại khá: 03.....
- Số phiếu đánh giá đạt loại trung bình: 0.....
- Số phiếu đánh giá không đạt: 0.....
- Kết quả xếp loại: Xuất sắc.....

## 10. Kết luận của Hội đồng:

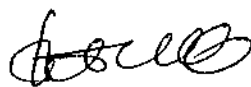
- Dự án đã được làm theo kế hoạch tốt, có sự phối hợp giữa các ban ngành, các cấp, các ngành, xã có sự hợp tác và phối hợp tốt với các cấp, các ngành.
- Dự án đã hoàn thành tốt mục tiêu đặt ra; các nội dung và quy mô đã được thực hiện đúng và vượt quy mô đặt ra ban đầu.
- Dự án đã đạt hiệu quả kinh tế và có ý nghĩa quan trọng đối với xã hội của vùng dự án. Kết quả của dự án đã góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương phát triển kinh tế xã hội.
- Hội đồng thực hiện nghiên cứu dự án. Đề nghị Ban KKCB, Hội đồng NT cấp Nhà nước, Ủy ban NT và TN-TT kết quả dự án và đưa ra kết luận.

Biên bản kết thúc hội 11 giờ 50' ngày 12/02/2003.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG





Nguyễn Đình Vĩnh.

Tô Đức Hiền



Đảng Cộng Sản Việt Nam  
Hội đồng Trung ương

Bản dự thảo 10/11/1962

# Y KIẾN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN: "XÂY DỰNG MÔ HÌNH CẠNH TẠC BÊN VƯỜN TRÊN ĐẤT ĐỐC TẠI XÃ BÀN PEO - HSP - HG CỦA XÃ BÀN PEO.

Kết quả việc thi hành công tác, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường  
Tỉnh Hà Giang. Xã Bàn Pao là một huyện nghèo xã thuộc có nhiều khó khăn nhất ở  
tỉnh. Công tác xây dựng vùng tự trị - Tỉnh Hà Giang - một huyện nghèo tỉnh nghèo  
Việt Nam đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều để xây dựng mô  
hình xã hội chủ nghĩa xã hội, nhất là từ năm 1960 đến nay nhiều lần  
hàng triệu đồng tiền công và của dân đã được đầu tư vào vùng này để xây  
dựng phát triển, nâng cao đời sống dân cư, xây dựng cơ sở vật chất và  
thanh lý bệnh tật. Đã làm cho địa phương này gần với sự phát triển của tỉnh  
đồng thời cũng là một trong những địa phương có sự phát triển của tỉnh.  
Đến nay công tác xây dựng vùng tự trị, nhất là công tác xây dựng cơ sở  
vật chất và đời sống dân cư, nhất là công tác xây dựng cơ sở vật chất và đời  
sống dân cư đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều lần. Từ năm 1960  
đến nay hàng triệu đồng tiền công và của dân đã được đầu tư vào vùng này để  
xây dựng phát triển, nâng cao đời sống dân cư, xây dựng cơ sở vật chất và  
thanh lý bệnh tật. Đã làm cho địa phương này gần với sự phát triển của tỉnh.

Đến nay công tác xây dựng vùng tự trị, nhất là công tác xây dựng cơ sở  
vật chất và đời sống dân cư, nhất là công tác xây dựng cơ sở vật chất và đời  
sống dân cư đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều lần. Từ năm 1960  
đến nay hàng triệu đồng tiền công và của dân đã được đầu tư vào vùng này để  
xây dựng phát triển, nâng cao đời sống dân cư, xây dựng cơ sở vật chất và  
thanh lý bệnh tật. Đã làm cho địa phương này gần với sự phát triển của tỉnh.

Đến nay công tác xây dựng vùng tự trị, nhất là công tác xây dựng cơ sở  
vật chất và đời sống dân cư, nhất là công tác xây dựng cơ sở vật chất và đời  
sống dân cư đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều lần. Từ năm 1960  
đến nay hàng triệu đồng tiền công và của dân đã được đầu tư vào vùng này để  
xây dựng phát triển, nâng cao đời sống dân cư, xây dựng cơ sở vật chất và  
thanh lý bệnh tật. Đã làm cho địa phương này gần với sự phát triển của tỉnh.

Đến nay công tác xây dựng vùng tự trị, nhất là công tác xây dựng cơ sở  
vật chất và đời sống dân cư, nhất là công tác xây dựng cơ sở vật chất và đời  
sống dân cư đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều lần. Từ năm 1960  
đến nay hàng triệu đồng tiền công và của dân đã được đầu tư vào vùng này để  
xây dựng phát triển, nâng cao đời sống dân cư, xây dựng cơ sở vật chất và  
thanh lý bệnh tật. Đã làm cho địa phương này gần với sự phát triển của tỉnh.

Đến nay công tác xây dựng vùng tự trị, nhất là công tác xây dựng cơ sở  
vật chất và đời sống dân cư, nhất là công tác xây dựng cơ sở vật chất và đời  
sống dân cư đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều lần. Từ năm 1960  
đến nay hàng triệu đồng tiền công và của dân đã được đầu tư vào vùng này để  
xây dựng phát triển, nâng cao đời sống dân cư, xây dựng cơ sở vật chất và  
thanh lý bệnh tật. Đã làm cho địa phương này gần với sự phát triển của tỉnh.

Đến nay công tác xây dựng vùng tự trị, nhất là công tác xây dựng cơ sở  
vật chất và đời sống dân cư, nhất là công tác xây dựng cơ sở vật chất và đời  
sống dân cư đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều lần. Từ năm 1960  
đến nay hàng triệu đồng tiền công và của dân đã được đầu tư vào vùng này để  
xây dựng phát triển, nâng cao đời sống dân cư, xây dựng cơ sở vật chất và  
thanh lý bệnh tật. Đã làm cho địa phương này gần với sự phát triển của tỉnh.

Của cái vật chất cho thêm loan khi gieo trồng được một vụ mùa  
Sinh Xuân Thiên đất này một vụ lúa, đây thấy vụ hè thì Thiên đất  
đều mùa thuở đây chi' gieo trồng một vụ, Kì thuở Thiên Cảnh này  
Của Vàng Khuyết Cây Chè Shan. Đã gặp phải giặc Cáo hồ ryleo ở địa  
phương. Phải khi này dân địa biết được rằng mình gần có chi' phải  
biết chiến đấu, biết phòng chống địch bêu, nên các con có gặt  
phải gặt, vật chày thày, như ở đây phải trồng thày Cáo. Thiên  
thực tế đã làm thày đất này làm ăn của của xã này rồi.

Nhân dân xã bản péc Chàng Tờ cũng muốn được về quê hương  
thực nhân lực của cho sự phát triển của địa phương, góp phần phát triển kinh  
tế của địa phương nhằm làm cho họ được sống yên bình trong xã.

Nhân dân xã bản péc Chàng Tờ cũng muốn được về quê hương  
hàng ngàn, số nhà này cũng yên và một thày tính thày này, và  
UBND Huyện Hoàng Sơnphi đã quan tâm tới Chàng Tờ, đã đưa họ  
cho chày Tờ về kinh tế cũng như những khó khăn Kì thuở. Chàng  
Tờ tin rằng những Chàng Tờ của địa phương sẽ góp phần phát triển kinh  
tế của địa phương, đây sẽ giúp dân này một ngày cao hơn nữa. Nhân  
dân xã bản péc sẽ rất biết ơn khi được sống và làm việc trên mảnh  
đất quê hương của mình mà không phải bỏ nhà cửa đi về nhà  
Sống nữa.

Chàng Tờ đề nghị địa <sup>thực</sup> phương những Chàng Tờ một về dân  
xuất nông nghiệp để giúp đỡ nhân dân xã bản péc Chàng Tờ  
đặt lại là việc phát triển Cây Chè Shan bởi vì Cây Chè Shan  
đang phát triển rất mạnh trong địa phương này và cũng là một  
loại nông sản xã bản péc.

Chàng Tờ xin chân thành cảm ơn.

Xác nhận của UBND xã:

P. Chủ tịch:

Nguyễn Văn Bỉnh

Bí thư

Vũ Seo Chàng

[illegible]

Nhân dân Xiêm Péc cũng từ nung muốn được trở về quê  
tư nhân tại địa đạo Sơ phát triển Cần Đức, góp phần phát triển kinh  
tế của địa phương nhân dân Xiêm Péc trở về quê hương.

Nhân dân xã bạn péc Chuý Tô Xảo Cầm làm viên thơ những  
 ngày hôm, so' khua bực công nghệ và nỗi thuyệt tình thây giáng, và  
 (18/11) Uyển Hoàng Su phỉ tá quan Tân Tô Chuý Tô, đã đến từ  
 cho Chuý Tô về thăm Tô cũng như những khế hoạch để thoát khỏi  
 Tô tìm rằng những thanh công của được sẽ gây phản phát triển kinh  
 tế cho các nước, rồi sẽ giúp dân này phát này cao hơn nữa. Nhân  
 dân xã bạn sẽ rất biết ơn khi được sống và làm việc trên mảnh  
 đất quê hương của mình mà không phải bỏ nhà cửa đi nơi khác  
 sống nữa.

Song Nhân.  
 Chúng tôi đề nghị anh <sup>thầy</sup> chú những chứng khoán mới về dân  
 xuất nước ngoài để gửi cho anh em anh em xã bạn anh em  
 đặt lịch làm việc phát triển cây chè Shan Bè vì cây chè Shan  
 Bè rất quý giá và rất quan trọng cho đời sống nhân dân xã bạn anh em  
 xã bạn anh em.

Chàng là: Hien Văn Thái em 2.

Хасанхан сүд УБНД хаш:

P. Chu'lich:

Đặng Xuân Bình

Prüfung

Vi Seo Chung.

## BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH LÝ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ vào nội dung hợp đồng số 01 HD/DANTN ngày 21 tháng 02 năm 2001.

- Căn cứ vào kết quả thực hiện.

Hôm nay ngày 18 tháng 02 năm 2003. Tại Sở Khoa học, công nghệ và môi trường Hà Giang.

**Chúng tôi gồm :**

**1. Đại diện Bên (A):** ..... Sở Khoa học, Công nghệ & môi trường Hà Giang

Ông ( Bà ) ..... Bui Thi Nhung ..... Chức vụ ..... Giám đốc

Ông ( Bà ) ..... Phạm Minh Giảng ..... Chức vụ ..... Trĩ tổng quản lý Khoa học

**2. Đại diện Bên (B):** ..... Viện Thổ nhưỡng - Nông hóa

Ông ( Bà ) TS. Bùi Hùng Hiền ..... Chức vụ ..... Viện trưởng

Ông ( Bà ) TS. Nguyễn Văn Sửu ..... Chức vụ ..... Trĩ tổng sư địa

**3. Sản phẩm của hợp đồng :**

..... Tổ chức chuyển giao công nghệ & thực hiện dự án

..... Xây dựng mô hình canh tác trên vùng đất

..... dốc tại xã Xuân Minh - huyện Hoàng Su Phai,

..... tỉnh Hà Giang.

..... Thực hiện thử nghiệm quy trình và phân tích

..... kết quả trên mô hình

**4. Kinh phí đã chi cho các khoản :**

..... Tổ chức xây dựng DA

..... Tổ chức thực hiện

..... Tổ chức phân tích các cấp

..... Tổng số ..... 435 triệu đồng

**5. Đánh giá - Kết luận của bên (A) :**

..... Bên (B) đã thực hiện tốt các dự án đã ký kết

..... tại HĐ số 01/HĐ - DANTN ngày 21/02/2001.

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng. Biên bản này lập thành 04 bản - Mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN (A)

Chữ ký thủ lĩnh

ĐẠI DIỆN BÊN (B)



GIÁM ĐỐC

Bui Thi Nhung

Lưu Nam

Nguyễn Văn Sửu



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Trần Thị Tâm

Số 121/ CV- UB  
"V/v Nhận xét đề tài KH"

Hoàng Su Phì, ngày 12 tháng 10 năm 2002.

**Kính gửi: - Viện nông hoá thổ nhưỡng.  
- Sở KHCNMT tỉnh Hà Giang.**

Dự án xã Bản Páo được bắt đầu từ tháng 2/2001, chủ quản đề tài là sở KHCNMT tỉnh Hà Giang, cơ quan chuyển giao kỹ thuật là viện nông hoá thổ nhưỡng. Đề tài tập trung khẳng định mô hình canh tác bền vững trên đất dốc, khẳng định tính hiệu quả của đề tài UBND huyện Hoàng Su Phì đánh giá trên các mặt sau đây:

1. Cơ quan viện Nông hoá thổ nhưỡng là đơn vị có kinh nghiệm trong việc áp dụng các thành tựu khoa học, đưa tiến bộ KH KT vào thực tiễn đặc biệt là đối với vùng cao vùng sâu, những nơi khó khăn như xã Bản Páo của huyện Hoàng Su Phì. Viện đã biết tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ của sở chủ quản, của cơ quan phối hợp, làm tốt công tác tuyên truyền vận động, được nhân dân tin yêu mến phục.

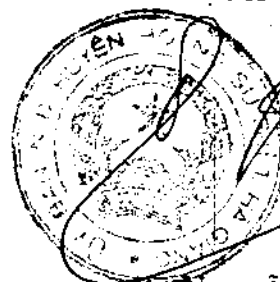
2. Viện đã lựa chọn những giải pháp phù hợp, phương án canh tác có hiệu quả, dễ thực hiện đối với nhân dân các dân tộc vùng cao. Việc phân chia các mô hình để thuận lợi trong công tác chỉ đạo đã mang lại hiệu quả thuyết phục, thuận lợi cho công tác đánh giá, phù hợp với nhận thức của nhân dân trong vùng. Lợi ích mang lại là rất lớn kể cả trước mắt và lâu dài. Dự án đã tập trung khai thác thế mạnh dồi dào nguồn tiềm năng sẵn có của huyện, có sức hấp dẫn không phải chỉ đối với xã Bản Páo mà cho toàn huyện.

3. Dự án kết thúc đã để lại cho huyện, cho xã một phương pháp khoa học, những kinh nghiệm quý báu trong việc chuyển giao KHKT, từ mô hình này huyện có thể nhân diện cho 27 xã trên địa bàn, mong muốn của nhân dân các dân tộc của huyện Hoàng Su Phì, tiếp tục được sở KHCNMT tỉnh Hà Giang, các viện nghiên cứu trong đó có viện Nông hoá thổ nhưỡng, tiếp tục quan tâm đầu tư các dự án cho miền núi, trong đó có các huyện vùng cao biên giới như huyện Hoàng Su Phì.

**Nơi nhận**

- Như kg (BC)
- HU- HĐND (BC)
- Đồng chí Mạnh (TH)
- Phòng nông nghiệp (TH)
- Lưu VT

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Chí**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Ý KIẾN CỦA CHỦ NHÌ VỀ MÔ HÌNH LIÊN CANH  
ĐẦU TƯ VÀ XUẤT - NHẬP HIỆP THỊ.

Tên Chủ tịch Trường Văn Chánh  
qua danh từ đã tham gia nhiều mô hình của sự an toàn / theo  
trong đó có mô hình kinh tế trên đất độc, hoặc đây chúng  
tên Chủ tịch giáo trình một vụ ngộ xuân hệ với giảng dạy / trường  
không bốn phần nên năng suất thấp (thứ 38-39 tạ / ha  
thu được 11-5 tạ đồng / ha / năm) chỉ này như mô hình này  
mới thường từ chủ tịch thêm được một vụ cho vụ ngộ xuân  
chưa được hệ theo. và có áp dụng những biện pháp canh tác  
lên tới nên năng suất vụ xuân đạt 58-59 tạ / ha thu được  
6-6,5 tạ đồng / ha, năng suất mùa hè đạt 12-13 tạ / ha  
thu được 5-6 tạ đồng / ha, như vậy mỗi năm từ việc gieo trồng  
một vụ đến gieo trồng hai vụ thu nhập được từ 11-5  
tạ đồng / ha / năm đến được 11-12,5 tạ đồng / ha / năm  
(tổng 6-7 tạ đồng / ha / năm)

nguyên nhân là mô hình này mà chúng tôi đã biết xây  
dựng lại bây giờ nghĩ về và có thể để chúng tôi môn  
nên đã hạn chế được một hàng chất rất lớn mà không năm  
bị mùa xuân trước. Nhân là bây giờ có thể chúng tôi rất hạn  
phần xuân nên chủ tịch phần tăng được năng suất cây trồng  
đó / thu nhập như là mô hình này mới chúng tôi chủ tịch áp  
dụng những kiến thức và sản xuất nông nghiệp  
nhằm làm tăng năng suất cây trồng, bảo vệ được đất canh  
tác góp phần tăng thu nhập / năng lực cho xã hội nông

Khai nhận của UBND là:

(The End)

Free

Phaidra Ninn Gethan.

Trần Văn Khá



Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập tự do hạnh phúc

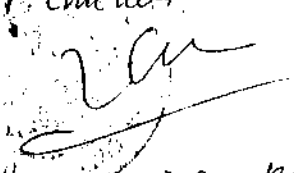
Y Kiến của Chủ tịch về mô hình thâm canh lúa  
tên. Chàng vẫn chân

Đầu tiên là một xã nghèo, đời sống người dân còn  
gặp nhiều khó khăn. Hai năm trở lại đây, đời sống  
người dân đã dần được nâng lên. Một trong những yếu tố  
quan trọng đó là sự xuất hiện của Dự án xã bản phố  
Chàng đã đã tham gia nhiều mô hình của dự án. Trong  
đó có mô hình thâm canh lúa lúa lai, mô hình này đã  
giúp bà con tăng được sản lượng thu hoạch, một đơn vị  
diện tích do có những biện pháp canh tác thích hợp.  
Trước đây người dân chỉ cấy giống địa phương không phân  
phân nên năng suất rất thấp (35-35 tạ/ha thu  
được từ 4,5 triệu - 4,9 triệu đồng/ha). Đến nay, biết  
sự xuất hiện của mô hình mà người dân đã biết học  
tập, làm theo, biết sử dụng giống lúa mới có năng suất  
cao, biết bón phân, biết chăm sóc... vì vậy mà năng  
suất đã đạt được 60-65 tạ/ha (tăng 70-75%)

Năng thu được từ 7,8 triệu - 8,5 triệu đồng/năm. Trước đây  
hàng năm chỉ cấy một vụ lúa. Thời giờ nông dân đã biết trồng  
thêm rau thêm một vụ đầu xuân và xuân với năng suất  
15-18 tạ/ha thu được từ 7,5-9 triệu đồng/ha

Như vậy, ngoài việc tăng được năng suất cây lúa thì việc  
áp dụng theo mô hình người dân còn tăng được một vụ  
đầu xuân, tăng thu nhập đáng kể cho mình, một đơn vị  
diện tích từ đó nâng cao đời sống, góp phần vào việc  
xóa đói giảm nghèo cho người dân ở xã bản phố  
dầu dẻ sống được giàu có

Cháu họ

T/M UBND xã:  
Chức vụ:  
  
Vũ Sơn Kháng

1/2 anh em

Chàng vẫn chân

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam  
Độc lập tự do hạnh phúc

Bản Páo ngày 12/6/2001.

Biên bản đánh giá kết quả thiêu liên  
nội dung dự án Bản Páo 6 tháng đầu năm 2001.

Thành phần hội nghị:

Lãnh đạo xã Bản Páo:

1. Giảng Sẻ Vui - Chủ tịch xã

Viên Phòng dự án:

1. TS - Nguyễn Văn Súc - Chủ trì công trình

2. KS - Đoàn Thế Chiếu - Cán bộ KT

3. Nguyễn Đình Thông - Cán bộ KT. Trại KN huyện Hợp Su Phì

Hội nghị đã đi kiểm tra tổng hình thiêu liên các mô hình  
của dự án và nhất trí đánh giá như sau:

I. Mô hình cây lương thiêu:

1. Mô hình tăng vụ / đởn vì diện tích (gọi tắt là mô hình cây đởn tăng vụ)

- Mô hình đã thiêu khai được 2 ha bằng giống TBKT AK 06  
với 34 hộ tham gia. Gicot từ 25/2 và thu hoạch xong 3/6/2001  
- Năng suất thống kê: 17 tạ/ha, NS thiêu liên 15 tạ/ha (trung  
bình 50kg/sào Bả Bò).

2. Mô hình thâm canh lúa vụ mùa:

- Dự án đã thiêu khai xong rice phết giống, phết bón cho 42  
hộ tham gia mô hình với qui mô 11 ha bằng giống Sanu 63  
Hiện tại đang bắt đầu cấy

3. Mô hình canh tác bèo rừng / đất dỏ

- Đã thiêu khai xong rice thiêu liên Kê mô hình, thiêu liên tổng  
10.000 Khóm cỏ Vestiver chống xói mòn và gieo bằng cỏ  
Khí, đang chuẩn bị gieo đầu từng hệ thiêu liên với giống DT 99,  
Lượng giống là 240kg từng đờng. 4 ha cũng phết bón  
cây cho dân.



## II. Mô hình hồ hồ phát triển chăn nuôi:

Dự án đề:

1. Cung cấp tư tưởng thú y tương lai xã và tư tưởng thú y cho 4 thôn bản với đầy đủ hàng thiết bị và một lượng thức ăn cơ bản nhất, có khả năng tham gia mạng lưới chống giống dịch bệnh tại địa phương.

2. Đã cấp 740 con vịt giống chuyên trứng Khaki Campbell cho 46 hộ tham gia mô hình cũng với mạng ăn, thức ăn và thuốc phòng các bệnh ban đầu. Tính đến 12/5/2001. Cho đến nay đã vịt đẻ ổn định, việc nuôi dần với điều kiện địa phương đang phát triển tốt. Tuy nhiên do đường xá quá xấu và nhất là đường bị đào bởi sự chửi bới của dân nên chuyên vịt giống và vịt đẻ bị vịt chết trong tuần đầu lên tới hơn 20%.

## III. Mô hình hồ hồ phát triển cây lâm nghiệp và cây công nghiệp

- Địa điểm chọn song hồ hồ và địa điểm đi thực khai:

+ Khu vực nuôi rừng tự nhiên 20ha

+ Hồ hồ KT phát triển cây chè Shan. 4ha

+ Đang tiến hành nhân giống, KT nuôi ong địa phương

## IV. Nền tảng đào tạo KT việc, nuôi dưỡng KT.

+ Dự án thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn KT cho các hộ tham gia mô hình, tổ chức hội nghị tham quan mô hình.

## V. Kết luận

1. Dự án đã được tiến hành trong thời gian ngắn (khoảng 3 tháng) nhưng các mô hình của dự án đã được tiến hành một cách khởi đầu và dần dần đưa xã Bình Páo và nhân dân các thôn bản tham gia một cách nhiệt tình và tích cực.

2. Hiệu quả của một số mô hình đã thấy rõ như là dự phần khởi đầu như dân địa phương (như mô hình nuôi lợn tương) hoặc bước đầu đã phát huy tích cực của mô hình (Hồ hồ phát triển chăn nuôi).

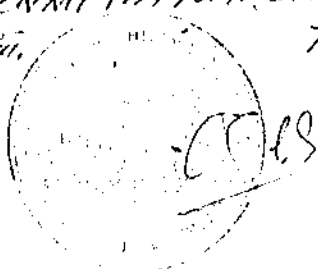
3. Những kết quả ban đầu đã có tác động tích cực đến sự tin tưởng của KKT và đường lối lãnh đạo của Đảng và nhà nước các cấp địa phương và nhân dân Bình Páo.

4. Do có sự phối hợp chặt chẽ của Sở KNCNMT tỉnh và UBND xã và UBND huyện, xã nên Dự án đã thu được kết quả ban đầu.

TM UBND xã Bình Páo  
Chủ tịch,

Viện phó dự án

Lưu Văn



Trưởng ủy ban

UBND xã Bả Páo  
văn phòng dự án Bả Páo

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập tự do hạnh phúc

Bả Páo 12/6/2001.

## Biên bản đề nghị điều chỉnh Một số mô hình của dự án.

Kính gửi: - Giám đốc Sở KHCN & MT Tỉnh Hà Giang -  
Chủ nhiệm dự án  
- Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa - Cơ quan chủ  
tỉ công trình dự án

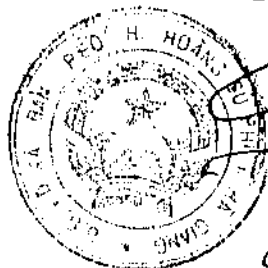
Căn cứ vào kế quả thực hiện các hạng mục của  
dự án tại Bả Páo, vào điều kiện cụ thể của địa  
phương để các mô hình việc khai thác và đưa lại  
hiệu quả cho đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa  
UBND xã Bả Páo vẫn phụng dự án xin đề nghị được điều  
chỉnh một số hạng mục trong các mô hình như sau:

1. Mô hình thâm canh cây lương thực: Trong đó có mô hình  
tăng vụ 1 đời trồng một vụ lúa: Cỏ trâu Ngô xuân - Lúa mùa  
đề nghị đổi thay đầu tư ngô xuân - Lúa mùa
2. Mô hình canh tác bên vũng hồ đất dới:  
Mô hình này có diện tích trồng lúa ruộng đề nghị thay đổi  
tích này bằng vụ: ngô xuân sâu đó là đầu tư ngô hè thu.
3. Mô hình hồ hồ phát triển chăn nuôi:

Ở mục 05: Hồ hồ chế biến thức ăn gia súc cho gia súc:  
Đề nghị tổng cỏ guatemala phục vụ chăn nuôi hồ gia đình.

Đề nghị Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, Sở KHCN & MT tỉnh  
Hà Giang, Sở xes xel và cho phép thực hiện những  
điều chỉnh đề nghị trên.

TM UBND xã Bả Páo  
Chữ tích K9



Trần Sơ Vũ

Hà nội ngày 29 tháng 6 năm 2001

## ĐỀ NGHỊ XIN ĐIỀU CHỈNH HẠNG MỤC MÔ HÌNH

**Kính gửi: -Sở KH&CN&MT tỉnh Hà giang  
-Chủ nhiệm dự án Bản Páo, Hoàng Su Phì**

-Căn cứ vào tình hình cụ thể về điều kiện tự nhiên, xã hội và nguyện vọng của lãnh đạo và nhân dân xã Bản Páo

- Vào kết quả thực hiện dự án 6 tháng đầu năm 2001,

- Vào kết quả kiểm tra Dự án của các cơ quan chức năng của tỉnh Hà giang ngày 12/6/2001 tại xã Bản Páo

-Cơ quan thực hiện công trình dự án xin đề nghị Chủ nhiệm dự án cho phép điều chỉnh một số hạng mục dự án như sau:

### 1.Mục 2.2.1.Mô hình thâm canh cây lương thực (trang 7 dự án)

**\*Thâm canh tăng vụ tăng thu nhập trên ha gieo trồng :**

- Cơ cấu Ngô xuân -lúa mùa xin chuyển thành *Đậu tương xuân -lúa mùa*. Như vậy tổng diện tích của mô hình là: 4 ha đậu tương+4ha lúa mùa/2năm. Phần cần đổi kinh phí từ ngô sang đậu tương dôi ra : 2.430.000đ. Đề nghị chuyển cho thực hiện mục 05 hỗ trợ chế biến thức ăn qua đông cho gia súc bằng việc trồng cỏ guatêlama ở mô hình hỗ trợ phát triển chăn nuôi(Bảng 7.phụ lục 2.).

**\*Mô hình canh tác bền vững trên đất dốc:**

Đề nghị được điều chỉnh phần diện tích trồng lúa nương trong mô hình: 01ha x 2vụ = 2ha, Xin chuyển đổi thành: 01 ha ngô xuân +01 ha đậu tương hè thu x 2 năm= 2ha ngô xuân+ 2ha đậu tương. Phần kinh phí các mục khác trong mô hình vẫn giữ nguyên , kinh phí mô hình biến động không đáng kể so với dự toán .

### 2.Những điều chỉnh khác :

Trong thời gian qua do đường vào Bản Páo đang tiến hành thi công nâng cấp, thường xuyên gặp mưa, nên cản trở rất lớn việc vận chuyển vật tư cho dự án. Vì vậy trong mỗi mô hình có liên quan chúng tôi buộc phải điều chỉnh một số vật tư thay thế cho phù hợp ,nhưng vẫn đảm bảo quy trình kĩ thuật . Ví dụ như

trong quy trình trồng lúa,đậu tương có đầu tư phân bón hữu cơ vi sinh song do không vận chuyển được(lí do như đã nêu trên) vì vậy chúng tôi đã điều chỉnh bằng việc tăng lượng phân khoáng cho phù hợp với từng cây trồng.Đó cũng là lí do dẫn đến việc đầu tư phân phân khoáng tăng hơn so với dự toán, nhưng phần tăng này vẫn đảm bảo đúng quy trình kĩ thuật và kinh phí dự toán.

Trong thời gian tới việc điều chỉnh những thay đổi nhỏ tương tự như trường hợp trình bày trên của dự án còn có thể xảy ra,chúng tôi đề nghị đ/c Chủ nhiệm dự án cho phép chúng tôi được tiến hành thực hiện.

CƠ QUAN THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH  
VIỆN THỔ NHƯỠNG NÔNG HOÁ  
VIỆN TRƯỞNG



T.S.BUI HUY HIEN

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Vào hồi 14<sup>h</sup> ngày 27 tháng 11 năm 2000. Tại . V.P. UBND Huyện . Hồng Sơn phi .  
Chúng tôi gồm:

1. Đại diện sở KHCN&MT Hà giang.

- Ông ( bà ) : Phan Xuân Lan ... Chức vụ . Cán bộ phòng C.T.KH.

- Ông ( bà ) : ..... Chức vụ .....

2. Đại diện Viện nghiên cứu nông học Thế nhưng Quốc gia .

- Ông ( bà ) : Nguyễn Văn Bắc ... Chức vụ .....

- Ông ( bà ) : ..... Chức vụ .....

3. Đại diện Cơ sở UBND Huyện Hồng Sơn phi .

- Ông ( bà ) : Hồng Văn ... Phó . Địa chỉ . P.CT. UBND Huyện ..

- Ông ( bà ) : Đỗ Tâm ... Sơn ... Địa chỉ . T.P. Nông nghiệp và PT NT ..

Nội dung làm việc : Vững Đức Mạnh - Ch phòng Thống kê huyện .

..... Bà Phan Thị Hằng ..... Ch Văn phòng .....

Nội dung .....

..... Tiến khai khảo sát địa bàn xã Bản Péc - Dự kiến

Thực hiện chủ trương .....

..... Sau khi khai quát nội dung của dự án và thu thập

thông tin địa điểm thực hiện dự án từ các xã xã Bản Péc

Của huyện được nhất trí của UBND Huyện Hà giang ..

..... Các thành viên đã thảo luận kỹ về các nội dung của

Chương trình như .....

..... Điều kiện kinh tế xã hội, tự nhiên của vùng thực hiện

..... Tình hình sản xuất nông nghiệp của xã Bản Péc .....

..... Đề kiến đề xuất một số mô hình sản xuất khả năng

áp dụng vào địa bàn cơ sở hiện quả cao.

Một số lời giới thiệu tiếp để sản xuất trong các mô hình

Từng cây lúa, ngô lúa vắn này, Chăn nuôi

Ý kiến của các thành viên :

Kết luận chung:

Các hợp kết thực hiện được việc điếu chỉnh căn  
thảo luận

Biên bản làm xong đã thông qua các thành viên và nhất trí kí tên xác nhận.

ĐẠI DIỆN CÁC THÀNH VIÊN

UB.N.D. Huyện H. Su pho ..... Phcn. N. D.P.T. N.L...

Phung. T. Long. X. A. Kuyen

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
KHOA CHỦ TỊCH  
THƯỜNG TỊCH



Hoang Van Thi

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BIÊN BẢN

Hiện nay tại thôn lữ của xã chủ nhân: Xây dựng nhà ở mới tại thôn lữ  
Trên đất của xã tại xã Bản Phố - H. Hoàng Su Phô.  
(Mức độ xây dựng tại phía trước nhà ở thôn lữ)

I, Phân quan: Ngày 5 / 10 / 2004.

II, Địa điểm: Xã Bản Phố - Huyện Hoàng Su Phô

III, Phân quan:

1/ Sở ICH - CUS - NUT

- Ông Đỗ Hải Túy - Phó Chủ tịch
- Ông Phạm Hải Giang - Trưởng phòng QLCK
- Ông Đỗ Hải Kiên - Chuyên viên

2/ Xã Bản Phố

- Ông Đặng Văn Nha - Bí thư Xã
- Ông Mai Văn Sinh - Chủ tịch

Và các bộ phận tham gia DA n

3/ UBND Huyện HSF:

- Ông Nguyễn Tiến Hỷ - Bí thư Huyện ủy
- Ông Trần Tài Vĩ - PCT UBND Huyện
- Ông Hoàng Hải Lý - Trưởng Ban Quản lý

4/ Viện thổ nhưỡng Nông học:

- Ông Nguyễn Văn Đức - và các CB tham gia DA n

5/ Sở Nông nghiệp và PT NT.

- Ông Nguyễn Chí Sa - Phòng Kỹ Thuật Sở

IV, Một số: Trên khai hiện nay tại thôn lữ, tham quan các nhà ở mới  
Cải tạo đất của xã tại xã Bản Phố - Huyện HSF - Hà Giang.

- Vụ sản xuất 18 Kt/cm<sup>2</sup> p/c cấp, thuế suất 2 triệu (2000 - 2001)
- Mục tiêu: xây dựng được các mô hình sản xuất nông nghiệp hợp lý, góp phần tăng năng suất sản phẩm, cải thiện đời sống...
- + Áp dụng CBKT hợp lý

- Nội dung chủ yếu của mô hình bao gồm:
  - + Mô hình thâm canh cây lương thực
  - + Mô hình sản xuất lâm nghiệp: R - N - L
  - + Mô hình sản xuất phát triển cây trồng nhiệt đới - cây ăn quả
  - + Mô hình hệ thống phát triển chăn nuôi
  - + Hình thức, thời gian, tuyển dụng...

Kết quả đạt được sau hơn 1 năm thực hiện đã có như sau:

- Mô hình tăng vụ (Đầu xuân): triển khai được 2 ha với giá trị sản phẩm AKOC có 34 hộ gia đình tham gia, năng suất được thu đạt 15 tạ/ha
- + Mô hình thâm canh lúa mùa:

- Triển khai 11 ha với 42 hộ gia đình tham gia. Sản phẩm lúa đạt đến thời kỳ chín thu hoạch - chi phí sản xuất: ~~60~~ 60 - 80 tạ/ha (tổng sản phẩm 63)

- + Mô hình sản xuất bên cạnh: trong diện tích 10.000 ha hiện có là cây ngô, cây xoài, cây chuối, cây mía, cây lạc... triển khai tăng vụ đầu xuân, hè thu với 4 ha trên các loại cây. Hiện tại đã đạt được thời kỳ chín thu hoạch (cây DT 99: 8 tạ/ha tham gia).

- Mô hình phát triển cây trồng nhiệt đới - cây ăn quả: đã được mở rộng diện tích 20 ha ruộng tự nhiên; hiện đã phát triển 1 ha cây sầu đâu có giá trị xen với các loại cây khác.

- + Mô hình chăn nuôi: Cung cấp 01 tư liệu thu; cấp 740 con vịt Kaki Campbell cũng được nuôi, thuế đóng góp cho 46 hộ gia đình.

Sau thời gian này các mô hình triển khai các dự án và các công việc khác của huyện, các hộ gia đình tham gia thực hiện các mô hình đã đạt được một số kết quả, kết quả đạt được của dự án như sau:

- Được triển khai thực hiện được các mô hình mang lại hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu sản xuất của các hộ gia đình.



tiền đồ, kẻ' hoạt' đồ' xa

- Hết quả của các nhà tư tưởng khác nhau tạo nên một làn sóng mới của nền văn minh; ~~nhưng~~ đến phần lớn, triết lý làm gia tăng.

Ngày xuất, sản lượng lương thực tăng đáng kể 8-13% trên khi trước khi  
chưa ăn. Khẩu phần 100g ngày ngày cho ngày xuất trong ngày thực hiện PA

Kết quả của các mô hình thực nghiệm như sau: Các loại quả, cây  
liều có các cấu trúc để nhận diện các mô hình ra diện rộng trong môi  
trường hẹp theo (Chỉ số của kết quả).

Đã đủ an trong thôn. gần tiếp theo tiếp tục ở lại gần làng  
lên qua các chỗ ở. Còn có sự chỉ đạo kỹ thuật chế chế lên  
mũi và sự hợp của các người huấn luyện, sự long ghép, trong  
việc của các công nhân, chỉ cần của Hagen.

(7) Cái vịn ở trên sườn kia y như tay ghế trên gần đó.

+ An! Ho gia ota con yluen tu theu hien theu chu ota con con  
CB K T huat.

Đàn vi thủ hiện vẫn chỉ theo số 8 của bên.

Biên bản kết thúc kỳ 12<sup>h</sup> của ngày: /.

Cơ quan chủ trì phối hợp

$C_3$  ~~qua~~  $C_6 + C_{10}$

W3 MO Heyen HSE

*J. Smith*

Ken Slem

*[Handwritten signature]*

Dis. Hnd Tug

Nguyễn Văn Sáu

Tại đây tôi viết

43m0 Xa Bam Pcs

80? 10<sup>2</sup> & p không thêm.

Washed

Ma Ni Srib

Nguyen Chi Sa

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

## BIÊN BẢN HỘI NGHỊ THAM QUAN MÔ HÌNH.

Hiện nay ngày 20 tháng 4 năm 2002, tại UBND xã  
Đầm Peó huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang, chúng  
tôi gồm có các thành phần sau:

1. Đ/c Ma Mí Sinh (Chủ tịch xã Đầm Peó)
2. Đ/c Dulong Văn Nha (Bí thư Đảng ủy xã)
3. Đ/c Chang Văn Châu (phó bí thư đảng ủy xã)
4. Đ/c Lặng Phi Tô (phó bí thư tổng công xã)
5. Đ/c Nguyễn Đình Thông (cán bộ khuyến nông huyện)
6. Đ/c Nguyễn Văn Súc (Văn phòng địa phương Đầm Peó - Phụ trách công trình).
7. Đ/c Đàm Thế Chiến (Văn phòng địa phương Đầm Peó).

Ngoài ra còn đại diện các ban ngành của xã và một  
số hộ nông dân tham gia mô hình.

Chúng tôi gần các thành phần trên đã đi tham  
quan mô hình trồng ngô, mô hình, trồng cây thuốc và một  
số mô hình khác. Qua quá trình tham quan cho thấy:

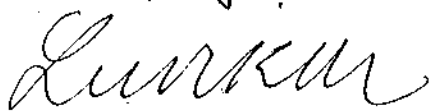
- + Mô hình trồng thuốc: hiện nay đã đang vào hạt và phát  
triển rất tốt, kết quả rất khả quan.
- + Mô hình trồng cây thuốc: hiện đang chuẩn bị thổ cơ. Cây  
sinh trưởng và phát triển rất tốt nhưng do tập quán cũ nên  
người dân (chúng văn Thanh) gieo trồng chưa đúng mật độ nên  
có một vài cây 3 cây. Nhìn chung kết quả cũng rất  
khả quan.

các mô hình khác cũng đều phát huy tốt đẹp, không có gì đáng nói.

Từ những kết quả đạt được như đã nêu ở trên, hội nghị đã thảo luận và đi đến kết luận rằng mô hình trồng ngô xuân, mô hình trồng đậu tương xuân và một số mô hình khác đã đạt được những kết quả tốt đẹp và rất khả quan. Máy lại hiện quả của kinh tế cao cho người dân, góp phần nâng cao đời sống người dân. Chúng tôi đề nghị văn phòng chỉ cũ Ban Pó tiếp tục phát triển các mô hình nhằm đưa nhiều hơn những tiến bộ KHKT vào sản xuất, giúp bà con xóa đói giảm nghèo. Đề nghị các hộ tham gia mô hình trồng ngô đảm bảo tưới cho đúng mật độ để đưa năng suất tới mức cao nhất.

Biên bản họp xong và kết thúc vào hơn 10<sup>h</sup>30 phút cùng ngày đã được đọc cho tất cả mọi người nghe và đều nhất trí.

T/M. Văn phòng chỉ cũ:



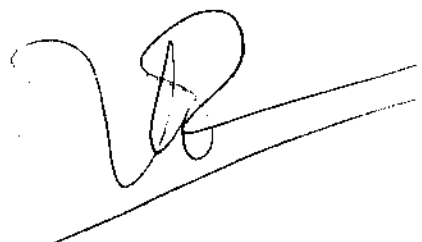
Nguyễn Văn Sửu

Đó thủ trưởng ủy xã Ban Pó:



Cán bộ chuyên nông nghiệp:

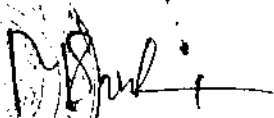
Phó bí thư xã Ban Pó:



TM. UBND xã Ban Pó:

Lưu phần TĐ.

Chức vụ:



Ma mi Sinh

-----oOo-----  
Hà giang, ngày 12 tháng 6 năm 2001.

## BIÊN BẢN KIỂM TRA DỰ ÁN

( Thuộc chương trình: Xây dựng các mô hình ứng dụng TBKT phục vụ  
phát triển kinh tế xã hội nông thôn, miền núi giai đoạn 1998 - 2002 )

1. Tên dự án: ... Xây dựng mô hình của các bể vùi tro đất đỏ  
... tại xã Bảo Páo - Huyện Hoàng Su phớ - Tỉnh Hà Giang.

2. Địa bàn thực hiện: ... Xã Bảo Páo - Huyện Hoàng Su phớ

3. Các cơ quan chuyển giao công nghệ: Viện Thổ Nhưỡng - Nông Lâm  
( Bộ NN & PTNT )

4. Ngày, tháng, năm kiểm tra: ... Ngày 12 thg 6 năm 2001

### 5. Thành phần:

- Sở khoa học, công nghệ và môi trường Hà giang  
Ông Nguyễn Thế Dũng - P. BA SỞ KH-CN & MT

- Sở NN & PTNT Hà Giang  
Bà Nguyễn Thị Lan - Tr. Tổng K. Thuật

- Sở Tài chính vật giá:  
Bên - vắng

- Sở Kế hoạch & đầu tư:  
Bên - vắng

- UBND tỉnh Hà giang:  
Bên - vắng

### 6. Đại diện các cơ quan chỉ đạo thực hiện và địa bàn triển khai:

- Chủ nhiệm dự án: ... Ks. Bùi Thị Nhung - Giám đốc KH-CN & MT

- Thư ký dự án: ... Phạm Minh Giảng - Tr. Tổng QL KH

- Cơ quan CGCN: ... TS. Nguyễn Văn Sửu - Tr. Tổng MC đ. Sĩ. Vấn. đất

- Đại diện UBND xã sở tại: ... Giảng Seo Vũ - Chủ tịch xã Bảo Páo



## Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Vào giờ... giờ, ngày 1.. tháng ..6.. năm 2002

UBND Xã Ban Phố - Huyện Hòa Sơn - Tỉnh Quảng

Chúng tôi gồm:

## 1. Đại diện Sở Khoa học - CN & MT Hà Giang:

- Ông ( bà) : Bùi Thị Nhung..... Chức vụ: Giám đốc  
- Ông ( bà) : Phạm Minh Giang..... Chức vụ: Tr' fong  
- Ông ( bà) : Hà Hải Nga..... Chức vụ: CV

2. Đại diện: ..... Viện Tâm Huyết học .....  
..... Đoàn Công nhân .....

- Ông ( Bà ) : Nguyễn Văn Sĩ Chức vụ: Trưởng  
- Ông ( Bà ) : Đỗ Văn Chí Chức vụ: Ái bộ

3. Đại diện: ..... UBND Xã Bình Đức - Huyện Bình Tân

- Ông ( bà ): Ma Nữ Sinh..... Chức vụ: Chủ tịch UBND.....  
- Ông ( bà ): Ma Nữ Châu..... Chức vụ: Chủ tịch UBND.....

**Nội dung làm việc:**

1 - Kịch bản hoạt động của dự án Bảo Pén do việc thực hiện công tác theo hình thức năm 2012 đến nay 6/2014.

- Diện tích DT 90 : 8 ha; Ngõ xuân : 2 ha
- Diện tích Công viên : 15.000 cây xanh
- Nhà ở : 500 căn
- Tổng diện tích đất đai : 1.000 ha
- Tổng số dân : 2000 người

2- Dùng tiếng từ Hán Việt KT theo từ cái /mặt mũi của:  
..... dự án: Nô hũ, Đan ty; Nô hũ gà -tho vãn; Việt Kaki







CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Bản Páo ngày 01 tháng 6 năm 2002

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ THAM QUAM MÔ HÌNH DỰ ÁN**  
**" Xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc tại xã Bản Páo**  
**huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang "**  
Thuộc chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng KHCN và phát triển  
kinh tế - Xã hội nông thôn và miền núi  
Tổ chức ngày 01 tháng 6 năm 2002 tại Bản Páo

**1. Thành phần hội nghị (theo danh sách mời):**

Phía địa phương :

• Sở KHCN & MT tỉnh :

1. Đ/c Bùi Văn Nhung (giám đốc Sở KHCN & MT tỉnh Hà Giang)
2. Đ/c Phan Văn Hùng (Trưởng phòng Khoa học)
3. Đ/c Lê Văn Nga (Cán bộ kỹ thuật)

• Huyện Hoàng Su Phì :

1. Đ/c Nguyễn Văn Đức (Chủ tịch UBND huyện)
2. Đ/c Đỗ Văn Sơn (Trưởng phòng Nông nghiệp)
3. Đ/c Phạm Văn Thang (Cán bộ văn phòng UBND huyện)

• Lãnh đạo Xã Bản Páo :

1. Đ/c Mã Văn Đức (Chủ tịch UBND xã)
2. Đ/c Đỗ Văn Hùng (Đội trưởng đội kỹ thuật xã)
3. Đ/c Lê Văn Hùng (phó đội trưởng kỹ thuật xã)
4. Đ/c Lê Văn Hùng (phó đội trưởng kỹ thuật xã)

Lãnh đạo các ban ngành trong toàn xã và các hộ tham gia mô hình dự án

• Viện Thổ nhưỡng Nông hoá - Cơ quan chuyển giao công nghệ:

1. Đ/c Nguyễn Văn Đức (phụ trách công tác chuyển giao)
2. Đ/c Phạm Văn Hùng
3. Đ/c Đoàn Văn Hùng (Cán bộ kỹ thuật)

• Tổng số đại biểu tham dự hội nghị : ..... Đại biểu.

## II. Nội dung Hội nghị:

1. Tham quan các mô hình của dự án:

- Mô hình đầu tư xuân (tăng thêm vụ trên đất trồng 1 vụ lúa)
- Mô hình ngô xuân (canh tác bền vững trên đất dốc)
- Mô hình hỗ trợ phát triển chăn nuôi
- Mô hình hỗ trợ phát triển cây lâm nghiệp và cây công nghiệp

2. Báo cáo tình hình triển khai khai, mở rộng các nội dung của dự án năm 2002

### 3. Các ý kiến thảo luận:

- 3.1. Ban lãnh đạo xã Ban péc :  
Đảng Chi. Tra. M. Sinh (Chu. Minh (UBND xã) : Dư. an. Ban péc  
đã giúp cho người dân trong xã thay đổi chế độ sản cấy  
trồng từ từ. Cấy lúa thay thế trồng thối, chế độ một  
vụ cấy trồng, mùa. Nặng. Đất của các mô hình đều có  
bùn. Màng. Hết. Hết. Giam. của các cây trồng, tương ứng.  
trong xã từ 1, 2 - 2 lần.  
Đ/c. Đảng. Ban. M. Sinh (Chu. Minh (UBND xã) : Dư. an. Ban péc  
đã giúp cho người dân thay đổi chế độ sản cấy trồng từ từ.  
Cấy lúa thay thế trồng thối, chế độ một vụ cấy trồng, mùa.  
Nặng. Đất của các mô hình đều có bùn. Màng. Hết. Hết.  
Đ/c. Đảng. Ban. M. Sinh (Chu. Minh (UBND xã) : Dư. an. Ban péc  
đã giúp cho người dân thay đổi chế độ sản cấy trồng từ từ.  
Cấy lúa thay thế trồng thối, chế độ một vụ cấy trồng, mùa.  
Nặng. Đất của các mô hình đều có bùn. Màng. Hết. Hết.  
Đ/c. Đảng. Ban. M. Sinh (Chu. Minh (UBND xã) : Dư. an. Ban péc  
đã giúp cho người dân thay đổi chế độ sản cấy trồng từ từ.  
Cấy lúa thay thế trồng thối, chế độ một vụ cấy trồng, mùa.  
Nặng. Đất của các mô hình đều có bùn. Màng. Hết. Hết.
- 3.2. Sở KHCN & TT. tỉnh là Ban :  
Đ/c. Phạm. Minh. Giang (Trưởng phòng Khoa học & Kỹ thuật  
mới. Sở KHCN & TT. tỉnh) đã đánh giá cao những thành quả đạt  
được của dự án như :  
+ Dự án Ban péc đã có nhiều cố gắng trong việc lựa chọn, xây  
dựng mô hình, trình diễn để đạt được những thành quả sản xuất.  
+ Với dự án Ban péc, các cán bộ trực tiếp làm việc đã giúp đỡ  
những dân đã tạo được lòng tin của dân vào dự án và dân vào  
chính sách của Đảng, nhà nước. Từ đó dân rất hăng hái  
tham gia sản xuất.  
+ Dự án Ban péc đã đạt được rất nhiều thành quả, sản phẩm của  
UBND huyện đã là cung cấp giống, phân bón, thuốc trừ sâu cho

Các xã khác trong huyện nhằm tăng diện tích gieo trồng đầu xuân giống mới.

3.3...Việc...thực...nhiệm...này...hết...;

Q.S...T.S...? hoặc...phân...

+ ...Đi...thăm...cộng...của...đại...an...phụ...thuật...cải...nhiệm...rất...chúng...ba  
...con...từng...đến...thông...xã...về...họ...hàng...ngày...trên...tiếp...bên...xuất...thực  
...tiếp...bên...gà...thực...hàng...mà...bên... ..

+ Quên... phải... hôn... giữ... cái... từ... rất... quan... trọng... trong... việc... thảo...  
cầm... lấy... nàng... dưới... cây... thông...  
1. Kể... theo... hàng... chữ...

#### 4. Kết luận hội nghị

.....D/C Nguyen Thi Chi (Chau) 415, 115 N. Nguyen, Hanoi, Su. phi.)

Điền số nhất. Số 2. Mũi chày cho tôi xem của bạn bạn.

Dài của Bambi gấp đôi dài của  $\frac{3}{4}$  chúng chúng và dài như là hiện

những nỗi đau khổ đang tìm đường đến bạn. Hãy quên đi

đó...thứ...đều...những...khu...qua...tức...sức...thặng...phần...  
Thế...nhưng...tổ...pân...tính...khu...đel...qu...tổ...số...in...V...đầu...t...

Thủ nhất: từ khi thức dậy đến lúc đi ngủ: người dân trong xã đều cùng biết được rằng: từ đó đã từng được biết nhập tài một dân vì đến, tích đất.

1. Việc khai thác dầu cần phải giúp người dân trong xã hội này được chia  
tích, công bằng.

4. gười ba, đi ăn cơm, ped đã đưa ba đứa trẻ, đưa như vậy  
người dân đi, là cần, tại, theo tập quán, làm, các, hàng  
kính, hiện, qua, thay, vào, đi, là, phương, pháp, cần, tác, thiện, từ,  
hàng, hiện, qua, thên.

[illegible]

+ ...Thức dậy, thấy chiếc xích đang bị khóa nên rút chốt, quên quên  
mới thấy trong đó có cái máy tăng dầu. Thấy vậy họ đem  
thả dây từ đó lấy dầu về sử dụng.

Hội nghị bế mạc vào hồi...12h.30 phút cùng ngày.

Đại diện Sở KHCN&amp;MT

## Đại diện Cơ quan CGCN

T/MUBND huyện

Hoàng Su Phì

chủ tịch,

Bai Thè Nhung

T.S. Nguyễn Văn Sửu

T/M UBND Xã Bản Páo

**Chủ tịch**

Nguyễn Hữu Chi

Mami Sulu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản Páo ngày 11 tháng 10 năm 2022

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ TỔNG KẾT MÔ HÌNH DỰ ÁN**  
**"Xây dựng mô hình canh tác bền vững trên đất dốc tại xã Bản Páo**  
**huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang"**  
Thuộc chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng KHCN và phát triển  
kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi  
Tổ chức... ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại Bản Páo

**1. Thành phần hội nghị (theo danh sách mời):**

Phía địa phương:

- Sở KHCN & MT tỉnh:

Phạm Minh Cường  
Phạm Xuân Lân

- Huyện Hoàng Su Phì:

Nguyễn Hữu Chí (Chủ tịch UBND huyện)  
Hoàng Hải Li (Phong khuyến nông huyện)  
Phong Vũ (phát triển xã huyện hình huyện)

- Lãnh đạo xã Bản Páo:

Dương Văn Nhà (bí thư xã)  
Ma Thị Sinh (Chủ tịch UBND xã Bản Páo)  
Chang Văn Chấn (phó bí thư đảng ủy xã Bản Páo)

Lãnh đạo các ban ngành trong toàn xã và các hộ tham gia mô hình dự án.

Cơ quan chuyên giao công nghệ:

- Viện Thổ nhưỡng Nông hoá:

TS Nguyễn Văn Súc  
KS Trần Thế Chấn  
KS Nguyễn Việt Hiệp

Tổng số đại biểu tham dự hội nghị: 23 đại biểu

## II. Nội dung hội nghị:

1. Tham quan mô hình của dự án:

- ◆ Mô hình đầu tư xuân (lãng thêm vụ trên đất trồng 1 vụ lúa).
- ◆ Mô hình ngô xuân (canh tác bền vững trên đất dốc).
- ◆ Mô hình hỗ trợ phát triển chăn nuôi.
- ◆ Mô hình hỗ trợ phát triển cây lâm nghiệp và cây công nghiệp.

2. Báo cáo tình hình triển khai, mở rộng các nội dung của dự án năm 2002.

### 3. Các ý kiến thảo luận:

y kiến thảo luận:

\* Đồng chí Dương Văn Nhã - hi' l'ưu đ'ang m'ỹ x'ã - thay mặt cho địa phương nơi tham gia dự an' kháng' đ'ang sau hai năm kiên' đ'ang dự an' đ'ã t'ran cho: - kinh' t'ế phát' triển, giảm đói nghèo, thay đ'oi đ'ược suy' ngu'i an' h'ã con đ'ang t'ế nơi đây.

- đưa đ'ưa một số kỹ thuật mới có hi'ệu quả' thay thế' cho các tập quán' lạc' hậu' địa' phương không có hi'ệu quả' an' địa' phương. mọi cơ' giới, m'ỹ n'g'đ'ã như 63 cơ' n'ang an' các thay thế' cho gi'ống đ'ia' phương.

kiến' nghị: Nh'ã n'ước ch'úng plui' và c'á quan ch'uyên' giao dự an' tập' t'ục h'ỗ tr'ợ, giúp đ'ỡ x'ã B'ản l'ạc.

\* Đồng chí Phạm Xuân Giang - đại diện sở k'hoa h'ọc l'ĩnh ngh'ề và môi trường từ t'ra Giang - thay mặt c'á quan quan' lý dự an', phát' biểu ý' kiến' một lần nữa kháng' đ'ang - hi' an' đ'ã hoàn' thành các' nơi đ'ang đ'ã đ'ã sa' h'u'c đ'ang t'ran đ'ã dự an' đ'ã h'g'p' ph'ối h'ợp với các' dự an' khác' tại địa' phương.

đ'ã t'ế đ'ang đ'ang dự an' rất ch'ủ đ'ang có.

khác thì địa phương - Về tổ chức: Lưu lại dự án rất chi tiết, có  
nội lược lập chất chất giữa cơ quan chuyên gia KHCN với các  
cơ quan quản lý của địa phương. Nội tài liệu dự án  
khiến người chính quyền huyện Hoàng Su Phì quan tâm và  
có sự hỗ trợ cho xã Dân Hòa, qua đó có thể nhận được các  
mã liên d' các xã khác trong huyện có điều kiện bị nhận  
trợ giúp.

\* Đồng, khu, Nguyễn Hữu Khuê - chủ tịch huyện đồng Suối  
phát triển và kiến nghị  
- Sự cần thiết của các ban tham gia dự án, nhất  
là có quan chức, gia, KHCN, một số nơi dùng của các  
anh đã có nhiều đóng góp cho phường thực chi đạo ở địa  
phương như cây cầu, phòng chi, nhà lai  
- Muốn mở khu đã thực sự đến lại liên quan đến te và  
lao về môi trường như môi trường của các khu vực  
cụ thể về môi trường sẽ đưa huyện như sông một số vùng để  
chống xói mòn

Các mô hình được chuyển giao đã được đại diện qua, kiểm tra cho  
những dự án, góp phần xóa đói giảm nghèo và chấm dứt đói  
sùng di dân từ đó mà việc xây dựng xây dựng tại Ban Páo  
Thị trấn sẽ tạo điều kiện cho việc duy trì mô hình của dự án  
và có kế hoạch nhân các mô hình và hoàn thiện  
kết quả. Các quan chuyển giao kết quả < Viện Nông Học  
Thế Giới > nhân rộng mô hình này ra các địa phương khác  
trong cả nước  
Sở KHCN nhân rộng mô hình và hoàn thiện

#### 4. Kết luận hội nghị

Sau khi nghe các đại biểu trình bày và thảo luận ý kiến,  
hội nghị đã nhất trí và kết luận:

Dự án đã hoàn thành đúng các nội dung theo kế hoạch  
đã đề ra

- Kết quả dự án đã góp phần phát triển KT -XH Ban Páo  
Nâng suất cây trồng tăng, số hộ đói nghèo giảm, an ninh  
 lương thực và ổn định đời sống < không có hộ đói  
cử từ đói > bà con dân tộc ngày càng vững tin vào Đảng  
nhà nước, chính phủ và những kỹ thuật mà dự án  
đã chuyển giao cho

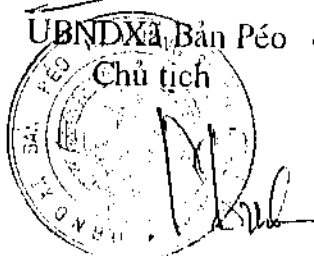
- Dự án đã giúp cho bà con dân tộc địa phương hiểu  
được những kỹ thuật canh tác trên vùng đồi dốc và  
chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo phương thức sản xuất  
nông nghiệp hàng hóa

Hội nghị bế mạc vào hồi 12...h.30 phút cùng ngày.

Đại diện Sở KHCN&MT

Đại diện Cơ quan CGCN

T/MUBND huyện  
Hoàng Su Phì



## MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN BẢN PÉO

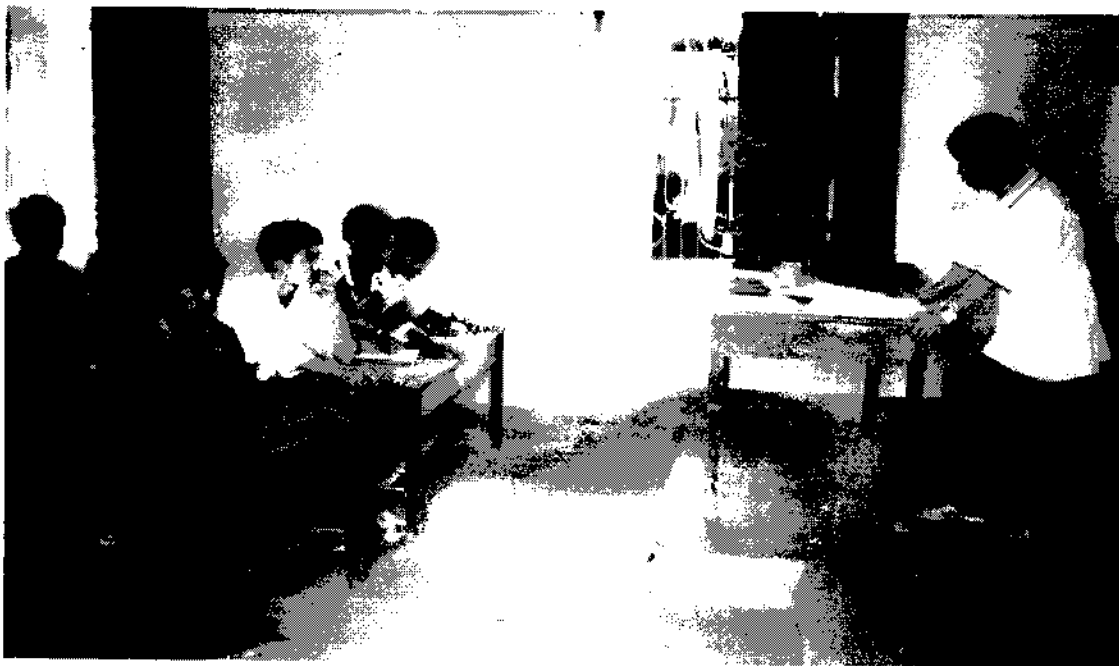


Đường lên Bản Péo



Xói mòn ở Bản Péo

Tập huấn kỹ thuật trước khi tham gia thực hiện mô hình



Hội nghị tập huấn trên đồng ruộng  
Mô hình đậu tương xuân trên đất trồng lúa





## HỘI NGHỊ THAM QUAN MÔ HÌNH THÂM CANH LÚA MÙA





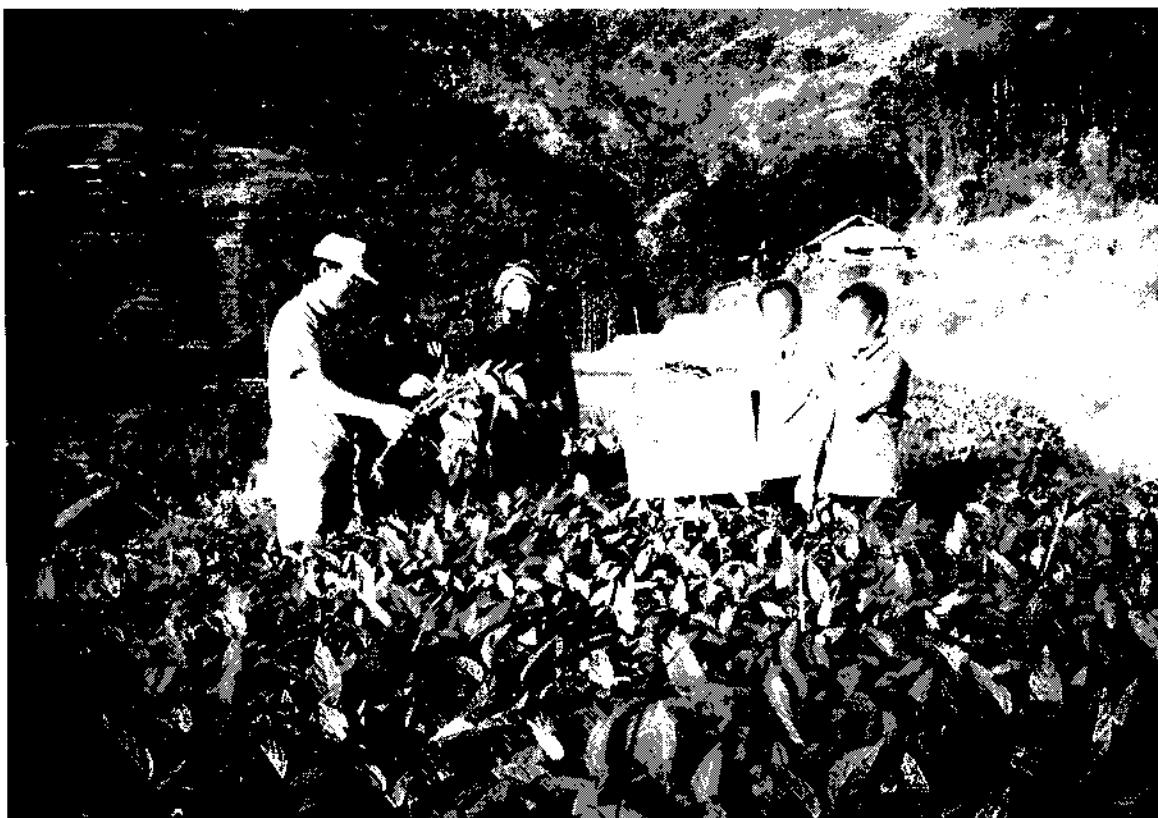
**LÚA BÀN PÉO**



**DƯ AN BÀN PÉO  
HỒ HÌNH  
TRÌNH DIỄN**



**TRAO ĐỔI KỸ THUẬT VỚI CÁN BỘ XÃ BẢN PÉO**





**MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÂY LÂM NGHIỆP  
& CÔNG NGHIỆP**



## MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI



Vịt chuyên trứng khakicampell



Nuôi ong mật



Hỗ trợ Tổ chức tiêm phòng dịch cho đàn gia súc



Hỗ trợ cỏ giống làm thức ăn chăn nuôi

## TOÀN CẢNH MÔ HÌNH CANH TÁC BỀN VỮNG



Cấp phát vật tư cho các hộ tham gia mô hình



Ngô trong mô hình



Đậu tương trong mô hình





Đậu tương hè thu và băng cỏ chống xói mòn Vetiver



Băng cốt khí trong mô hình



Băng cốt khí trong mô hình



Giám đốc sở KHCN tỉnh Hà Giang và chủ tịch UBND huyện Hoàng Su Phì  
thăm đậu tương hè thu trong mô hình canh tác bền vững



Đậu tương hè và băng cỏ Vetiver chống xói mòn



Tham quan mô hình dự án



Hội nghị tập huấn KT, tham quan mô hình



“Huyện Hoàng Su Phì đã và đang nhân rộng kết quả của dự án ra nhiều xã trong huyện.” (Phát biểu của Chủ tịch UBND huyện Nguyễn Hữu Chí trong hội nghị nghiệm thu các mô hình Dự án tại xã Bản Páo tháng 10/2002)

# HỘI NGHỊ NGHIỆM THU DỰ ÁN CẤP TỈNH

